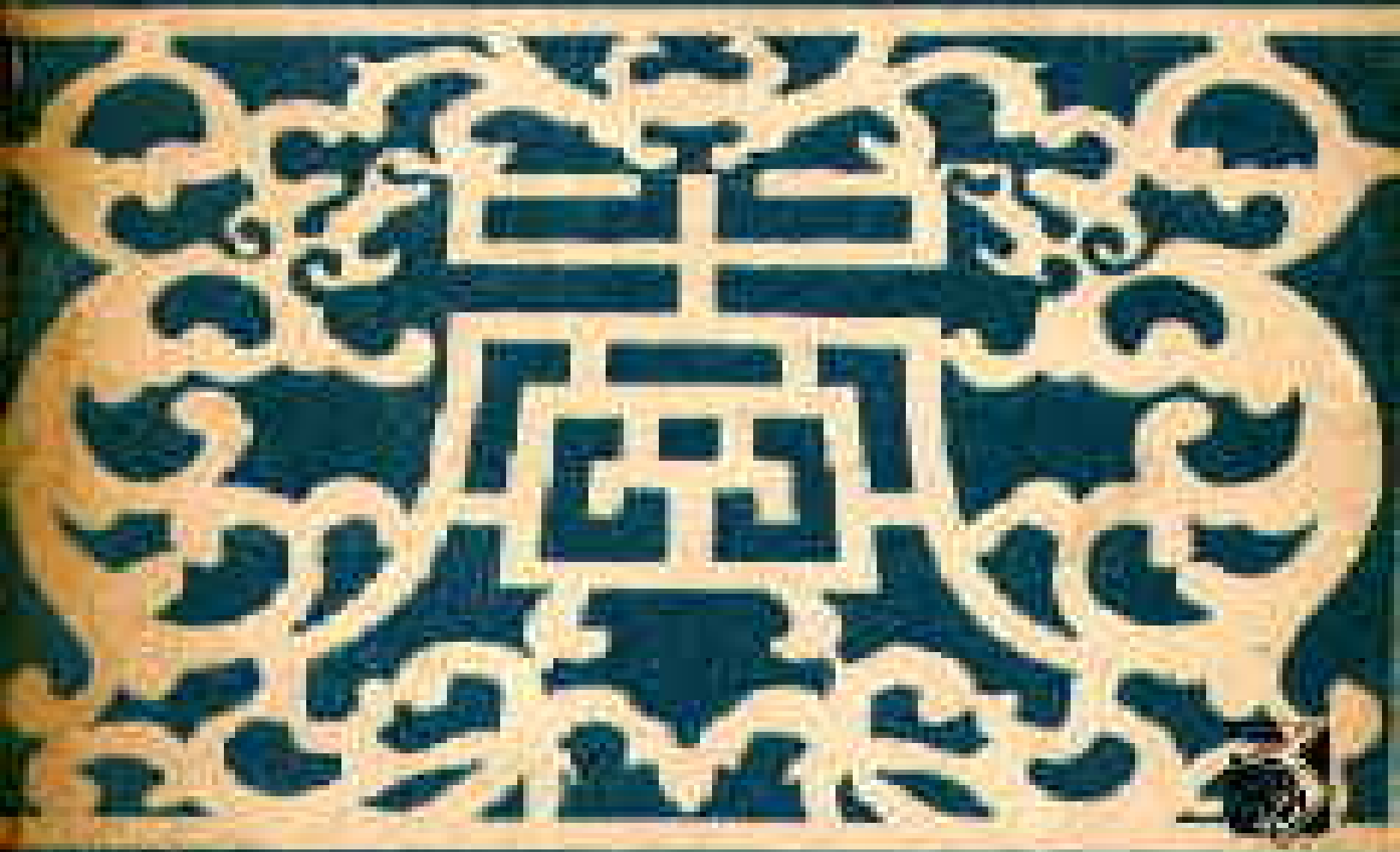


nhân viên:

đường từ hải mã

Đường từ Hải Mã

1994



1994

TÂN VIỆT

Dương Tử Hà Mậu

Nguyễn Đình Chiểu

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Mục lục

[Giới thiệu](#)

[Vào Truyện](#)

[Tiếp Theo](#)

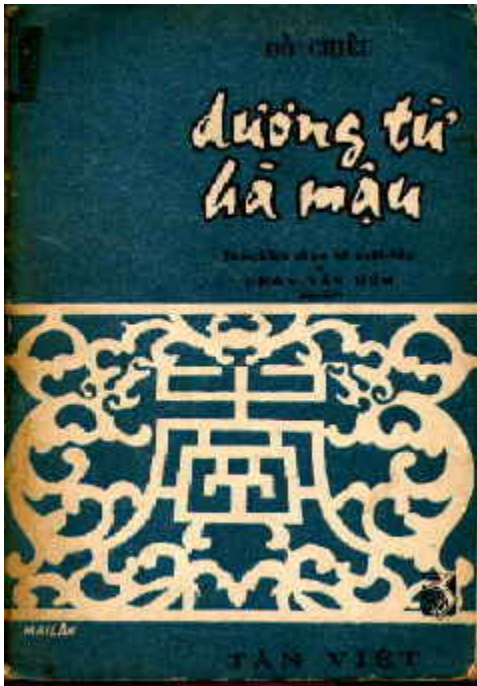
[Tiếp Theo](#)

[Tiếp Theo](#)

[Tiếp Theo](#)

[Tiếp Theo](#)

Nguyễn Đình Chiểu
Dương Từ Hà Mậu
Giới thiệu



Trong các tác-phẩm của cụ Đồ Chiểu, có lẽ quyển Dương Từ Hà Mậu là ít được phổ biến nhất; tác-giả quá đề cao đạo nho, và đụng chạm tới Phật-giáo, Thiên-chúa giáo. Quyển Lục Vân Tiên được phổ biến nhất. Quyển Ngư tiều vấn đáp y thuật chủ yếu về y-học đông phương. Quyển tôi(SonVanNguyen) có được in theo giấy phép xuất-bản số 1252/XB, ngày 27-5-1964 của bộ thông-tin Việt-Nam. Quyển này do Phan văn Hùm hiệu đính.

Phần tiểu-sử xin xem ở quyển Lục-Vân-Tiên.

Biên ngôn

Lục Vân Tiên, DươngTừ-Hà Mậu và Ngư Tiều Vấn-Đáp Y-Thuật là ba tác phẩm chánh của Đồ Chiểu. Ba tác phẩm ấy là ba tia nhánh của một khối nhiệt thành vì đạo nho, phóng ra trong ba thời kỳ, thành ba sắc tướng.

Lục Vân Tiên ra đời buổi nước nhà còn yên ổn, cho nên ý văn không thấy cảm về thời thế, chỉ thấy xót về thân thế.

Với Dương Từ- Hà Mậu cuộc biển dâu đà chan- nhần, song le Đồ Chiểu còn tràn trẻ hy vọng cứu thời, cho nên lời văn hăng hái chiến đấu.

Đến Ngư Tiều Vãn Đáp Y thuật thời sự đã dĩ nhiên, không làm sao được nữa - Đồ Chiểu đành trông nơi y thuật cứu dân đỡ khổ tật bệnh mà thôi. Nơi truyện này, văn thoát tục và thoát trần (manh nha từ truyện Lục Vân Tiên) đã hoàn toàn bộc lộ.

Ấy, ba truyện, ba vẻ, nhưng chỉ một mạch, một dòng. Duy cái dòng ấy cũng như dòng sông mãnh liệt trên nguồn, càng lần xuống càng dịu, cho đến khi tới đồng bằng, thời lờ đờ, rồi xuôi ra biển cả mà mất luôn dưới những đợt sóng ùng ùng bắt tuyệt từ xa rượt đuổi nhau cuồn cuộn nhau lướt vào.

Ngư, Tiều, ở Lục Vân Tiên, ở Dương Từ- Hà Mậu còn sinh nhai với tay lưới ngọn rìu. Ngư Tiều trong Ngư Tiều Vãn Đáp Y Thuật đã rủ nhau giệp nghề mà sắm lấy dao cưa.

Ông Quán trong Lục Vân Tiên còn thương còn ghét. Lão Nhan Tú Thất trong. Dương Từ- Hà Mậu còn chỉ đục ngọc thiên đàn. Kỳ Nhân Sư trong Ngư Tiều Vãn Đáp Y Thuật thời hết tưởng đến việc đời "xông hai con mắt bỏ liều cho đui" để giữ lấy lòng đạo mà thôi.

Nỗi lòng Đồ Chiểu ai người hiểu chẳng?

Nỗi lòng ấy, đừng tìm riêng trong truyện Lục Vân Tiên, mà phải tìm khắp tác phẩm Đồ Chiểu.

Văn chương Đồ Chiểu cũng không trở hết trong Lục Vân Tiên.

"Thi ngôn chí"

Đồ Chiểu không làm văn để làm văn. Trong Ngư Tiều Vãn Đáp Y Thuật cụ nói : "Ở đây nào phải trường thi,

"Ra đề hạn vận một khi buộc ràng ?

"Trượng phu có chí ngang tàng."

Đại để Đồ Chiểu có văn là có ý, có chí, không cầu chải chuốt giời mài cho đẹp, vì đẹp.

Tuy nhiên, hãy đọc Dương Từ- Hà Mậu, cũng thấy lắm câu hay. Như hỏi tuổi người gái sang trọng:

"Chưa hay hai gái hoa tươi,
"Đứng trong đào liễu đua cười mấy xuân ?"

Tả cảnh vang bóng thái bình, thời :

"Ven gành một nhăm hắt hiu,
"Tiếng ngư trong núi, bóng tiều ngoài khơi !"

Còn sánh với câu Chinh phụ ngâm:

"sâu ôm nặng hãy chồng làm gối,
"Muộn ôm dày hãy thối làm cơm."

Câu văn của Đỗ Chiêu rút gọn mà không kém bề hay :

"Xiết bao gió chớp mưa luân,
"Chất sầu làm gối, nấu buồn làm cơm !"

Về chuyện thiên đàng địa ngục trong truyện Dương Từ- Hà Mậu hoặc có người cười dị đoan. Nhưng đấy chẳng qua là tư tưởng chung của người mình ở thời xưa mà nay cũng chưa quên hẳn.

Vả xem Tây phương thi sĩ cũng cho vào tưởng tượng chuyện địa ngục thiên đàng, để tượng trưng ý tứ. Như Divine Comédie của Dante, Faust của Goethe.

Gần đây ở ta, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu có thơ hầu trời trong "Khối tình con", rồi lại trong "Giấc mộng con thứ hai" còn lên trời gặp bao nhiêu là danh nhân ở hạ giới.

Về truyện Dương Từ - Hà Mậu ông giáo Nguyễn văn Nghĩa có viết trong báo Việt Nam, xuất bản ở Sài gòn, ngày 14 Novembre 1936 : "Khi cụ Đỗ Chiêu mù, ở lại Tân-thuận-đông, tổng Dương-hòa-hạ trong hai ba năm, nơi nhà ông bạn, ông nhiều Lê Quang Thịnh (tên này là tên ở trong làng : khi đi thi người ta không kêu là Lê Quang Thịnh, mà kêu là Nhiều Cơ); ở đấy

muốn vui lòng ông bạn, luôn tiện để bênh vực đạo nho, cụ Đồ đọc quyển Dương Tử - Hà Mậu cho ông "Nhiêu Cơ chép."

Ngoài lời trên đây của ông giáo Nguyễn văn Nghĩa, chúng tôi chưa thấy ở đâu có chỉ dẫn rõ ràng hơn nữa về bốn truyện này.

Ngoài bản quốc ngữ của ông Nhiêu Cơ, chúng tôi có được xem bản nôm của ông Hồ văn Lân, ở Cần giuộc (Chợ-lớn).

Bên trong còn nhiều nơi bất ổn, chúng tôi chẳng hài lòng. Nhưng chưa có may nào thấy được bản khác để mong lấy ở số nhiều giảm bớt sai ngoa, nên chúng tôi phải tạm trình bản sao lục này dưới mắt xanh của thức giả, cầu phủ chánh cho.

Phan Văn Hùm

Nguyễn Đình Chiểu

Dương Từ Hà Mậu

Vào Truyện

1.- Trái xem mấy truyện chư gia,
Chuyên vì đạo học, soạn ra để đời.

Dị đoan xưa đã bời bời,

Lại thêm đạo Phật, đạo trời, lãng nhãng,

Thói đời nhiều việc băng xăng,

Đố ai biết đặng đạo hăng người ta.

Đua nhau kính chuộng đạo tà,

Một câu "quả báo", muôn nhà đều tin.

5.- Nói rằng: Trời, Phật, sách in,

Tội về địa ngục, phước lên thiên-đàng.

Có người về đạo Hòa-lan,

Năm đời truyền thói khoe khoang cầu hồn.

Họ Hà, tên Mậu, người khôn,

Ở đời [Hậu Tấn](#), [Long môn](#) quê nhà.

Sáu mươi tuổi tác hầu già,

Tuy là giàu có, trong nhà không con.

Rạng giời một tấm lòng son,

Của tiền bố thí, không còn so đo.

10.- Vợ chồng giữ đạo bo bo,

Ơn trời ngỏ đặng chút cho phước lành.

Hôm mai luống những đọc kinh,

Amen ! đức Chúa có linh chẳng là.

Liễu Thơ là vợ họ Hà,

Chiêm bao năm thấy nguyệt sa trên mình.

Tự nhiên có ghen thành linh,

Khiến người Hà Mậu thấy tình sanh nghi.

Nói rằng: Khí huyết già suy,

Hay đâu chữa ghen, e khi bệnh gì ?

15.- Sai người tìm rước danh y,

Anh em đồng đạo, tên Kỳ họ Châu.
Châu Kỳ coi mạch hồi lâu,
Nói rằng: Chị mắc quý đầu thai đây.
Mậu rằng: Nhờ lượng ơn thầy,
Mạch kia đã hẳn, thuốc này ắt hay.
Kỳ rằng: Để hốt thang này,
Quý thai bịnh ấy từ đây trừ rồi.
Thuốc thang mấy tháng uống bồi,
Càng thêm lớn bụng, gần hồi sanh thai.

20.- Họ Hà thấy vậy than dài:
Tuổi già còn hãy mang tai thế này ?

Kỳ rằng: Đó chẳng biết đây,
Trải ba đời cũng làm thầy vừa ba.
Châu Phan xưa thật chú ta,
Trị thai có phép truyền gia rất mầu.
Liễu nương quý bịnh đã lâu,
Xin cầu thầy khác, ngõ hầu thay tay.
Ta nghe đồn phía Sơn tây,
Rằng non Tùng lãnh có thầy địa tiên.

25.- Tên người là Lý Tri Niên,
Thường ngày luyện thuốc thần tiên Đan kỳ.

Ta xin ra sức đem đi,
Tới nơi cầu thuốc diệu y rõ ràng.
Mậu rằng: Ta đạo Hòa-lan,
Tiên là đạo khác, có màng chi nhau.

Kỳ rằng: Sách đặt có câu:
"Tế sanh hoạt mạng" sách đầu đạo y.
Làm thầy đâu có hẹp suy,
Bịnh đau thời cứu, đạo gì tại sao ?

30.- Ai ai cũng vốn đồng bào,
Sanh trong trời đất lẽ nào ghét nhau ?
Họ Hà thấy vậy cũng sầu,

Gượng đi cùng bạn, lên cầu thầy tiên.
Trải qua mấy dặm sơn xuyên,
Phút đâu lối thấy gần miền Tùng san.
Đường đi đá mọc nghinh ngang,
Bụi cây rậm rạp, thạch bàn nhiều nơi.
Ngó lên trên đỉnh rạng ngời,
Mặt nhìn cảnh vật khác nơi phàm trần.
35.- Mây bay, nước chảy, mây từng,
Bóng từng che núi, như vừng lọng xây.
Chim kêu, vượn hú, vang đầy,
Hiu hiu gió thổi, lá cây reo mừng.
Hai người đứng lại trông chừng,
Thấy tên đồng tử trong rừng bước ra.
Chào rằng: Hai gã đường xa,
Ai là tên Mậu, họ Hà, nói minh ?
Họ Hà nghe nói thất kinh,
Ràng: Sao sớm biết tánh danh ta rày ?
40.- Đồng rằng: Có khách ngày nay đến nhà.
Ta vâng lời dạy thầy ta,
Ra đây đón rước, đem qua Thạch bàn.
Hôm nay là bữa thanh nhàn,
Thầy ta lên chốn Thạch bàn châu tiên.
Hai người nghe nói đi liền,
Theo người đồng tử vào miền Tùng san.
Ngó lên đỉnh núi Thạch bàn,
Thấy hai ông lão dựa ngang đánh cờ.
45.- Tóc râu đều bạc phơ phơ,
Hình dung, cốt cách nhớn như ai bì.
Có hai quyển sách chi chi,
Cùng hai chim hạc tương tùy một bên.
Tri Niên Hầu, đứng trên nền,
Thấy hai người khách dạo lên Ngọc hồ.

Hỏi rằng hai gã Gia-tô,
Đến đây lòng muốn hỏi, phô, việc gì ?
Họ Hà đặt gỏi liền quì,
Thưa rằng: Cầu thuốc cứu nguy bệnh nhà.
50.- Tri Niên chẳng kịp nói ra,
Hai ông trên đỉnh liền xoa cuộc cờ.
Cười rằng: Hà Mậu rất khờ.
Khéo nghe thầy tục tầm phơ nói quàng !
Liều nường nghén đủ mười trăng,
Song sanh hai gái, Tuyết, Băng, trên đời.
Vinh hoa có số ở trời,
Số người sau cũng đổi đời mới nên.
Mấy lời ta nói chớ quên,
Đừng mong sau thác đặng lên Thiên đàng.
55.- Ông cha trước đã làm đàng,
Thời sau con cháu tính toan lẽ gì ?
Nói rồi cỡi hạc bay đi,
Họ Hà chưa hỏi việc chi đành rành.
Hai người là khách hữu tình,
Tri Niên mời lại gia đình cùng nhau.
Mậu rằng: Cầu thuốc vợ đau,
Tiên ông lại nói việc sau cũng kỳ !
Chẳng hay người học phép chi,
Cho nên mà biết thanh suy việc người ?
60.- Niên rằng chẳng dấu chi người,
Hai ông lão ấy thật người thiên công.
Phép hay biến hóa, thần thông,
Một ông Bắc đẩu, một ông Nam Tào.
Hai ông giữ số Thiên tào,
Mạng dân sanh tử đều vào trong tay.
Hai người về kíp ngày nay,
Tới nhà mới thấy lời hai ông truyền.

Họ Hà nghe nói về liền,
Tới nhà thấy vợ đến miền khai hoa,
65.- Đẻ ra hai gái nồn nà,
Mùi hương thơm ngát, trong nhà đều kinh.
Mậu rằng: Tiên đạo chí linh,
Thinh không mà biết sự tình khắp nơi.
Kỳ rằng: Ta học đạo trời,
Xưa nay linh nghiệm có lời phương nao ?
Muốn cho rõ việc âm hao,
Ngày sau ta phải trở vào Tùng san.

*

* *

Thứ này đến thứ họ Dương,
Làm người chút biết văn chương gọi là.
70.- Nam Khang vốn thật quê nhà,
Sánh cùng họ Đỗ, ở Trà Thạch Khê.
Nường theo dân dã thú quê,
Lập vườn, làm ruộng, chuyên nghề làm ăn.
Họ Dương cùng vợ nguyện rằng:
Trăm năm xin giữ đạo hằng cùng nhau.
Đã năm mươi mấy tuổi đầu,
Không con nối nghiệp, nhữ sầu thon von.
Bao nhiêu chùa miếu cung son,
Ngõ nguyên cầu đặng chút con nối đời,
75.- Liền ngày vái Phật, vái Trời,
Tấm lòng tin, cúng khắp nơi miếu chùa.
Của nhà có việc bán mua,
Ra ơn làm phước, hơn thua chẳng nài.
Phút đâu họ Đỗ thọ thai,
Tới kỳ sanh đặng hai trai một lần.
Phước đà liền nối gót lân,
Phận mình: giàu có, thanh bần, cũng ưng.

Người trong làng xóm đều mừng,
Ai hay [lão bạng, có chừng sanh châu](#).

80.- Nhớ "câu thiện ác đáo đầu"
Làm lành gặp phước, thế đâu có lầm.
Dương Từ lòng hồi mừng thầm,
Hai trai tướng mạo khác tầm thường nhân.
Vẻ vang cốt cách tinh thần,
So trong trẻ nhỏ phàm dân ít bằng,
Họ Dương mới đặt tên rằng:
Dương Trân, Dương Bửu, hai thằng anh em.

Hai con đều đẹp mắt xem,
Việc trong gia đạo lại thêm bần hàn.
85.- Dương từ khi ấy liệu toan,
Xuất gia đầu Phật, giữ an phận mình.
Đã đành một tấm lòng thành,
Còn con nối nghiệp, mới đành qui y.
Nay đà sinh đặng nam nhi,
Nam mô hai chữ "từ bi" thân già.
Bao nhiêu thế tục gần xa,
Nhân tình ấm lạnh, trải qua đã rồi.
Trong vòng danh lợi...thôi thôi !
Hoàng lương nửa gối, mấy hồi chiêm bao.

90.- Sang giàu lòng chẳng ước ao,
Hoa tàn, mây nổi, nước xao, trăng lờ.
Hai con tuổi hãy còn thơ,
Hôm, mai, ấm, lạnh, cậy nhờ hiền thê.
Trong tay một chuỗi bồ đề,
Trăm năm xin cõi lờ thề nước non.
Trả rồi nợ vợ nợ con,
Từ đây giữ vẹn lòng son tu hành.
Nói thôi quày quả đặng trình,
Nhắm nơi am tự một mình ra đi.

95.- Thương thay hai gã hài nhi,
Cùng nàng Đỗ thị sầu bi muôn phần.
Than rằng: Chàng hỡi! Lương nhân!
Am vân đường cách cõi trần xa xa.
Hai con tuổi mới lên ba,
Có cha giống đũa không cha cũng kỳ !
Bao đành bỏ vợ con đi ?
Cửa nhà bần bạc, cậy gì ngày sau ?
May nhờ tấc cỏ ngọn rau,
Mẹ con lần lựa nuôi nhau tháng ngày.

100.- Dương từ ở chốn am mây,
Cải tên, đặt hiệu: danh thầy Thiện trai.
Dốc lòng tầm dấu Như Lai,
Đã đành trốn cõi trần ai, không về.
Thị, phi, mặc thế khen chê,
Tương rau cũng đã an bề đi tu.
Sớm hôm chuông mõ, công phu,
Tụng kinh niệm kệ ở Phù-đồ-sa.

*

* *

Bây giờ đến lúc họ Hà,
Vợ là Liễu thị đẻ ra con lành.
105.- Quả nhiên hai gái song sanh,
Tiên ông có dạy đành rằng chẳng ngoa,
Nay đà giáp tháng bông ra,
Mời anh em đến nhóm, mà đặt tên.
Bà con nội ngoại hai bên,
Một ông trưởng tộc: ngồi trên, dạy rằng:
Hài nhi gương mặt như trăng,
Đặt tên Xuân tuyết, Thu Băng, cho lành.
Họ Hà nghe nói giật mình,
Nhớ lời tiên dạy sự tình khăng khăng:

110.- Bảo rằng: Nghén đủ mười trăng,
Song sanh hai gái tuyết, băng, trên đời.
Tiên ông nói chẳng sai lời,
Lại rằng: Thói tục đổi đời, lẽ chi ?
Xui nên tắc dạ hồ nghi,
Gẫm trong mình lại muốn đi non Tùng.
Hỏi cho biết lẽ cát hung,
Trăm năm đặng rõ thủy chung việc mình.
Xảy vừa tối buổi du minh,
Châu Kỳ, bạn cũ, có tình viếng thăm.

115.- Hỏi rằng: Hai trẻ giáp năm,
Gẫm lời tiên dạy có nhằm cùng chẳng ?
Mậu rằng: Xuân Tuyết, Thu Băng,
Tiên dạy hai chữ, khăng khăng nhớ lời.
Kỳ rằng: Ta trọn ba đời,
Trong nhà thờ đức Chúa Trời lâu nay.
Mấy đường họa, phước, rui, may,
May nhờ, rui chịu, thấy bầy chi đâu.
Mậu rằng: Ta cũng thêm sâu,
Ông cha thưở trước tha cầu vụng toan.

120.- Sách ghi chữ đạo là đàng,
Đàng đi nào phải một phang hẹp hòi.
Người đời há dễ không coi,
Đàng nào đi dễ, mà noi cho nhằm.
Ví dầu lỡ bước lỗi lầm,
Một đời cũng biết, huống năm ba đời?
Kỳ rằng: Đàng ở dưới trời,
Có nơi chánh bộ có nơi tha kỳ.
Đã đành hai chữ "tiền phi",
Chẳng đi đàng chánh, lại đi đàng tà.

125.- Phải đời con cháu vinh hoa,
Ai còn dám nói ông cha lầm đàng.

Muốn cho rõ máy hành tàng,
Phải tìm dấu trước, hỏi han sự tình.
Thị phi chẳng những việc mình,
Việc mình còn hãy bất bình nhiều nơi.
Bao nhiêu đạo ở dưới trời,
Thảy đều xưng thánh, khoe lời rằng hay.
Ví dầu một lũ chim bay,
Con nào trống mái, mấy tay biết rành.
130.- Đạo ta dầu có hiển linh,
Trải xưa nay cũng một mình Gia-tô.
Đạo Tiên, đạo Phật, đạo Nho,
Cớ sao chẳng mộ, bo bo đạo trời,
Trời đâu nở để các nơi chê đành ?
Cây cao biết mấy mươi ngành,
Còn noi một gốc, hướng sanh làm người.
Mậu rằng: Tiên đạo tốt tươi,
Phen này ta nguyện theo người đi tìm.
135.- Làm người há chẳng bằng chim,
Chim còn biết chọn cây êm gởi mình.
Vén mây mới thấy trời xanh,
Tìm đàng phải dọn ngọn ngành gai chông.
Kỳ rằng ta muốn thẳng xông,
E đi rồi lại thẹn thùng nước non.
Học y đã mấy năm tròn,
quý thai một bệnh, mạch còn nói sai.
Tiên ông mấy nắm tay ai ?
Thình không mà biết song thai mới kỳ
140.- Trách chi mang tiếng tục y,
Khoe tài coi mạch, thật khi người đời,
Ta đi thời mắc Tiên cười,
Chi bằng ở lại khỏi người chê khen.
Anh nên tìm Lý tri Niên,

Theo người ắt đặng gặp Tiên non Bồng.
Sau dầu rõ nỗi đục trong,
Đó sao đây vậy, một lòng mà thôi.
Dặn rồi vội vã chơn lui,
Nhắm chừng tử lý về xuôi một bề.
145.- Họ Hà trở lại hương quê,
Đay cơm, bầu nước, đề huề ra đi.
Đi vừa gặp lúc xuân kỳ,
Đoái nhìn cảnh vật một khi vui lòng.
Hữu tình thay ngọn gió đông,
Cành mai nở nhụy, lá tùng reo vang.
Cỏ thơm hớn hở bên đàng,
Như tưởng mừng khách Đông hoàng đến đây.
Lú lo chim nói trên cây,
Như tưởng chào hỏi khách này về đâu ?
150.- Hai bên cây mọc giao đầu,
Như tưởng đón rước, giàn hầu người sang.
Dưới khe nước chảy tự đàn,
Như tưởng mừng bạn hương quan tách vơi.
Trăm hoa đua nở, miêng cười,
Như tưởng mừng rỡ gặp người cố tri.
Mảng xem phong cảnh dị kỳ
Hay đâu lỡ bước, lại đi lầm đàng.
Xa xem hình dạng khác thường,
Cõi lừa chằm chằm bỗng dưng ngâm thơ.
155.- Họ Hà dừng bước đứng chờ,
Lắng nghe người ấy lời thơ ngâm rằng:
Thi rằng:
Tam Hoàng, Ngũ Đế, dấu vừa qua,
Mối đạo, trời trao đức thánh ta.
Hai chữ "tín, thành" an các nước,
Một câu "trung hiếu" dựng muôn nhà,

Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,
Đâm mấy thằng gian, bút chẳng tà.
Căm bậy ! Loài ngu theo thói mọi !
Trời gần chẳng kính, kính trời xa.
Họ Hà nghe tiếng ngâm rồi,
Trong dạ bồi hồi, bước tới hỏi thăm.
Vó lừa đi tới xăm xăm,
May đâu lại nhằm ông Lý tri Niên.
Mậu rằng: Tôi thật hữu duyên,
Tìm tiên, mà lại gặp tiên giữa đàng,
Niên rằng: Chẳng ở nhân gian,
Việc chi lên chốn thâm san một mình ?
160.- Độc trùng, ác thú, không kinh,
Đàng chim, dấu thỏ, lộ trình xiết bao !
Mậu rằng: Xưa nhớ lời trao,
Phải lên nói lại âm hao cho tường.
Xin thầy chỉ vẽ mọi đàng,
Đem tôi lên chốn Thạch bàn ngày xưa.
Niên rằng: Trong cõi mây mưa,
Khôn mời Bắc Đẩu, khó thưa Nam Tào,
Hai ông vốn thật vì sao,
Người con mắt tục thấy sao đặng hoài ?
165.- Gần đây có núi Thiên thai,
Có chùa Linh diệu, có đài Âm dương
Trong chùa lại có hai hang,
Một đàng Bích lạc, một đàng Diêm la.
Có ông tiên trưởng, Thầy ta,
Hiệu là Tứ Thất, tên là lão Nhan.
Thường ngày luyện thuốc kim đan,
Một mình gồm đủ ba ngàn xuân thu.
Đảng nhân một cõi thanh u,
Nay chơi sông thánh, mai du non thần.

170.- Phép hay: trời đất thấu gần,
Sai đồng, đánh thiệp, có phần linh thông,
Theo ta lên đó thời xong,
Hỏi điều căn số, rõ trong sự tình.
Bao nhiêu những việc tiền trình.
Lòng tiên, một tấm, gương minh soi rọi.
Họ Hà nghe nói lòng vui,
Mang gói lần hồi, lên núi Thiên thai.

*

* *

Họ Hà chuyện vẫn còn dài,
Để nối đầu bài, nói chuyện họ Dương.
175.- Từ chàng cách biệt gia hương,
Đã ba năm trường, ở chốn am mây.
Hôm mai chuông mõ vang dầy,
Chúng tăng đều gọi có thầy Thiện Trai.
Bao nhiêu thế tục gác ngoài,
Một râu chuỗi hạt mang vai, gìn lòng.
Qui hương ba thứ đã xong,
Mười lời giới cấm, cũng không phạm gì.
Ban sơ làm phận tu trì,
Năm nay lên chức thái sư một chùa.

180.- Vô ra trong cõi Phù đồ,
Thấy người tài, sắc: nam mô Di Đà !
Ngày ngày kinh kệ ngâm nga,
[Lăng Nghiêm, Viên Giác, cùng là Kim Cang](#)
Phút lòng buồn bực chẳng an,
Đạo chơi ra chốn tam quan một hồi.
Am vân cảnh vắng nào vui,
Coi bao nhiêu lại ngậm ngùi bấy nhiêu.
Vội vàng trở lại hậu liêu,
Bạch cùng Hoà thượng xin điều vân du.

185.- Hòa thượng cũng người học nhu,
Tên là Trần kỷ, ở Phù đồ sa.
Lắm phen ứng cử, đăng khoa,
Thi văn chẳng đỗ, lòn ra cửa thiên.
Giận đời nhiều việc đảo điên,
Làm thi khuyến thế, ngày liền ngâm chơi.

Thi rằng:

Người xưa cầm đuốc đạo đêm chơi,
Nào có cưu chi cái việc đời,
Phụng Thuấn, lân Nghiêu, tuồng trước nát,
Hươu Tần, rắn Hán, thói sau đời.
Thánh hiền để dấu vài pho sách,
Tạo hóa theo mình mấy tắc hơi ?
Trong cuộc phù sanh ai cũng thế,
Dầu hay, dầu dở, chẳng qua trời.
Họ Dương sắm sửa hành trang,
Lạy thầy Hòa thượng, lên đàng vân du.
Kìa non, nọ nước, mặc dầu,
Non nhân nước trí, nhiệm màu thành thơi.

190.- Người sanh ra ở trong trời,
Xưa qua, nay lại, nghĩ đời: "luận sau".
Trong vòng danh lợi như nhau,
Hết vinh, đến nhục, sang giàu chi ai ?

Có câu "xuân bất tái lai",
Bóng già theo gót, biết nài chi đây.
Đã đành thiên trượng một cây,
[Giới đao một lưỡi, từ rày thế gian.](#)

Xưa nay trong cuộc gian nan.
Vật đều có chủ, ai toan chia giành ?

195.- Kìa kìa gió mát trăng thanh,
Tai nghe, mắt thấy, mới đành của ta.
Nguồn đào, cụm liễu, trải qua,

Tin xuân đưa: bướm, ong, hoa, dầy dầy.

*

* *

Đi vừa xa chốn am mây,
Tới nơi Hà lãnh trời tây hầu chiều.
Ven gành một nhăm hắt hiu,
Tiếng ngư trong núi, bóng chiều ngoài khơi.
Bên non hầu khuất mặt trời,
Dương Từ thơ thần tìm nơi gọi mình.
200.- May đâu gặp một tiểu sanh,
Cho trâu uống nước dưới gành Hà tây.
Ngồi cầm ống quyển trong tay,
Thôi rồi lại hát, hát hay lại cười.
Dương Từ bước tới xem chơi,
Gẫm ba câu hát, thật lời thạch kim.

Hát rằng

Buổi trời Nghiêu, bóng chiều ngao ngán,
Ngày tối rồi chờ sáng cũng lâu.
Tiếng chim oanh đổ canh mái bắc,
Ai đi đồng kéo tắt trời tây.
Cõi nhân gian nhiều đàng lăm lỏi,
Gặp trời chiều, khó nổi đi xa.
Hát rồi lại thối ống chơi,
Gẫm trong thú vị, thảng thơ hơn thiền.
Dương Từ bước tới hỏi liền:
Ba câu hát ấy, ai truyền cho người ?
205.- Tiểu sanh nghe hỏi nức cười,
Đáp rằng: Vốn thật có người dạy ta.
Gần đây vài dặm chẳng xa,
Có thầy đạo sĩ tu đà nhiều năm,
Lập am ở chốn tây lâm,
Tháng ngày thông thả, đờn cầm, ca thi.

Thuốc thang, phù chú, ai bì,
Người đau tới đó, bệnh chi cũng lành.

*

* *

Dương Từ nghe nói đành rành,
Xăm xăm bước tới đầu gành Tây lâm.

210.- Đến nơi trời đã tối dầm,
Đứng xa ngoài cửa , nghe ngâm thi rằng:

Thi rằng:

Biết ân phụ tử, nghĩa quân thần,
Nhờ có Trời sanh đức Thánh nhân.
Nét mực tu kinh ngăn đũa loạn,
Dấu xe hành đạo rạch trong trần.
Trăm đời còn cảm lời than phụng,
Muôn thuở đều thương tiếng khóc lân.

Phải đặt bút Châu biên sách Hán,
Mọi nào dám tới cạo đầu dân !

211.- Thơ rồi lại khảy đàn cầm,
Như tuồng mừng bạn tri âm tới nhà,
Tử Kỳ xưa gặp Bá nha,
Ngón đờn "lưu thủy" nay mà còn đây.

Dương Từ gõ cửa kêu thầy,
Rằng: Ta lỡ tối, xin thầy độ ta.

Đạo nhân nghe gọi bước ra,
Chào rằng: Thiên khách đâu mà đến đây ?

215.- Lều tranh, giường đá, chiếu mây,
Khô nai, cơm bắp, rượu chay, tạm dùng !

Từ rằng: Lời dám hỏi ông:

Ở trong am tự sao không Phật thờ ?

Sĩ rằng: Lòng chẳng ước mơ,
Bởi vì chữ Phật sánh vừa chữ nhân,
Đường qua [tây vực](#) chẳng gần,

Côi di, côi hạ trời phân rõ ràng .

Ta từng coi sách nhà Đàng (Đường),

Thấy lời "Phật biểu" họ Hàn biết tin.

220.- Phật nhân, sống cũng chẳng nhìn,

Huống chi hình vẽ, tượng in thờ gì ?

Từ rằng: Phật vốn từ bi ! ...

Sĩ rằng: nào có ích gì dân phong.

(Lược)

Từ rằng: Thầy học đạo chi?

Sĩ rằng: Thiên hạ thiếu gì đàng xưa.

Lẽ đời như chiếc thuyền đưa,

Mặc ai đi sớm về trưa, chẳng màng !

225.- Kia là họ Lão, họ Trang,

Họ Dương, họ Mặc, họ Hàn, họ Thân.

Các nhà xưa cũng cổ nhân,

Khai đường mở ngõ, trong trần nhiều nơi.

Có nghe các họ đua bơi,

Không nghe họ Phật ở đời trung nguyên.

Từ rằng: Biết đạo nào chuyên ?

Sĩ rằng: Xưa có sách hiền soạn câu:

Một bầu trời đất như châu

Mặt người kim cổ, chèo đâu thì chèo.

230.- Từ rằng khó biết phương theo,

Sĩ rằng: Lửa phải xuống đèo, lên non.

Vua tôi, chồng vợ, cha con,

Anh em, bầu bạn, vuông tròn mới xong.

Chẳng tin, coi một ngày rông:

Đi đâu cho khỏi đạo trong cương thường ?

Ta xưa cũng khách thơ đường,

Mày xanh có chí hiển dương trên đời,

Ghét đời thúc quý đua bơi,

Sợ trời nên phải tìm nơi ẩn mình,

235.- Vốn không học thói [Lan đình](#),
Xúm nhau thăm thĩ phẩm bình cổ [câm](#).
Cũng không học thói [Trúc lâm](#),
Rủ nhau uống rượu hôn trầm ngày đêm.
Gió, trăng, bầu bạn anh em,
Sớm nghe tiếng dế, tối xem bóng [thiềm](#).
Mộ riêng một cảnh [thanh điền](#),
Sẵn hoa dưới hố, sẵn chim trên cành.
Hương, nai, khí, độc đua tranh,
Vật trong trời đất mặc tình xem chơi.

240.- An, nguy có phận ở trời,
Người đời đừng mắc nợ đời thì thôi.
Dương Tử nghe nói rẽ ròi,
Một đêm chẳng ngủ, luống ngồi lo âu.
Nghĩ rằng mình đã đi tu,
Hãng như lời ấy: công phu lỡ làng !
Cương thường để mặt ai toan,
Đạo ta giữ vẹn, nào can phạm gì ?
Xây vừa trời sáng, hầu đi,
Hỏi rằng: Húy tự, tên gì dạy tôi ?

245.- Sĩ rằng: Trọn đạo thời thôi,
Người đời lựa phải trau dồi tánh danh ?
Trời cao đất rộng, thanh thanh,
Non xanh, nước biếc, đã đành phui phai.
Hỏi thời ta phải nói ra:
Ba ngàn thế giới, ta là vô danh.
Từ rằng: Đâu thật có danh ?
Sĩ rằng: Linh diệu đã đành chùa tiên.
Dương Tử vội vã đi liền,
Ngồi lâu lại sợ cửa thiền mắc chê.

250.- Trái qua mấy dặm lâm, khô,
Hiu hiu gió thổi, phê phê nhành tùng.

Đào hoa, liễu yếu, song song,
Một vầng mây bạc bóng lồng phau tuôn.
Giận đời đại sĩ để duông Phật gia.
Đi vừa đến tuổi Kim ba,
Thấy một ông già xuống tắm mà chơi.
Tắm rồi mát mẻ thanh thời,
Hát một vài lời, nghe rất êm tai.
Hát rằng:
Tắm nước trong, rửa lòng đã sạch,
Cám thương người làm khách trần ai !
Gió xuân qua, mình ta đã mát,
Cám thương người phiêu lạc tha hương !
Gấm rùng nhu, công phu ngơ ngáo,
Tuổi già rồi, thế đạo còn xa !
255.- Hát rồi tay chống gậy lê,
Vai mang bầu rượu, lần về cõi tây..

Chú thích:

Hậu Tấn : Thạch Kinh Đường lên ngôi, lập đời Hậu Tấn (936-947 Tây nguyên)

Long môn: Long môn, thuộc tỉnh Sơn tây bên Tàu.

lão bạng, có chường sanh châu: Con trai già sanh ra hột châu : già mà còn có con.

Đảng nhàn: không lưu ý đến việc gì cả.

Lăng Nghiêm, Viên Giác, cùng là Kim Cang: kinh Lăng Nghiêm, kinh Viên Giác, kinh Kim Cang hiệp với kinh Lăng già, kinh Đại Bát Nhã và kinh Duy Ma Cật làm "Lục tịch" của Thiên tông.

Giới đao một lưỡi, từ rày thế gian: Từ : già - Giới đao : dao nhà sư đeo.

Hát rằng: Những câu hát trong tập này, nên hát theo giọng chèo ghe, hoặc theo giọng đưa em ở Nam phần.

thiền: cảnh chùa.

tây vực: xứ Ấn độ, chỗ Phật ở.

Cối di, cối hạ: Di : mọi rợ, Hạ : Hoa Hạ, nước Tàu văn minh.

họ Hàn: Hàn Dũ

Họ Dương, họ Mặc, họ Hàn, họ Thân: Dương Châu, Mặc Địch, Hàn Phi Tử, Thân Bất Hại,

châu: chiếc thuyền.

Anh em, bầu bạn, vuông tròn: Ấy là ngũ thường,

hiển dương: Làm cho rõ ràng tên tuổi.

Ghét đời thúc quý: Đời rớt. Đây chỉ đời Ngũ Đại tàn Đường, cũng gọi là Ngũ quý. Chuyện xảy ra thời Thạch Tấn.

Lan đình: Vương Hy chi đời tấn nhóm bạn chơi ở Lan đình, có đề thiếp ở đó, chữ tuyệt hảo.

câm: Câm là kim, nghĩa là nay.

Trúc lâm: Trúc lâm thất hiền.

thiền: thiền thờ : trắng.

thanh diễm: trong sạch êm đềm.

Nguyễn Đình Chiểu

Dương Từ Hà Mậu

Tiếp Theo

255.- Hát rồi tay chống gậy lê,
Vai mang bầu rượu, lần về cõi tây.
Dương Từ đứng dưới bóng cây,
Hỏi rằng: Lão trượng làm thầy chi chẳng?
Lão rằng theo thói làm ăn,
Người con mắt tục, ai rằng thầy ai?
Từ rằng: Tán, kiệu, mào, đai,
Ngôi cao, quyền trọng, đổ ai không thầy?
Lão rằng: Ta ở chốn này,
Sáu mươi mấy tuổi, biết thầy nào đâu.
260.- Thánh xưa, trước mặt khôn cầu !
May còn người đạo ở đầu Tây lâm.
Dương Từ nghe chữ "Tây lâm".
Hỏi rằng: Phải kẻ đờn cầm, ca thi?
Chẳng hay người ấy tên chi?
Chẳng phen Sào Phủ, cũng bì Hứa Do.
Lão rằng: Khắp chốn giang hồ,
Ai ai chẳng biết Huyền Hồ tiên sinh?
Thấy người ta cũng bất bình:
Cớ sao cạo tóc, làm hình thầy tu?
265.- Từ rằng cám Phật ân sâu,
Không con mà lại cho cầu đặng con.
Lão rằng: Cầu Phật đặng con,
Xưa người [Bá Đạo](#) sao còn lo sau?
Cầu con mà phải cạo đầu,
Xưa ông Tử Hạ còn sầu làm chi?
Từ rằng: Trót đã qui y,
Việc ta, ta biết, can gì tới ai?
Dốc lòng tìm dấu Như Lai,

Trước sau giữ một lòng trai chẳng sờn.
270.- Gặp đây xin hỏi trượng nhân,
Cảnh chùa nào tốt, chỉ bần tăng đi?
Lão rằng: Chùa chẳng thiếu chi,
Hàn sơn, Lam thủy ít bì Thiên thai.
Thiên thai xa chốn trần ai,
Có chùa Linh diệu, có đài Âm dương.
Trong chùa lại có hai hang,
Một đàn Bích lạc, một đàn Diêm vương.
Thiên sư lòng muốn du phương,
Đông nam phía ấy là đường đi lên.
275.- Dương Từ khăng khăng chẳng quên,
Tạ ân lão trượng, lòng bền ra đi.

*

* *

Ngày xuân con én trì trì,
Tưởng câu "thủy tú, sơn kỳ" thêm vui.
Khói tan, ngút sạch, như giời,
Miệng hang, khe đá, nặc mùi chi lan.
Rõ ràng chín chục thiều quang,
Gió thanh, mây lặng, vền vang một trời.
Mảng coi phong cảnh nơi nơi,
Ác vàng chen núi, khó dời đường chim.
280.- Trong non nhà cửa khôn tìm,
Dương Từ vào miếu, một đêm nằm nhờ.

*

* *

Miếu môn vắng vẻ như tờ,
Tối tăm, chẳng biết trong thờ thần chi.
Họ Dương vừa giấc ngủ đi,
Chiêm bao lại thấy quân tùy bắt ngang.
Quân rằng Vâng lệnh Phán quan,

Chữ đề trong thẻ, đòi chàng hỏi tra.
Họ Dương hồn gượng theo ra,
Vào nơi công phủ: một toà nghiêm trang.
285.- Ngồi trên thấy một ông quan,
Trước bàn hương án bày hàng bút nghiên.
Có người thơ lại ngồi biên,
Hai bên treo trống, treo chiêng, rõ ràng.
Trước sân lỗ bộ hai hàng,
Tả ban, hữu vệ, đứng giàn hầu xa.
Quân bèn dẫn họ Dương ra,
Trước sân cầm thạch quì mà nghe tra.
Quan rằng: Thằng sãi bôn ba,
Tối nằm cửa miếu vậy mà hỏi ai?
290.- Dám xưng rằng hiệu Thiện Trai,
Người trong Hoa hạ, hay người man di?
Tóc râu là dạng nam nhi,
Của cha mẹ đúc, can gì cạo đi?
Tổ tiên chút đã đền chi,
Vừa hương bát nước, nào khi phụng thờ?
Áo cơm còn nợ sờ sờ,
Lá rau con cá, ở nhờ đất vua.
Trốn sâu, trốn thuế, vô chùa,
Trong đời những sãi: thời vua nhờ gì?
295.- Vợ chồng sao bỏ nhau đi?
Lời nguyện dường ấy dám khi quỷ thần !
Ba giềng chẳng đặt một phần,
Như vậy cũng tiếng là thân con người.
Để bây sống cũng như đời,
Truyền quân đao phủ dẫn nơi pháp đình.
Họ Dương khiếp vía hồn kinh,
300.- Dương Từ thức dậy nửa đêm,
Nghĩ thôi mới biết một điềm chiêm bao.

Gẫm trong cố sự ngán ngao,
Cát, hung, chưa rõ lẽ nào thân sau.
Vãng ô vừa lối khỏi đầu,
Dương Tử vào miếu thấy câu chữ đề,
Ngó lên trên biển ngạch đề,
Rằng: [Đường Hàn tử Xương Lê](#) chi thần.
Than rằng: Đã hiển thành thần,
Ngay vua, nào nại tẩm thân mất còn.
305.- Lại xem đôi liễn sơn son,
Hai câu tương đối, treo còn tới nay.
Liễn rằng:
*Một sách "Đạo Nguyên" lòa mắt thánh;
Ba tờ "Phật Biếu" chát tai vua.*

Dương Tử than thở, khen hay,
Người ngay lại có liễn ngay để đời.
Lòng son một tấm thấy trời,
Những đoàn gian nịnh đối đời sao xong.
Cho hay người đặt chữ "trung",
Dầu sau muôn kiếp, sắc phong, miếu thờ.
Vái rằng: Bần sãi ngẩn ngơ,
Lỡ đàng nên mới tạm vợ miếu thần.
310.- Tạ ơn, bốn lạy kính dâng,
Chấp chi bần sãi, lạt chùng vân du.
Từ nay khỏi cửa công hầu,
Chim trời cá nước, mặc dầu ngưỡng chiêm.
Đi rồi nghĩ lại giận thêm,
Rằng đêm trong miếu thấy diêm chiêm bao.
Ghi lòng vàng đá, chớ nao,
Những điều mộng [huyền](#), nghĩ nào mà tin.
Đi hơn mười dặm đứng nhìn,
Đường về tây bắc cảnh in quê nhà.

315.- Nghĩ mình từ thuở xuất gia,
Tối nay kể đã đặng ba năm trường.
Người: Thời chê lỗi cương thường,
Thần: Thời bắt tội, lỗi đường hiếu trung,
Biết tu mấy kiếp cho xong !
Làm người rất thẹn đứng trong cõi người !
Tu chi trời đất hổ người,
Thần hồn, quý giận, sĩ cười, dân chê.
Tưởng đi, rồi lại tưởng về,
Về: Thời lại hổ bồ-đề trong tay.

320.- Tương, dưa, rau, muối, cơm chay,
Công phu uống phí xưa nay cúng đường.
Đi: Thời lại sợ lấm đường.
Thế gian đàm tiếu mọi đường thị phi.
Dùng dăng: lờ ở, lờ đi,
Bàn lui, bàn tới, lẽ gì chưa xong.

*

* *

Xây vừa tới chốn tang trung,
Thấy tam kỳ lộ trong lòng sanh nghi.
Một mình đứng giữa tam kỳ,
Ngó nam, ngó bắc, đường đi chưa rành,
325.- May đâu thấy một cỗ đình,
Ở bên đường cái, hiệu "Thanh Phong Đình".
Trong đình không thấy thần linh,
Để cho thương khách lộ trình nghi ngại.
Dương Từ vào đó xem chơi,
Thấy câu liền đối, thật lời cổ nhân.
Liễn rằng:
Đường đi ba ngã người Châu khóc;
Tơ trắng hai màu gã Địch than,
Dương Từ xem liễn đối rồi,

Trong lòng ngẫm nghĩ một hồi giải ra.
Giải rằng: đường có ngã ba,
Một qua bắc khứ, một qua năm hành.
330.- Bàn rằng: Tơ trắng sạch mình,
Màu vàng cũng đặng, màu xanh chớ từ.
Làm người: nay thật, mai hư,
Lòng không quyết một, cũng như liễn này.
Hồi ôi ! chí dốc chơi mây,
Mùi thiền đã nếm bấy chày cũng nên.
Giữ lòng kim thạch cho bền,
Chớ nghe lời tục, mà quên đạo mình.
Giã ơn câu liễn trong đình,
Khiến ta quyết một lòng thành đi tu.
335.- Từ đây mới dứt dạ sầu,
Dốc tròn cửa Phật, chẳng âu tiếng người,

*

* *

Thiên thai chùa ấy gần vời,
Dương Từ đón khách hỏi nơi cho rành.
Phút đâu trên đám dâu xanh,
Gió đưa tiếng hát, như hình có ai.
Hát rằng:
*Đoái sông Nghiêu buổi chiều lặng sóng,
Lúc sang giàu dù lọng nghinh ngang.
Bến Hà châu đôi chim cưu đậu,
Buổi nghiêng nghèo có bậu, có qua.
Ngọn gió đưa một ngày một khác,
Ta nhớ người câu hát thể tần.
Bến đò xưa bạn đưa đã trống,
Xả nhớ người thổi ống phụng sanh.*
Dương Từ nghe tiếng hát rân,
Chơn bước lại gần, dựa nhánh dâu coi.

Thấy hai con gái mang gùi,
Hái dâu đã rồi, sắm sửa hồi trang,
340.- Dương Từ nhắm vóc hai nàng,
Chừng vài mươi tuổi, dung nhan tầm thường.
Hỏi rằng: Kỳ lộ nhiều phương,
Lên chùa Linh diệu biết đường nào đi?
Đáp rằng: Hòa thượng hỏi chi?
Ta là phận gái, biết gì chùa đâu.
Để tằm, lo việc hái dâu,
Kéo tơ, dệt lụa, phận đầu nữ công,
Thầy tu muốn hỏi đường thông,
Phải tầm bà vải, tây đông mới tường.
(Lược, bỏ hai câu)

347.- Nói thôi mang giỏ về xuôi,
Dương Từ còn đứng ngậm ngùi thở than.
Làm thân bà vải gian nan,
Đã là đầu thợ, còn mang tiếng cười.

*

* *

Gái kia chẳng chỉ đường nơi,
Đánh liều, phương nhắm phía trời đông nam.
350.- Đi vừa tới Bạch vân Nham,
Có tòa cổ miếu cổ, mây doanh bốn bề.
Ngó lên trên cửa chữ đề:
"Hiếu Từ" hai chữ, son phê chói lòa.
Lại câu đối liễn treo ra,
Dương Từ trộm thấy, lòng đà sanh nghi.
Liễn rằng:
*Đói rách lòng không hờn mẹ ghẻ;
Lạnh đau dạ chẳng trách cha lành .*

Thấy câu liễn đối mà thương,

Cho hay: con thảo nhiều đường gian nguy.

355.- Muốn vô coi tượng thờ chi,
Lại e linh ứng, như kỳ chiêm bao.

Trở ra, rồi lại trở vào,
Thấy câu liên đối, đi sao cho đành !

*

* *

Xảy nghe bên cụm cây xanh,
Có người đốn củi lanh chanh hát rằng:

Hát rằng:

Núi non đây nhiều cây nghinh ngang.

Dọn trống đường nhờ cán búa ta.

Búa trong tay, liền ngày đốn củi,

Vui rừng trời tránh buổi loạn ly.

Cội cây yêm phải tìm núp bóng,

Mặc người đời dù lọng nghinh ngang,

Dương Từ nghe hát mấy lời,

Xăm xăm bước tới, thấy người tiều phu.

Hỏi rằng: Nhà cửa ở đâu?

Biết trong miếu ấy, công, hầu, bậc chi?

360.- Tiều rằng: trong miếu Hiếu từ,

Thờ ông Mẫn tử thuở kỳ xuân thu.

Học theo đạo thánh ngày lâu,

Hiếu từ đức hạnh ở đầu tứ khoa.

Hết lòng thảo với mẹ cha,

Người ngoài cho đến trong nhà đều khen.

Thuở xưa đương lúc khó hèn,

Ấu thơ mẹ mất, cha bèn thú thê.

Từ ngày có mẹ ghẻ về,

Đẻ hai con nhỏ, cha kẻ ấp yêu.

365.- Mẹ thương con ruột phần nhiều,

Ấm thân con ghẻ bỏ liều như không.

Đói, no, lành, rách, mặc lòng.
Ăn theo đày tớ, nằm cùng chăn trâu,
Tử Khiên không dạ oán sầu,
Phải sao hay vậy, trọn câu hiếu hòa.
Gặp khi cha khiến đẩy xa,
Thấy con áo rách, giận bà hậu thê.
Cha bèn vội vã trở về,
370.- Trách bà mẹ ghẻ, toan bề để ra.
Tử Khiên than khóc, lạy cha.
Xin dung một mẹ, mới hòa ba con.
Rách, lành, chẳng sá một con,
Hai con thơ ấu, mẹ còn mới nên.
Thảo thân một tấm lòng bền,
Cảm tình, mẹ ghẻ chẳng quên con chồng.
Nhớ câu "hiếu để thành phong".
Người trong nước Lỗ đều mong học đời.
Sắc phong một thuở hãnh hòi,
"Hiếu Từ" hai chữ, dấu roi để đời.
375.- Ta đây một họ cùng người,
Kêu bằng ông tổ ba mươi bốn đời,

*

* *

Từ rằng: Xin hỏi vài lời,
Người ta vốn thật dòng người trâm anh.
Sao không ra lập công danh,
Noi theo nghiệp tổ, hiển vinh mà nhờ?
Tiêu rắng trước mặt sờ sờ,
Xưa qua, nay lại, dễ chờ đợi chi?
Đưa theo hai chữ "tương khi",
Trên quyền, dưới lợi, đoái gì thiên luân !
380.- Nước thời chia bốn năm phần,
Can qua chẳng biết mấy lần đánh nhau.

Trong thời gian nịnh giùm đầu,
Ngoài thời đua mị, đua cầu tham quan.
Chánh ra dữ quá cọp vàng,
Lòng dùng độc quá hổ mang, thường lường.
Bốn phương mọi rợ luôn tuồng,
Nay giành ải hổ, mai ruộng ải lang.
Nơi nơi trộm cướp dấy loạn,
Lê dân hết sức, của tan chẳng còn !
385.- Cõi trong trời đất thon von,
Khói mây đen nghệt, nước non đau sầu.
Biết đời tam đại là đâu,
Gặp khi thúc quý phải âu lánh mình.
Từ rằng bờ cõi thịnh thịnh,
Chẳng tham danh lợi, lánh mình chớ lo.
Ở trong tạo hóa một lò,
Thiếu chi nghề nghiệp, bo bo theo tiêu?
Tiêu rằng: Cửa thánh gương treo,
Dùng đời chẳng đặt, thời theo đời dùng?
Khéo khôn ắt có mỗi lòng,
Mỗi lòng rồi lại mắc vòng hỏa tai.
Thử coi con thú vật ngoài,
Như voi như cọp, mấy ai dám bì?
Voi kia cao lớn đen sì,
Cặp ngà vô dụng: can chi lụy mình
395.- Cọp kia nhanh vuốt như binh,
Tấm da vô dụng: ai rình đâm chi?
Lấy trong việc ấy mà suy,
Những nghề đời dụng, ra gì xưa nay !
Ta nhờ cán búa trong tay,
Theo nơi rừng bụi, tháng ngày thành thơi.
Bữa dùng một gánh củi trời:
Cá, cơm, rượu thịt, tháng ngày cũng no.

Giữa câu "phù ngưỡng" bo bo,
Kính thờ trên dưới, miễn cho xong mình.
400.- Xin đừng hổ với thần linh,
Cùng người đừng thẹn, uống sanh trong đời.
Xin đừng khi dối lẽ trời,
Cũng đừng trốn lánh việc đời thời xong.

*

* *

Dương Từ nghe nói hồ lòng,
Khen rằng: Lão trượng thật lòng hiền xưa.
Ta đà lánh cõi mây mưa,
Cớ trêu tắc dạ, lại ư mùi thiền.
Thiên thai dốc kiếm chùa tiên,
Chưa thông đường sá, dám phiến chi ta.
405.- Tiều rằng: Có chỉ nam xa,
Chớ lo đạo lỗi, lo ta lằm đàng.
Đầy đi xuống bến Châu giang,
Ngang qua sông ấy, lên đàng Thiên thai.

*

* *

Dương Từ vội vã trở hài,
Từ biệt non đoài, nương gậy thiền đi.
Dưới trời nhiều vật so my,
Nghĩ ra nhiều thói dị kỳ mà kinh.
Những người ngay thẳng đều vinh,
Thân tuy đã mất mà danh hãy còn.
410.- Bảng vàng, thẻ bạc, chữ son,
Bao nhiêu vinh hiển, là con nhà hiền.
Tiều phu là đứa không tiền,
Gẫm trong lời nói có duyên hơn vàng.
Hỡi ôi ! mấy kẻ giàu sang,
Mảng tham vui sướng, quên màng thân sau.

*
—
* *

Dương Từ đi đến sông Châu,
Ngấn ngơ nào biết dò đâu đưa mình.
Ngó lên trên khúc sông quanh,
Thấy bên vực thẳm có manh cô bông.
415.- Một người đứng giữa khoang lồng,
Khua chèo miệng hát, gió lồng tiếng vang.

Hát rằng:

Bến sông Châu, vực sâu, cá ở,
Thương người hiền gặp thuở loạn ly.
Nước vận quanh, bãi gành chảy cạn,
Thấy anh hùng hoạn nạn khá thương !

Chiếc thuyền câu, đậu đâu nên đó,
Nước ly loạn, giàu có màng chi?

Dương Từ nghe tiếng hát kỳ,
Bước lên trên vực, coi thì thế nao.

Mình hơn tám thước rất cao,
Mặt đen râu quăn, khác nào võ phu.

Dương Từ bước xuống ngư chu,
Xin đưa qua bến, sẽ âu hoàn tiền.

Ngư rằng: Người ở chùa chiền,
Đi đâu nên nổi, mà phiền ta đưa?

420.- Nhắm hình chảnh phải người xưa;
Lánh nơi hoạn nạn, tới trưa lữ làng.

Ta nghe trong chốn Lữ giang,
Có ông ngư phủ đưa chàng Ngũ Viên.

Lại nghe đình trưởng dừng thuyền,
Chở ông Hạng Vũ qua miền Ô giang.

Hai người vì bởi lánh nàn,
Một lo rửa oán, hai toan rửa thù.

Sợ đời bắt kẻ tóc râu,

Nào ai bắt đưa trọc đầu làm chi?

425.- Nói rồi ra lẽ thị phi,
Dễ đưa qua đó, tiếc gì công ta.

*

* *

Cầm chèo thông thả đưa qua,
Dương Từ, đến bến, tính ra tiền đò.
Ngư rằng: Lòng chẳng bo bo,
Phòng tham tiền bạc so đo với người.
Trót đà làm phải trên đời,
Ngàn vàng chẳng báu, một lời rất sang.
Từ rằng: Ta tiếc cho chàng,
Chẳng phen lương đồng, cũng trang anh hùng.

430.- Nghe rằng nước Tấn chinh đông,
Cầu đặng [võ sĩ ra công can thành](#).
Cớ sao chẳng xuống [Tây kinh](#),
Phò vua giúp nước, lập danh để đời?
Cá tôm đặng mấy mươi lời,
Theo nghề chài lưới, quên nơi sang giàu?
Ngư rằng lời khéo phỉnh nhau,
Ai từng khát nước gỏi đầu bờ ao?
Người nay có khác xưa nào,
Đất dày thăm thẳm, trời cao mù mù.

435.- Bốn mùa thành quách làm râu,
Dân gầy, nước ốm, mỡ, dầu, cũng khô,
Thấy đời danh lợi biến phôi,
Khác nào con cháu nhảy vô vòng đèn.
Từ rằng: Xưa sách còn khen,
Công thành danh toại, ai bèn chi ai?
Ngư rằng: Xưa đấng hiền tài,
Lập thân há chẳng biết tài bảo thân.
Dầu vinh cũng tiếng nhân thần

Trâu cày ngựa cỡi, cái thân ra gì?
440.- Chớ ăn lộc nước đời suy,
Bẫy chim, lưới thỏ, e khi mắc nài.
Trối ai ra sức muông săn,
Một mai hết thỏ, chúng ăn tới mình.
Sao bằng một cỡi an sanh,
Sông sâu vực thăm, ai giành chi đây?
Sẵn dòng chèo quế một cây,
Thuyền mang một chiếc, đỡ ngày hôm mai.
Theo sông khúc vắn khúc dài,
Năm ba sợi nhợ, một vài cần tre.
445.- Đêm trăng ngày gió, bạn bè,
Vui câu hát xướng, buồn ve rượu đào.
Thả trôi gành hạc, bãi ngao,
Thú vui non nước, mặc dầu nghinh ngang.
Cá tôm sẵn lộc trời ban,
Phận đà no đủ, còn màng của chi?

*

* *

Nói rồi thông thả chèo đi,
Dương Từ khen đó tính ky lâu dài.
Than rằng: Thương đứng anh tài,
Sanh không gặp thuở, khó nài thân sau:
450.- Hỡi ai lộc trọng quyền cao !
Thú hèn cũng có anh hào, chớ khinh.

*

* *

Họ Dương từ thuở đăng trình,
Trải chơi non nước sự tình biết bao.
Đi hơn nửa tháng lao đao,
Đến nay mới thấy đường vào Thiên thai,
Thiên thai một cảnh an bài,

Dương Từ mới tới, ở ngoài động môn.

*

* *

Lúc này người ở động môn,

Tên là Hà Mậu, trí khôn, người hiền.

455.- Theo cùng ông Lý tri Niên,

Từ non Tùng lãnh vào miền Thiên thai

Đi đà hơn nửa tháng dài,

Phút đâu lối thấy gần ngoài động môn.

Tri Niên, lừa thả bên non,

Cùng người Hà Mậu đều lòn cửa hang,

Hai người ra khỏi cửa hang,

Đến nơi động khẩu gặp chàng họ Dương.

*

* *

Họ Hà, họ Lý, họ Dương,

Ba người gặp hỏi, mới tường tánh danh.

460.- Niên rằng: Tiên cảnh rất linh,

Họ Dương người hãy ở đành lại đây.

Chờ ta tới trước am mây,

Lên chùa Linh diệu thăm thầy Lão nhan.

Dương Từ nghe nói vội vàng,

Thưa rằng xin đó đem đàng ta đi.

Niên rằng: người vốn thiên sư,

Tới nơi tiên cảnh cầu chi chẳng là?

Từ rằng: nghe tiếng đồn xa,

Rằng chùa Linh diệu một toà ở đây.

465.- Niên rằng: Linh diệu chùa này,

Vốn không thờ Phật mà lấy tới thiên.

Từ rằng không Phật, có Tiên,

Xin cho đặng thấy, phi nguyện chơi mây.

Niên rằng: Hai gã ở đây,

Đế ta tới trước Động Mây một giờ.
Lâu, mau, sao vậy cũng chờ,
Cho tin xuống rước kịp giờ sẽ hay.
[Niên rằng: Đường lên trên thầy,](#)
Mây tuôn mù mịt đá vầy nhỏ to.

*

* *

470.- Dương Từ Hà Mậu đều lo,
Ngồi trong cửa động lò mò hỏi nhau.
Mậu rằng : Tiếc đó đi tu,
E khi cửa Phật công phu lỡ làng.
Ta nghe Phật ở Tây phang,
Vốn người mọi rợ, luân thường chẳng ưa.
Lại nghe tam đại đời xưa,
Dân an, nước trị, Phật chưa bày hình,
Đến năm đời [Hán Vĩnh Bình,](#)
Sứ qua Thiên Trúc rước kinh Phật về,
475.- Tới sau Lương Vũ rất mê,
Lập chùa tượng cốt, chuyên nghề sử trai.
Ngụy, Trần, Tề, Tống đến nay,
Đời đời nào cũng trọng thầy [sa môn.](#)
Trên vua đến dưới dân thôn,
Đua nhau kính trọng một môn [phù đồ,](#)
Quì hương, chấn tế, nam mô.
Tới lui tăng đạo, ra vô Phật đường,
Bao nhiêu theo đạo Tây phương.
Phước lành chưa thấy, tai ương tới mình,
480.- Trên thời nghiêng nước nghiêng thành,
Dưới thời nhà cửa tan tành xiết bao !
Phật linh mấy cứu ai nào,
Người nay sao hãy lòn vào Thích gia?
Từ rằng : Người chó giấu ta,

Đạo nào nên trọng, nói mà nghe chơi?

Mộu rằng; Ta trọng đạo Trời,
Tới nay đã đặng năm đời Gia tô.

(Lược)

Chú thích:

Bá Đạo : tên tự của đảng Du, người đời tấn, thời Kiến hưng làm thái thú Hà đông. Gặp buổi Thạch Lạc Làm loạn (năm 314 tây nguyên) Bá Đạo chạy trốn, đem theo vợ con và một đứa cháu, là con của em trai mình. Dọc đường gặp giặc, kế khon lưỡng toàn; nghĩ em mình mất sớm, chỉ có một con nối dòng, bèn khuyên vợ bỏ con ruột mình. Vợ khóc mà vâng lời. Đứa nhỏ ,bỏ mai chiều lại gặp.Bá Đạo phải bắt trời vào côi cây. Từ khi bỏ con rồi vợ Bá Đạo không thai dựng nữa. Bá Đạo cưới thiếp, rất yêu người thiếp,chẳng ngờ hỏi ra là cháu của mình. Bá Đạo từ đấy không nạp thiếp. Chết không người kế tự.

Đường Hàn tử Xương Lê: Hàn Xương Lê : Hàn Dũ, có dâng biểu bác đạo phật,

huyền: Chữ huyền quen đọc là ảo.

cúng dường: chữ cung dường đọc khác giọng.

tang trung: Trong đám dâu.

Đường đi ba ngã người Châu khóc;

Tơ trắng hai màu gã Địch than: Dương Châu, Mặc Địch.

Cặp nga vô dụng: Đây là câu văn nghị nghị, có ngằm một chữ "nếu" ở đầu câu.

Tấm da vô dụng: Đây là câu văn nghị nghị, có ngằm một chữ "nếu" ở đầu câu.

Chớ lo đạo lỗi: Đạo nghĩa là đàn.

so my: Hai chữ "so my" này chưa chắc đúng.

Hai người: Ngũ Viển và Hạng Vũ. Dương Từ không phải như hai người

người xưa ấy.

võ sĩ ra công can thành: Kinh Thi nói : "Công hầu can thành".

Tây kinh: Đời Ngũ Đại, nhà Tấn lấy Lạc Dương làm Tây kinh

hết thỏ, chúng ăn tới mình: Thố tử cầu phanh. hết thỏ rồi người ta ăn thịt tới con chó (muông) săn.

ky: cơ.

Tri Niên, lừa thả bên non: Lừa của Tri Niên cỡi.

chơi mây: vân du.

Niên rằng: Đường lên trên thầy: Chỗ này chắc có nhảy cầu, nên chi mới có chữ "Niên rằng". nếu lý tri niên đương nói luôn vọt, thời không phải lặp lại hai chữ "Niên rằng".

Hán Vĩnh Bình: Năm 65 tây nguyên, đời hán Vĩnh bình vua sai sứ bộ Thái Âm qua Ấn độ cầu Phật pháp. năm 67 sứ bộ về đến Trung quốc.

sa môn: cramana dịch âm sa môn (thầy chùa).

phù đồ: dịch âm chữ Buddha (Phật).

Nguyễn Đình Chiểu

Dương Từ Hà Mậu

Tiếp Theo

502.- Họ Hà đương gắm lời hay,
Phút đầu chim hạc lại bay xuống liền.

Hóa ra đồng tử có duyên,
Tay cầm hai trái đào tiên, miệng cười.

Bảo rằng: Hai trái, hai người,
Ăn rồi mới biết là người đại khôn.

505.- Ngày nay đã tới hoàng hôn,
Hai người đi khỏi động môn hành trình.

Theo ta tới Bích phong Đình,
Ở trong hang đá nghỉ mình một đêm.

Rạng mai có kẻ xuống tìm,
Đem lên Vân động, mưa hiềm đợi trông.

Tiểu đồng dạy bảo vừa xong,
Hóa ra chim hạc, thình không bay về.

Hai người mắt thấy lòng ghê,
Khen rằng: Tiên đạo có bề thần linh.

*

* *

510.- Phóng chùng đương lúc sơ canh,
Ngó ra thấy bóng trăng thanh bên trời.
Băng luân một tấm lộng khơi,
Non sông muôn nước bóng ngời lòng soi.

Hai người lẳng lặng ngồi coi,
Ngó ra cửa động, bóng soi như ngày.

Vẳng nghe có tiếng vang dầy,
Rần rần ngựa gió, xe mây chập đàng,
Trước đi kiệu bạc, tán vàng,
Trong che phủ phất, ngoài giàn quạt tiêu.

515.- Đền ngân, đuốc ngọc, rất nhiều,

loà nơi cửa động, hương thiêu nức nồng.
Ngỡ là Thiên tử ngự phong,
Gắm trong nghi vệ, cũng đồng thần tiên.
Họ Hà xem thấy sợ liền,
Than rằng: Mỗi đạo linh thiêng như vậy!
Anh tu cũng tiếng ông thầy,
Theo làm tôi Phật, bấy chầy thấy không ?
Từ rằng: Cốt mộc, cốt đồng,
Tượng hình, đúc tượng, ngồi không trên bàn.
520.- Ta thường sớm tối đèn nhang,
Thấy ma, thấy quỷ, chàng ràng trêu người.
Phật không thấy nói thấy cười,
Thấy không đi đứng cùng người thế gian.
Chạnh lòng ta mới hỏi chàng:
Lâu nay về đạo Hoà lan thấy gì ?
523.- Mậu rằng thấy bức ảnh ghi...
(Lược)
526.- Trót đà bị chúng chê cười,
Vậy nên phải tới gặp người tiên tri.
Từ rằng: Gặp kẻ tiên tri,
Ta xin hỏi đạo từ bi cho tường.
Hai người ngồi hãy đương bàn,
Nghe chùa Linh diệu chuông vàng sấm rung.
Xảy vừa tới lúc hừng đông,
Tri Niên đã xuống Bích Phong Đình rồi.
530.- Nói rằng gặp tiết giao bôi,
Chư tiên hội yến vào hồi canh ba.
Mậu rằng: Chiều bữa hôm qua,
Có người đồng tử cho ta ăn đào.
Chẳng hay duyên có làm sao,
Khiến ta ăn đào, tránh chốn động môn.
Niên rằng: Nơi cửa động môn,

Ngày lành, tháng tốt, để: buồn, tiên chơi.
Hai người lòng dục chưa rời,
Còn con mắt tục, dòm người chẳng linh.
535.- Có ăn hai trái đào xinh,
Rửa lòng nhân dục, trong mình mới an.
Chư tiên nay đã hồi loan,
Ta xin dẫn lộ hai chàng đi lên.

*

* *

Dương Từ Hà Mậu đi liền,
Tới nên Vân động ngửa lên xem trời,
Thấy người đồng tử truyền lời,
Rằng: Ba người hãy tạm nơi động này.
Tôn sư giấc mộng đương say,
Chờ khi thức dậy, mới hay lẽ nào.
540.- Hai người ở động mây cao,
Nhìn xem cảnh vật biết bao nhiêu tình.
Kỳ hoa, thoại thảo, xanh xanh,
Châu cầm ngọc thú, rập rình vui thay!
Nền chùa cao quá vằng mây,
Bên thềm đá gấm, bóng cây im lìm.
Ngó vô mấy bức châu liêm,
Mấy từng thơ họa, trang nghiêm muôn phần.
Ngó ra non núi mấy từng,
Hình long dạng phụng, bên chưn đứng châu,
545.- Đông, tây, sơn đỏ hai lầu,
Chuông vàng, khánh bạc, giàn hầu rất ngoa.
Cúi xem về cõi giới ba,
Một bầu trời đất giống là nửa châu.
Từ rằng: Có chí vân du,
Đến đây mới đặt khỏi hầu bụi nhơ.
Niên rằng: Ta thuở ấu thơ,

Có lòng tầm đạo bây giờ thành thời,

*

* *

Phút đầu đồng tử ra mời,

Rằng: Tôn sư dậy, ngồi nơi hiên đào.

550.- Ba người khép nép bước vào,

Tới nơi hiên đào nghe tiếng ngâm thi,

Thi Rằng

Dốc tầm đạo, phải ở đâu xa ?

Gội tắm lòng người, có giải ra,

Theo nghĩa; bao đành làm phản nước ?

Có nhân: nào nữ phụ tình nhà ?

Xưa nay đều chuộng đường trung hiếu,

Sách vở còn ghi lễ chánh tà.

Năm phâm rừng Nho sẵn sóc lấy,

Ấy là đạo vị ở lòng ta.

Ba người nghe tiếng ngâm rồi,

Vào trước chỗ ngồi, quì xuống vòng tay.

Tri Niên lạy trước, lời bày,

Thưa rằng: Ngây dại xin thầy dạy phô.

Lão Nhan biết lũ mê đồ,

Hỏi rằng: Hà Mậu nói phô việc gì ?

Mậu rằng: Tôi thật ngu si,

Chẳng hay đời trước có chi làm đàng ?

555.- Thầy rằng: mê đạo Hòa lan,

Trong tấm lòng chàng ước việc gì nên!

Mậu rằng: Lòng chẳng dám quên,

Một lời sau thác đặng lên Thiên đàng.

Lão Nhan giẹp chuyện hòa lan,

Hỏi rằng: Kia gã họ Dương thưa gì ?

Mấy năm học đạo từ bi,

Vân du đã chán, việc gì đến đây ?

Từ rằng: Vì việc chơi mây,
Mang lời phải quấy, thêm ngày trong tai.
560.- kiếp sau là kiếp lâu dài,
Biết theo đạo Phật trọn bài cùng chẳng ?
Sư rằng: Kinh Phật, trọng tăng ,
Tắc dạ năng nắn tin tưởng việc chi ?
Từ rằng: Theo đạo từ bi,
Nhớ ngày sau thác, đặng kỳ siêu thăng.

*

* *

Lão nhan ngồi ngẫm nghĩ rằng;
Hai đường đều muốn chữ "thăng lên trời".
Ta nay nói cũng uổng lời,
Chi bằng cho thấy lẽ trời mới tin.
565.- Dặn rằng: Hai gã lòng bền,
Đều mong sau thác đặng lên nhà trời.
Chùa đây có ngõ lên trời.
Chi bằng bước tới xem chơi một hồi.

*

* *

Hai người nghe nói mừng vui,
Phút quên mình sống, còn ngồi dương gian,
Thưa rằng: Đây có Thiên đàn,
Hai tôi xin tới du quan vài giờ.
Sư rằng: Hồn sạch phách nhơ,
Xác phàm còn sống, khó mơ lên trời.
570.- Ta nghe trong phép chúa Trời,
Cầu hồn cũng đặng về nơi Thiên đàn.
Lại nghe có phép Địa Tạng Vương,
Siêu hồn sãi vải về phương tây trời.
Hai người nay muốn lên chơi,
Xác phàm ở lại, hồn dờn mới xong.

Ta đây có phép thần thông,
Xuất hồn rồi lại ra công hoàn hồn.
Hai người lại trước đài môn,
Giờ lành ta sẽ xuất hồn cho thăng.

*

* *

575.- Lại kêu ông Lý dặn rằng:
Rừng y gấn vó chi bằng cổ nhân,
Hôm nay là bữa lương thần,
Sửa sang vị thuốc, lo phần luyện đan,
Tri Niên việc thuốc đã an,
Ở chùa Linh diệu thanh nhàn coi chơi.

*

* *

Dương Tử, Hà Mậu vâng lời,
Theo người đồng tử tới nơi Dương Đài.
Dương Đài có tấm bia bài,
Đề câu "Thiên thượng khả giai rõ ràng.
580.- Hai chàng bước tới xem tường,
Từng từng mây giợn bốn phương trên trời
Mậu rằng: Theo đạo chúa Trời,
Thiên đàng dành để trọn đời mới lên.
Phen này hồn sống đặng lên,
Tìm ông cha trước, cầu xin đem về.
Đặng cho thiên hạ thấy ghê,
, Còn chi người tục nói nghề phải chằng.
Từ rằng: Giận tiếng lãng nhăng,
Nó chê ông Phật là thằng man di.
585.- Lên trời dầu thác cũng đi,
Tìm cho thấy Phật xin trừ phép linh.
Phép chi đặng phá miếu linh,
Bắt người đạo sĩ mới đành dạ ta.

Phút đầu đồng tử bưng ra,
Mâm đào lại với bình trà dâng cho.
Bảo rằng ăn uống cho no,
Xuống khe tắm gội, rồi cho lên trời.
Hai người đều phải nghe lời,
Ăn no tắm mát, ngồi chơi nửa giờ.
590.- Tôn sư coi đã gần giờ,
Tới đài, cầm viết vẽ tờ bùa linh.
Dạy rằng: Giờ ngọ, chữ canh,
Mộng sàng hai gã đem mình nằm an,
Kim đan cho uống hai hoàn,
Linh phù hai đạo, sứ mang theo mình.
Tôn sư đốt lá bùa linh,
Hoàng cân Lực sĩ hiện hình chờ sai.
Lại biên một cái tín bài,
Đề rồi tên họ của hai người phạm.
Dạy rằng: Chờ hết canh tam,
Chín trời đi khắp, rồi đan trở về.
Tín bài đã có phù đề,
Cầm đưa các cửa đặng bề đi thông.

*

* *

Các lời dạy bảo vừa xong,
Hai chàng Lực sĩ thình không tàng hình,
Tôn sư lại niệm chú linh,
Cấp như luật lệnh âm binh đứng hầu.
Mây đen, khói mịt, ngút mù,
Gió, mưa, sấm, sét, giây lâu mới tàn.
600.- Hai người nằm lại mộng sàng,
Thiu thiu nhắm mắt ngủ an một buồng,
Tôn sư đã đốt phù giõn,
Dương Tử, Hà Mậu, xuất hồn ra đi,

*

* *

Hai người đều xuất hồn đi,
Đều theo Lục sĩ một khi lên trời.
Hai người hồn đến cõi trời,
Thấy trong cảnh vật khác nơi cõi người.

*

* *

Trời đông một cửa xanh ngời,
Có tấm biển trời, hai chữ "Thanh Thiên".
605.- Hai cung Chấn, Tốn, đoàn viên,
Mộc Tinh, các phủ, đóng liền, giảng giảng.
Đi đường Giáp, ất, thẳng băng,
Có thần gìn giữ, tên rằng Thanh Long.

*

* *

Hai chàng trình tín bài xong,
Dem nhau tìm kiếm, hỏi dòng họ xưa.
Áo xanh quân đóng như mưa,
Cầm cờ xuân lĩnh rước đưa Thành Hoàng.
Mới hay thứ nhất Thiên đàng,
Thật vua Thanh đế, ngôi vàng chánh đông.
610.- Giữ gìn muôn việc hóa công,
Nhờ ơn gây dựng, vun trồng mùa xuân.
Hai chàng vội vã dời chân,
Trời đông chẳng thấy, qua tầng trời nam.

*

* *

Trời nam một cõi ly tam,
"Xích Thiên" hai chữ, bảng đăm rõ ràng.
Cung Ly rục rở nghiêm trang,
Hỏa tinh các phủ sửa sang chói lòa.

Bính, Đinh, hai ngã vào ra,
Có thần Châu tước hỏi tra ngăn ngừa.

615.- Hai chàng đem tín bài thưa,
Hỏi thăm tin tức, cũng chưa thấy gì.

Quân hầu áo đỏ giàn đi,
Cầm cờ hạ Lịnh oai nghi rõ ràng.

Mới hay thứ nhị Thiên đàng,
Phần vua Xích Đế sửa sang mùa hè.

Trời nam tìm dấu vắng hoe,
Đem nhau một bè, qua chốn trời tây.

*

* *

Trời tây hai cửa dầy dầy,
"Bạch Thiên" hai chữ, bảng vầy treo ra.

620.- Kiêu, Đoài, hai cửa chói lòà,
Kim Tinh các phủ vô ra rần rần.

Tới lui trong cửa Canh, Tân,
Có thần Bạch Hổ giữ phần cấm ngăn.

Hai chàng đi tới trình bằng.
Cứ theo việc trước, hỏi phăng đi tìm.

Thấy quân trắng áo, trắng xiêm,
Cầm cờ Thu Lịnh bài nghiêm các tòa.

Mới hay là cõi thứ ba,
Phần vua Bạch đế, ở tòa tây thiên.

625.- Đem nhau vội vã đi liền,
Trời tây khỏi miền, trời bắc lại đi.

*

* *

Bắc thiên một cửa đen sì,
"Hắc Thiên" hai chữ, bảng ghi chẳng lầm.

Một tòa cung Khảm tối tăm,
Thủy tinh các phủ ở sâm si cùng.

Hướng đi Nhâm, Quý, nhiều sông,
Có thần Huyền Vũ tuần phòng đũa gian.

Hai chàng thừa gởi đã an,
Đi qua khỏi cửa tìm đàng người quen.

630.- Thấy quân mặc áo màu đen,
Cầm cờ Đông Lĩnh đua chen đầy đường.

Thứ tư đây thật Thiên đường,
Phần vua Hắc đế sửa sang việc trời.

Trót đà tìm khắp mọi nơi,
Ông cha chẳng thấy, lại đòi trung thiên.

*

* *

"Trung Thiên" hai chữ bảng vàng,

Chói lòa một cửa, bốn phang đều hầu,

Hai cung Khôn, Cấn, lầu lầu,

Thổ Tinh các phủ liên nhau một vàng.

635.- Đàng Xà, Câu Trận, hai thần,

Giữ phần Mồ, Kỷ, là phần tuần tra.

Hai chàng trình tín bài qua,

Cứ theo việc trước vậy mà hỏi han.

Thấy quân mặc áo màu vàng,

Cầm cờ Tứ Quý đóng giàn khắp nơi.

Thứ năm đây một cõi trời,

Phần vua Hoàng đế sửa vời trung ương,

*

* *

Đương Từ, Hà mậu, hai chàng,

Hỏi người Lực sĩ mọi đàng cơ quan.

640.- Rằng: Đi năm cửa Thiên đàng,

Cớ chi không thấy Hòa lan người nào ?

Cũng không Phật tổ ra vào,

Hoặc là còn ở trời nào nữa chẳng ?

Hoàng cân, Lục sĩ đáp rằng:
Một trời thật có chín tầng âm dương.
Tới đây mới đặng năm phương,
Hãy còn bốn cửa Thiên đưng ở cao,
Hai người muốn rõ âm hao,
Phải tìm cho khắp, lẽ nào mới hay.
615.- Nói rồi vội vã đem đi,
Hiều Thiên mau bước cấp kỳ lại qua.
"Hiều Thiên" hai chữ báng ra,
Sáng trong một cửa chói loà muôn phương.
Thái âm sánh với Thái Dương.
Hai cung dành sẵn hào quang mặt trời
Kim ô một bóng chói ngời,
Theo đường Hoàng Đạo khắp trời xưa nay.
Máy xây làm việc ban ngày,
Có thần giữ cửa hiệu rày Thiên Ôn.
650.- Hai chàng trình tìn bài xong,
Cứ theo đường trước tìm dòng cổ nhân.
Tim thôi thấy những thánh thần,
Thiên đường đây thật về phần Dương Quân.
Xiết bao trong dạ băng khuâng,
Cùng Thiên lối thấy, lại gần đường qua.

*

* *

"Cùng thiên" hai chữ chói loà,
Quế hương một cửa, hơi ra đầm đầm.
Thiếu Dương sánh với Thiếu Âm.
Hai cung đồ sộ sáng dầm vầng trăng.
655.- Một vầng Bạch Thổ bóng giăng.
Non sông bóng giợn, soi bằng lòng gương.
Có quan tuần giữ bốn phương,
Thiên Anh chữ đặt, đón đường hỏi tra.

Hai chàng trình tín bài ra,
Cứ theo việc trước, hỏi bà con thân.
Hỏi ra thấy những thánh thần,
Thiên đường đây thật về phần âm quân.
Trong lòng chi xiết bâng khuâng,
Thương Thiên chốn ấy phải lằm đường qua.

*

* *

660.- "Thương Thiên" hai chữ chói lòà,
Băng xăng một cửa ra vô rập rình.
Quyết Âm sánh với Dương Minh,
Hai cung lồng lộng, ngôi tinh, ngôi thần
Bao nhiêu sấm sấm sét nổ rân,
Mây đen, sương trắng, băng xăng cõi này.
Có thần Viêm Hỏa ở đây,
Hôm mai giữ cửa ngăn rày hỏi tra.
Hai người trình tín bài ra,
Cứ theo việc trước, hỏi qua việc mình.

665.- Tìm thôi gặp những thần linh,
Thiên đường đây thật ngôi Tinh chánh vì.
Ngẩn ngơ, ngao ngán, lòng nghi,
Huyền Thiên lối thấy, kíp đi tìm đàn.

*

* *

"Huyền Thiên" hai chữ sơn vàng,
Các phương châu chực, nhộn nhàng vào ra.
Tử Vi rực rỡ một tòa,
Ngọc Hoàng Đại đế thật là cõi đây.
Đền, đài, lầu các, doanh xây,
Sân lân, gác phụng, nền qui, lầu rồng,
670.- Thiên Bồng, Thiên Tuế hai ông,
Ra vô châu chực có ông tuần phòng.

*

* *

Hai chàng xem thấy nớp lòng,
Trên trời đếm những là dòng thần linh.

Khắp nơi han hỏi sự tình,
Thầy đều chẳng gặp quen mình là ai.

Cùng nhau than vãn, thở dài,
Còn nơi nào nữa, toan bài hỏi han!

674.- Thương thay hai gã gian nan,
Chín trời đã khắp, phải toan lẽ gì ?

(Lược, bỏ chín câu)

684.- Phút đâu trên chốn tây lầu,
Nổ ba tiếng sấm, nhóm châu các cung.

685.- Áo, xiêm, đai, mào, lạnh lùng!

Tinh quân các vị rùng rùng tới nơi,

Hai người đứng nép coi chơi,
Những người châu chực nhà trời là ai ?

Thấy đi có tấm thẻ bài,

Đề rằng "Khổng tử Đại Tài Thánh Vương".

Ngồi trong kiệu ngọc, tàn vàng,

Một ông Khổng tử dung nhan tốt lành.

Theo sau biết mấy thần linh,

Coi trong thẻ bạc, đề danh Đại Hiền,

690.- Dương Tử coi thẻ khen liền:

Hèn chi vua chúa chính chuyên miếu thờ.

Cho hay muôn nước đều nhờ,

Đạo ông Khổng Tử làm bờ chận dân.

Trong đời biết chữ nhân luân,

Biết đường trị loạn, muôn phần nhờ ai ?

Nhớ câu "kế vạng khai lai",

Thật ông Khổng tử đại tài thánh vương.

Đâu đâu cũng kính, cũng nhường,

Môn đồ cũng đặng hiển dương muôn đời.

695.- Như vậy mới gọi đạo trời,
Trời sanh đức thánh thay lời dạy dân.

*

* *

Dương Từ vừa dứt tiếng phân,
Phút đầu lại thấy vị thần đi sau.

Một người cỡi ngựa, tốt râu,
Đến gần nhìn thật Quan Hầu thuở xưa.

Vội vàng quì lạy, liền thưa:
Mừng nay gặp Phật, khác xưa cỡi phàm.

Nam mô hai chữ già lam,
Xin thương bản sãi ở am chầy ngày!

700.- Quan Hầu cỡi ngựa đi ngay,
Châu Thương đứng lại tỏ bày căn duyên.

Hỏi rằng: Người ở cửa thiền,
Việc chi tới chốn huyền thiên làm gì?

Từ rằng: Ông vội quên đi,
Am mây bản sãi tu trì nhiều công.

Nhang đèn, liền đốt bàn ông,
Nay làm ra Phật sao không đoái hoài ?

Châu thương nổi sặc cười dài,
Nói rằng: Thần, Phật, khác loài nhau xa.

705.- Quan Hầu vốn thật chúa ta,
Tấm lòng trung chánh ai mà dám đương!

Tiếng khen muôn nước đều nhường.
Trời phong làm chức Thành Hoàng Đại Vương.

Từ rằng: Ông thật Thành Hoàng,
Ở trong chùa ấy thờ ông Quan nào ?

Đáp rằng: Vì thuở Hán trào,
Có ông Phổ Tịnh kết giao đồng làng.

Chúa ta hiển thánh ngọc hoàng,

Hoà thượng lòng nhớ, thở than bạn lành.

710.- Già lam hai chữ thơm danh,

Mới đặt bài vị tụng kinh siêu hồn.

Khiến nên thiên hạ tiếng đồn,

Vẽ hình, tượng cốt, nhiều môn phù đồ.

Chúa ta chẳng phải đi tu,

Trong mình giữ vẹn tóc râu tốt lành.

Nói cho sãi rõ sự tình,

Nhắm coi Thần, Phật, hai hình khác nhau.

*

* *

Nói rồi quày ngựa đi mau,

Dương Từ lơ lảo, dầu dầu mày châu.

715.- Than rằng: Sự dĩ đáo đầu,

Biết khôn thôi đã tóc râu hết rồi!

Xiết bao chịu nổi khúc nô,

Đến nay mới biết lầm ôi! là lầm!

Nhớ lời đại sĩ Tây lâm,

Chúa le trong dạ, hổ thềm với va,

*

* *

Chín trời nay khắp trải qua,

Giờ về đã tới từ ra trở về,

Hoàng cân Lực sĩ đề huề,

Dương Từ, Hà Mậu, ra về chưa xa.

720.- Ra về khỏi bến Ngân hà,

Gặp ông Thái ất tuần tra đón đường.

Lăm le bắt trót hai chàng,

Tuốt gươm linh kiếm phòng toan chém đầu.

Hoàng cân Lực sĩ quì râu,

Tín bài có chữ, xin cầu khoan dung.

Thái Ất coi tín bài xong,

Cười rằng: Lũ đại khéo mong lên trời.

Trời đâu cho sãi lên chơi,

Cho quân tả đạo tới nơi dòm hành!

725.- Lão Nhan là vị tiên linh,

Há không rõ đặng sự tình Phong đô ?

Phong đô cõi ấy ra vô,

Nhóm nhau những đạo tăng đồ thiếu ai.

Tha bầy về động Thiên thai,

Thưa cùng Từ Thất vẽ bầy Phong đô.

Bầy rồi hai chữ Phong đô.

Kíp đi, chẳng khứng nói phô rõ ràng.

Hoàng cân Lực sĩ vội vàng,

Kíp đem hai họ về đàng Đài dương.

*

* *

730.- Thứ này đến thứ sự đường,

Lão Nhan ngồi chốn Đài dương đợi chờ.

Đánh tay đã đủ chín giờ,

Đốt bùa, niệm chú, như xưa hoàn hồn.

Dương Từ, Hà Mậu hoàn hồn,

Giật mình thức dậy, thấy Tôn sư ngồi.

Hai người tỉnh lại hỏi ôi!

Vội vàng xuống lạy một hồi tạ ân.

Tôn sư đứng dậy lui chân,

Trở về hậu viện dưỡng thần thanh thoi.

735.- Hỏi rằng: Hai gã lên trời,

Tầm đà thấy đạo ở nơi cửa nào ?

Thưa rằng: Chẳng có âm hao,

Cũng không tông tích nơi nao đặng tường.

Cho hay chín cõi thiên đường,

Ngôi thần, ngôi thánh, phô trương đã rành.

Hai tôi có gặp thần linh,

Rằng Tôn sư rõ sự tình Phong đô.
Vẽ rồi hai chữ Phong đô,
Kíp đi không khứng nói pho rõ ràng.
740.- Hai tôi nghe nói chưa tường,
Xui thầy chỉ vẽ mọi đường Phong đô.

*

* *

Sư rằng: Nơi chốn Phong đô,
Cầm cân phước tội, trị đồ hung hoang.
Tục kêu rằng chốn Diêm quan,
Ở miền âm phủ sửa sang việc đời.
Hai người trước đã lên trời,
Nay tìm xuống đất mớm hơi, nhọc mình
Thưa rằng: Rõ đặng sự tình,
Dầu cho nhắm mắt, vong linh cũng đành,
745.- Xin thầy thương kẻ ngu sanh,
Mở đường chỉ ngộ, hết tình thời thôi.
Tôn sư nghe nói thương ôi!
Dem hai họ ấy đến ngôi Dương đài.
Trong đài có tấm bia bài.
Đề câu "Địa quật hữu giai" rõ ràng.
Dưới đài có một cái hang,
Dòm vào lạnh lẽo, thấy đàng tối tăm.
Dương Từ, Hà Mậu lo thầm,
Phen này xuống đất nguyện tằm cho ra.
750.- Bên hang có tấm đá hoa,
Khảm vào bốn chữ "Nam kha mộng sàng".
Hai người lên đá nằm an.
Tôn sư làm phép rờng ban như lời.
Tạo Y quý sứ một người,
Cấp như luật định tới nơi ứng hầu.
Dặn rằng: Chớ khá ở lâu,

Mười giờ đi hết, đem nhau trở về.
Ban cho một cái thẻ đề,
Cầm đi các cửa đặng bề đi thông.
755.- Tôn sư dặn bảo vừa xong,
Tạo Y quý sứ ra công đem đàng.
Dương Từ, Hà Mậu hai chàng,
Đi theo tên ấy xuống đàng âm ty.
Xuống vừa tới cõi âm ty,
Mặt nhìn cảnh vật khác thì nhân gian.
Mơ màng một cõi quan san,
Mây sâu gió thắm chàng ràng trêu người.
Tạo Y trước dặn hai người,
Đàng đi âm phủ nhiều loài yêu ma,
760.- Tay chơn mình mấy người ta,
Đầu trâu mặt ngựa, tên là [Dạ Xoa](#)
Dạ Xoa giữ việc gian tà,
Người nào mắc tội cho tra hành hình.
Có quân ngăn đón lộ trình,
Tên là quý Tốt cái hình lạ thay!
Sớm đầu, vắn cẳng, dài tay,
Xủ tai, lồi mắt, mũi dài, răng to.
Cho hay nó thật hung đồ.
Thấy sao hay vậy, chó phôi hỏi gì.
765.- Có ta vâng lệnh đem đi,
Lòng nghi muốn hỏi việc gì, nói cho,
*
* *
Phút đâu đi đến bến đò,
Bến đò đưa rước chẳng lo tổn tiền,
Bài đề hai chữ "Hoàng Tuyền",
Người qua, kể lại, liền liền ngày đêm,
Người kêu "chín tuổi Cẩm diêm".

Chín kia số hết tuổi thêm dò đầy.
Qua vừa khỏi bến dò này,
Thấy bày chó dữ ngăn rày đường đi.
770.- Xa xem vắn vện đen sì,
Hằm hằm đứng sủa dị kỳ rất hung,
Bên đường có thẻ bài phong,
Chữ cấm ba vòng rằng Ác Cấu Thôn.
Có quân quý tốt đường mòn,
Người đi qua lại, ý khôn dám kê.
Tạo Y đưa cái thẻ đề,
Đem nhau tới đặt một bề đi xuôi.
Vừa đi vừa ghé mắt coi,
Thấy quân quý tốt giơ roi đánh người,
775.- Dẫn ra một lũ vài mươi,
Kêu là thầy pháp dối người thế gian.
Người đau chẳng dụng thuốc thang,
Lòng tham tiền bạc bày đàn chữa chuyên,
Khoe khoang nhiều phép linh thiêng,
Phỉnh treo trang khoáng ăn tiền lừa ngu.
Bày đều đóng ấn vẽ phù,
Láo sai binh tướng bắt tù Diêm vương.
Nhà dân cúng đất lệ thường,
Dám kêu tên Đế ngũ phương ngán ngẫm.
780.- Làm cho người mắc lỗi lầm,
Ấy là loạn đạo tội dâm ngày sau.
Để bày chó dữ đua nhau,
Xé thịt lữ ấy nhai đầu ăn gan.
Hai người coi thấy liền than,
Đi qua khỏi cửa hỏi chàng Tạo Y,
Hỏi rằng: Thầy pháp tội chi?
Cho bày chó dữ một khi hành hình,
Đáp rằng: thầy pháp nó khinh

Dối trong trời đất chử linh chẳng vì.

785.- Đòi xưa phép luật ai bì,

Trừ ma ếm quỷ, việc gì cũng hay.

Lão quân mất sách đến nay

Đòi sau bắt chước liền bày phép tiên.

Nói rồi vội vã đi liền,

Khỏi nơi Ác cầu gần miền Đạo san.

*

* *

Đạo san địa phủ chử vàng,

Bài dựng bên đàng ai thấy cũng kinh.

Núi non đá mọc như binh,

Bày ra sắc lém như hình phủ đao,

790.- Có quân quỷ tốt lao xao,

Đón đường tra hỏi, ai nào dám qua,

Tạo Y đưa cái thẻ ra,

Đi qua cửa khác liếc mà xem coi,

Thấy quân quỷ tốt cầm roi,

Dẫn thầy địa lý hỏi đòi chứng tra.

Tra rồi dẫn các thầy ra,

Kể bao nhiêu tội cho va nghe cùng.

Nhà ai rủi mắc tang hung,

Phỉnh đi coi đất đặng mong ăn tiền.

795.- Khoe khoang rằng học phép tiên,

Tâm long điểm huyết chôn liền giàu sang,

Ai mà chẳng dụng địa bàn,

Chôn nhằm cuộc xấu, ắt mang tai trời.

Lấy câu phú quý dặt người,

Bày nơi ngũ quỷ, chỉ nơi lục thần.

Khiến cho thói chuộng lẳng nhăng,

Coi thân cha mẹ rẻ bằng cỏ tranh.

Người thời ham chử công danh,

Thác không mai táng, để dành thầy toan.

Người thầy ham việc giàu sang,

Nghe theo thầy tục để quàn lâu năm.

Nghĩ điều hoặc thế mà câm,

Tội kia đã đáng thầy dầm Đạo san.

Dạ xoa đứng dưới Đạo san,

Bắt thầy địa lý quăng ngang trên hình,

Hai người coi thấy thất kinh,

Quăng lên lẫn xuống, thân hình còn chi ?

Hai người mắt thấy tai bi,

Mang lời đều hỏi Tào y vội vàng:

805.- Chẳng hay phong thủy mấy chàng,

Tội chi mắc phải Đạo san hành hình ?

Đáp rằng: trong số tử sanh,

Là trời dành để, ai dành đặt đàu.

Từ xưa vua Vũ làm đầu,

Phép bày địa lý để âu trị đời.

Đến sau phong thủy các nơi,

Học đòi coi quẻ, đua bơi tài nghề,

Bày ra làm sách không xuê,

Ngũ phương định hướng, làm bề vọng khi.

810.- Đua nhau cãi số trời đi,

Khiến người tai nạn, gian nguy một dòng.

*

* *

Nói rồi dời bước thẳng xông.

Dương Tử, Hà Mậu ra công hỏi tìm.

Đi vừa đến bến sông Diêm,

Thấy cái cầu chìm, không lót ván đi.

Bắc ngang qua một cái cây,

Dưới cầu những rắn hổ mây, mãng xà.

Có mồng, có tích, như hoa,

Ngóc đầu, ngóc cổ, lội ra đập diu.
815.- Bài đề là "Nại hà Kiêu",
Ai mà có phước thời diu dặt qua.
Ai mà có tội đem ra,
Quý xô xuống đó, mảng xà cắn thây.
Có quân quý tốt đông đầy,
Đón người qua lại cầu này hỏi tra.
Tạo Y đưa cái thẻ ra,
Quý đều vâng lệnh dặt qua khỏi cầu.
Dạ Xoa chẳng biết ở đâu,
Dẫn ra một lũ trọc đầu đem đi.
820.- Đương Từ trông thấy lòng nghi,
Khuyên nhau chậm bước đặng khi xem tường.
Bốn phương thầy sãi rõ ràng,
Cổ gông, tay trói, lang thang áo quần.
Quý đi cầm thẻ rao rân,
Nói rằng thầy sãi sao thân điểm đàn.
Kể từ sống ở dương gian,
Sợ xâu, trốn thuế, tìm đàn đi tu;
Vô chùa làm chức cạo đầu,
Trốn vua theo Phật, trông cầu rảnh tay,
825.- Ghe phen cúng vái làm chay,
Liên ngôi chốn tế đặt bày việc ra.
Cho đi phổ khuyến người ta,
Bán rao tiếng Phật khắp nhà chúng sanh.
Bày đường nói kệ, nói kinh,
Mõ chuông cửa Phật rập rình ra vô.
Miệng thời niệm chữ Nam mô,
Mắt xem găm ghé mấy cô đi chùa.
Áo cơm khỏi tốn tiền mua,
No lòng ấm cật lại đua thối xằng.
830.- Tham câu sắc dục ai bằng,

Lòng lang dạ cáo, lãng nhãng trọn đời.
 Khi buồn cô vãi đờ chơi,
Khi vui vợ khách, cùng nơi thanh lâu.
 Chẳng trừ thịt chó, thịt trâu,
 Trối thây giới cấm! mặc dầu no say.
 Ngoài am giả chước ăn chay,
Trong liêu rượu thịt ngày ngày liền xơi.
 Ở đời lại quyết dối đời,
 Trong mình chẳng sợ lẽ trời là chi.
835.- Phui pha hai chữ luân đi.
Một câu trung hiếu bỏ đi chẳng màng.
 Đến nay thác xuống suối vàng,
 Án tào sáng chép tội chàng khó nhiều
 Tra rồi đem tới Hà kiều,
 Xô cho loài rắn xúm nhiều ăn thây.
 Tiếng nghe la khóc vang dầy,
Dưới cầu sóng gợn, huyết đầy sông Diêm.

*

* *

Dương Từ khó nổi mắt xem,
Rằng: Ta còn phải đi tìm làm chi.
840.- Thấy vậy cũng biết thị phi,
Đã đành trót phạm qui y lăm đàng.
 Xưa xem trong miếu họ Hàn.
Dẫn ra đi chém xem giàn như đây!
 Tiếc công tu luyện nhiều ngày,
 Bỏ nhà bỏ cửa tới đây mới tường.
 Thôi thôi từ giã hai chàng,
Ta xin trở lại tìm đàng cố hương.
 Tạo Y nghe nói liền can,
Rằng: Người muốn ở suối vàng ngân ngơ.

845.-Thẻ cho đi trọn mười giờ,
Đây chưaặng nửa, khó mơ trở về.

Chú thích:

Băng luân : vàng băng : mặt trắng

nửa châu: Nửa phần tròn

Dốc tâm đạo, phải ở đâu xa: Đạo bất viễn nhân,

Năm phẫm rừng Nho sấn sóc lấy: Ngũ kinh

"Trung Thiên" hai chữ bảng vàng: Mật vần.

Hòa lan: Người đạo hòa lan.

thần: sao

già lam: nhà chùa dịch chữ Sangha : tăng già lam.

Dạ Xoa: dịch chữ yaksa (một loài quỷ).

ỷ: tiếng đưa đẩy,

di: đạo thường. Di luân.

nhiêu: nhiều dung.

Nguyễn Đình Chiểu

Dương Từ Hà Mậu

Tiếp Theo

Họ Hà thấy nói ử ê,
Rằng: Xin gấn vó trọn bề thủy chung.
Gượng đi tìm khắp các cung,
Vậy sau mới biết đạo tòng mà theo.
Chuông kia chẳng đánh sao kêu,
Đèn kia muốn tỏ, không khêu cũng lờ.
Dương Từ nghe phải, làm ngơ,
Gắng đi theo dõi trọn giờ cùng nhau.
850.- Xiết bao mặt ử mày châu,
Nghĩ trong phận sãi ruột sầu xót xa.

*

* *

Đi vừa một đỗi xa xa,
Phút đâu bãi cát Hoàng sa gần kề.
"Hoàng sa" hai chữ bằng đê,
Mắt nhìn cảnh vật nào nề, thở than!
Dàu dàu cỏ héo, hoa tàn,
Xơ rơ trên bãi cát vàng, buồn thay!
Gió âm hiu hắt lá cây,
Mưa tuôn bạc bạc, bóng mây mờ mờ.
855.- Khấp xem bốn phía bụi bờ,
Éo le cảnh vật, dật dờ ở đây.
Nào hay làng xóm đông dầy,
Có nơi chợ búa, có bầy người ta.
Kêu tên rằng chợ âm la,
Người buôn, kẻ bán, cửa nhà rất đông.
Họ Hà chưa hẳn tấm lòng,
Hỏi: Sao âm phủ thói đồng dương gian?
Tạo Y tỏ vẻ mọi đàng,

Dương gian âm phủ, cơ quan cũng đồng.

860.- Khác là khác việc hóa công,
Cõi bờ chữ "hạ", chữ "trung" rõ ràng.

Sanh, thời ở cảnh dương gian,
Thác, về âm phủ là đàng xưa nay.

Họ Hà nghe nói rõ bày,
Hỏi thăm dòng họ chốn này chưa ra,

*

* *

Đi vừa khỏi bãi Hoàng sa,
Tới nơi cửa ải thấy đà nên kinh.

Cho hay dưới cõi u minh,
Rất nhiều âm tướng, âm binh, nhộn nhàng.

865.- Bài đề rằng "Quý Môn Quan",
Vô ra biết mấy mươi đàn tội nhân.

Người thời mắc tội vô luân,
Kẻ thời vô đạo, rần rần dẫn ra.

Lũ kia con gái đàn bà,
Đàn này trai tráng, ông già, xiết bao.

Chẳng hay dẫn tới ngục nào?
Nghe quân quỷ tốt miệng rao thẽ rằng:

Dương gian nhiều kẻ tham nhăng,
Trong nhà giàu có lòng hăng bất nhân.

870.- Cho vay đặt nợ muôn phần,
Lợi trung gia lợi, khổ thân nhà nghèo.

Không tiền lại bắt về treo,
Khiến làm đầy tớ, ở theo việc nhà.

Gông cùm, trằng trói, dẫn ra,
Lãng xãng lũ bảy, đàn ba chậ đàng.

Kia là thơ lại nhà quan,
Chuộng bề xảo trá, khoe khoang hơn người.

Trau giồi đao bút cho tươi,

Án sanh làm tử, [cát mườiàng xàng](#)

875.- Dắt người vào tội thác ngang,

Ham ăn của cải cho sang cửa nhà.

Nầy là công, cổ, chư gia,

Đều tham chữ "lợi", lại hòa chữ "gian".

Lợi, gian, hai chữ dấy loạn,

Nhà buôn, nhà bán, mắc nản đã ưng.

Thấy vậy nên dừng dừng dừng,

Ở dừng vô đạo, cũng đừ vô luân.

Đã làm vào tội bất nhân,

Dầu cho muôn kiếp, cái thân ra gì?

*

* *

880.- Tạo Y cầm cái thẻ đi,

Qua rồi cửa quý, kịp khi đến thành.

Bài đề rằng "Uống Tử Thành",

Ở trong rục rở cung đình nghiêm trang.

Đền son, gác tía lầu vàng,

Hắn hòi để chốn Diêm quan trị vì.

Các nơi chúa ngục, âm trì,

Đến nơi châu chực, án tử phán ra.

Tội nào đoán quyết, cho ra hành hình.

885.- Biết bao nhiêu phạm tội tình,

Thác oan uống tử, vong linh dật dờ.

Hồn thời mượn chúng [đại thơ](#)

Hồn thời đội trạng, đội tờ giấy không.

Đàn bà cho tới đàn ông,

Đem nhau quì chốn sân rồng thiếu chi.

Trâu, dê, heo chó đều đi,

Mồm thời cắn trạng vào quì Diêm quan.

Mới hay vật cũng chịu oan,

Thác không đáng thác, xương tan thịt lìa.

890.- Hai người quý sứ đứng kề,
Kẻ thâu đờn trượng, người thì kêu rao.
Hai người chưa rõ lẽ nào,
Đem nhau tới chốn Án tào coi chơi.

*

* *

Thấy quân quý sứ ba người,
Dẫn tới một người chưa biết tội chi.
Ở đời làm nghiệp thế y
Chú ruột Châu Kỳ, tên gọi Châu Phan.
Họ Hà nhìn thấy rõ ràng,
Hỏi rằng sao chú lằm đàng nơi đây?
895.- Đáp rằng: Mang tội làm thầy,
Hốt lằm thang thuốc, hại lây mạng người.
Đạo ta đây có ba người,
Hãy còn ở cửa thứ mười xin ăn.
Một người tên gọi Hà Năng,
Thật người Hà Mậu kêu bằng ngôi ông,
Châu Phan lời nói chưa xong,
Quý đà kéo cổ vào trong Án tào

*

* *

Lại nghe quý sứ lao xao,
Dẫn một người nào, đầu trọc mang gông,
900.- Dương Từ xem thấy nghi lòng,
Lại gần vốn thật thầy trong chùa mình.
Hỏi rằng hòa thượng tu hành,
Cớ sao mà mắc tội tình chi đây?
Đáp rằng: Từ thưở chơi mây,
Am vân hôm sớm hăng vầy kệ kinh.
Chẳng may lâm bệnh xá sanh,
Chưa hay buổi ấy âm linh tội gì!

Nói rồi quý sứ dẫn đi,
Vào Án tào ấy một khi tra tường.
905.- Án tào quý sứ phụng chương,
Đặng dâng bệ ngọc, Diêm vương ngự rằng:
Châu Phan là đứa vô ân,
Đành lòng chẳng tưởng mỗ phần tổ tiên.
Mình sanh trong cõi trung nguyên,
(Lược)

909.- Hiềm vì nghề nghiệp y môn,
Chẳng coi sách vở, làm khôn hại người.

910.- Phó cho cầm cửa thứ mười,
Dẫn đi hành tội, cho người thấy ghê,
Hành rồi hóa kiếp làm dê,
(Lược)

913.- Dạ Xoa vâng lệnh phăng phăng.
Ngục mười dẫn lại giao thẳng Châu Phan.

*

* *

Diêm vương phán trước ngai vàng:
Rằng: Người Trần Kỳ sao chằng đi tu?
Tiếng xưa cũng biết chữ nhu (nhô),
Há không coi sách Xuân Thu dạy đời?
Ngoại di Trung quốc khác trời,
Phụ Nho, theo Phật, chuộng lời nam mô,
Mấy năm ở chốn Phù đồ,
Xưng rằng Hòa thượng, nói phô hoang đàng,
Của thời tam bảo ăn thường,
Ruộng thời sẵn có thập phương cúng dường.
Vả xưa Phật ở Tây phương.
Sống không biết lẽ cang thường là chi.
920.- Luyện lòng hai chữ "từ bi",
Việc nhà việc nước, biết gì tới ai.

Làm người sao chẳng theo loài?
Thảo cha ngay chúa, đoái hoài chi đâu!
Đành lòng cắt hẳn tóc râu,
Đã toan bắt tử, lại âu bắt thần.
Tội kia đã đến muôn phần,
Khó dung cho đó làm thân con người.
Trước cho bày răn cảnh tươi,
Rồi sau cho hóa kiếp người làm trâu.
925.- Hành cho chín kiếp rất lâu,
Để ăn rơm cỏ, dãi dầu tẩm thân.
Dạ Xoa lãnh nạp họ Trần,
Đem giao chúa ngục ở phần sông Diêm.
Có quân quý tốt liền đem,
Dẫn qua Tào án còn giam nửa giờ.
Dương Từ theo khóc bơ vơ,
Rằng nay Hòa thượng biết nhờ cậy ai!
Kỷ rằng: Ta hỏi Thiện Trai:
Cớ sao xuống chốn âm đài, chuyện chi?
930.- Thưa rằng: Tâm dẫu Mu ni
Ngỏ xin khỏi tiếng thị phi trên đời.
Kỷ rằng: Trốn lánh việc đời,
Đã đành lỗi đạo cùng trời đất kia.
Ngàn năm trong cõi thiên kia,
Lấy ta làm một tấm bia để đời.
Người về xin gởi vài lời,
Nói cùng tăng sãi các nơi chùa chiền.
Trở về theo đạo thánh hiền,
Lo bề nhà cửa, chớ nguyên đi tu.
935.- Tu chi mắc kiếp làm trâu,
Lại xô xuống cầu, cho răn phân thân.
(Lược bỏ chín câu, thuật lời Châu Phan)
945.- Đương phô quý sứ đánh ngang,

Dẫn tới ngục đàng, chịu phép khảo tra.
Châu Phan sùi sụt bước ra,
Họ Hà thấy vậy xót xa phận mình.
Tạo Y quý sứ có tình,
Đem qua các chốn ngục hình xem coi.
Bài đề hai chữ "Phong Lô"
Ngục này để trị bầy tôi gian tà.
Hung thay quý tốt Dạ Xoa.
Bắt bầy tôi nịnh đem ra hành hình.
950.- Tay chân đều có đóng đinh,
Năm trên tấm thớt lỏa hình trần phơi.
Người giảng nằm giữa ngó trời,
Người thời nằm sắp khắp nơi rẽ rời.
Phút đâu một tiếng âm lôi,
Nổ ra sấm sét đánh bồi trên cây.
Trước sân lai láng máu đầy,
Tan xương nát thịt, cái bầy quân gian.
Coi tên: Đề thử Hán Đàng (Đường).
Thập Thường Thị ấy với đoàn hoạn quan.
955.- Hành rồi sai phép linh đan,
Thân hoàn hồn phách, lại hoàn ngục giam.
Cũng vì một tấm lòng tham,
Sâu dân một nước, đều làm chẳng công.
Làm tôi mang chữ bất trung,
Phép trong trời đất chẳng dung đứa nào.

*

* *

Coi rồi cửa ấy tù lao,
Coi qua cửa khác những nào tội nhân.
Bài đề hai chữ "Hỏa Quân"
Ngục này trị kẻ vô luân, loạn thần.
960.- Cột đồng cắm đứng trước sân,

Chế dầu lửa đốt rần rần như giông.
Lửa xe chói đỏ cột đồng,
Dạ Xoa dắt tới đàn ông một đàn.
Tay cầm roi sắt đánh, phang,
Khiến xông vào đó ôm ngang cột đồng.
Thịt xương chói đỏ theo đồng,
Khói bay tanh khét, như xông a ngày.
Coi vào trong thẻ án ghi,
Họ tên lũ ấy một khi mới tường,
965.- Thấy đều mắc tội hòa gian,
Vợ người đã lấy, còn toan giết chồng.

*

* *

Coi rồi phía tả đàn ông,
Ngó qua phía hữu, rất đông đàn bà.
Trước sân đem vạc dầu ra,
Dầu sôi sục sục, lửa ra dần dần.
Một bầy phụ nữ truồng trần,
Buộc vào để đứng loã thân chịu hình.
Dạ Xoa cửa, kéo nên kinh,
Cửa đầu tới dứt, rã mình làm hai.
970.- Lòng hai người cũng chia hai,
Bỏ vô dầu nấu, nấu hoài cho tiêu.
Coi vào trong thẻ án nêu,
Họ tên lũ ấy thấy đều dâm bôn.
Thông gian mình nghĩ rằng khôn,
Ở đời chẳng sợ tiếng đồn ô danh.
Coi chồng như đứa vô tình,
Ngày đêm những mảng rập rình cùng trai,
Chê cười cũng trối thây ai,
Kiếm lời che mắt, lấp tai thẳng chồng.
975.- Dầu cho đại cũng là chồng,

Lông sao giám nói nó không biết gì?
Rõ ràng chúng có tứ tri,
Việc trong buồng kín, âm trì lại biên.
Giết chồng có phép nước chuyên,
Âm thầm có phép cứu tuyền cửa hai,
Cho hay những tội lấy trai,
Thiên tru, địa lục, ai ai nên chừa.

*

* *

Tạo Y thấy vậy chẳng ưa,
Xem qua ngục khác, phép ngừa đũa gian,
980.- Bài đề hai chữ "Kim Cang".
Ngục này để trị những đàn bất nhân,
Mấy thằng trộm cướp sát nhân.
Cối đồng xay giã, tấm thân nát nghiền.
Làm con chẳng thảo, chẳng hiền,
Mình treo cần sắt, cung liềm bắn lên.
Bắn cho vắng thịt nhiều tên,
Hỏi ơn cha mẹ đã đền đặng chưa?
Mấy người ăn nói thiếu thừa,
Bắt kèm kéo lưỡi đưa ra khỏi hàm.
985.- Kể sao xiết nỗi gian tham,
Dạ Xoa cứ phép đều đăm hành hình.

*

* *

Kim Cang đến cửa đã đành,
Cửa mười cũng nổi sấm dành theo đây.
Bài đề "Minh Lịnh" ngục này,
Để trị các bầy bại lễ, loạn luân.
Loài người ăn ở bất phân,
Anh em lấy bậy, bất phân làm người.
Trẻ già nào trọn mấy đời,

Âm thầm chẳng biết hồ người cùng trời.
990.- Mây mưa quen thói nhớt đời,
Bà con nào kể, lẽ trời nào kiêng,
Dạ Xoa theo án xử liền,
Bắt đoàn con gái ghe phen hành hình.
Kẻ thời đội chảo máu tanh,
Ngồi bàn chông sắt, nhóm doanh ruồi lẳng.
Kẻ thì bưng mề dòi ăn,
Người bưng máu uống, chực trắng, cổ xiềng,
Giường đồng lạnh lẽo để liền,
Bao nhiêu tội ấy thay phiên bắt năm.
995.- Trên đầu dội nước ướt dầm,
Sương sa lạnh lẽo, ruột tằm héo don.
Lạnh lòng xương thịt hao mòn,
Để chi nhớ nhức nước non trên đời.

*

* *

Trải qua xem thấy khắp nơi,
Dương Tử, Hà Mậu buông lời hỏi han.
Hỏi rằng: Các tội ngục đàng,
Hành rồi một thứ, lại hoàn nguyên thân.
Chẳng hay hoàn lại làm chi?
Hoặc là hết tội, đợi kỳ tha chẳng?
1000.- Tọa Y quý sứ đáp rằng:
Âm hình há dễ một lần mà xong!
Giết đi hoàn lại, lòng dòng,
Ngục này hết phép, còn vòng ngục kia.
Hành cho khắp hết cửa bia,
Đem về Tòa án, mới chia kiếp đây.
Đưa lên làm kiếp ăn mày,
Thằng kia kiếp chó, con này kiếp heo.
Dầu muôn kiếp cũng noi theo,

Mãn thân súc vật; máu đeo dao người,

*

* *

1005.- Tào Y chưa nói dứt lời,
Thấy quân quý tốt tới nơi nhện nhàng.

Dẫn đi một lũ bóng chàng,
Áo quân rách nát, đều mang gông xiềng.

Họ Hà buông tiếng hỏi liền ;
Chẳng hay lũ ấy số biên tội gì?

Đáp rằng: Tội chẳng nhẹ chi,
Ở trên dương thế hay khi thánh thần.

Miếu đường là chốn thanh tân,
Trống xây, giọng lý, tiếng rân cầu mời.

1010.- Bà tiên, bà Chúa, đặt lời,
Chàng Năm chàng Bảy, lên chơi giới hiền.

Rập rình đàn, địch, cổ, chiêng,
Cơm tiền đã tốn, dầu đèn lại hao.

Ai lên khẩn vái, phước trao,
Ai quên cúng quảy, họa vào khi không.

Quạt chơi, ợ, ngáp, lên đồng.
Dối người giàu có rằng ông quở chàng.

Chè xôi gà vịt, đặt bàn,
Cho ta dâng lễ, mới an cửa nhà.

1015.- Tội kia khi hoặc người ta,
Phong lôi ngục nọ đem ra hành hình,

Họ Dương lại hỏi đình ninh
Bóng chàng dường ấy đã đành tội kia.

Chẳng hay thầy thuốc tội chi,
Kìa quân quý tốt dẫn đi đông dầy?

Đáp rằng: Thầy thuốc chẳng hay,
Bệnh không biết mạch đặt tay coi chừng.

Lòng quen cư thói bất nhân,

1020.- Nhà giàu thời hốt "bát trân", "thập toàn".

Nhà nghèo thời hốt thuốc ngang,
Tử tô, kinh giới, ma hoàng, quế chi.
Mười hai kinh lạc kể gì,
Bốn mùa vận khí xây đi, mặt trời!
Đau trong tạng phủ thây người!
Thấy tiền đem tới, miệng cười, lòng vui.
Chín trăm phương thuốc xa xui,
Hai ba mươi vị phanh phui đủ làm.
Một pho Thọ Thế lam nham.
Nhìn đâu hốt đó, chẳng ham sách nào.

1025.- Làm hoàn, làm tể, hỗn hào,
Thuốc sâu, thuốc mọt, trộn vào mật ong.
Mạng người coi rẻ bằng lông,
Uống may: thời khá; rùi: không chi thầy.
Khoe mình dao thuốc liền ngày,
Oan hồn theo khóc dầy dầy sau chơn.
Tưởng là trộm cướp bất nhơn,
Ai hay thầy thuốc dữ hơn cộp nhiều.
Tội kia đã đáng đem treo,
Kim cang ngục nọ, xử theo án đồ.

*

* *

1030.- Họ Dương lại thấy dẫn tù,
Mụ bà một lũ u đồ đi ra.
Lặng nghe kể tội mụ bà,
Quý cầm thẻ án, trước đà rao rân.
Rao rằng: Làm mụ bất nhân,
Khiến người sanh đẻ tấm thân mắc nân.
Vả trời phú tánh đã an,
Có cho ai ngược, ai ngang, bao giờ?
Bào thai đã định ngày giờ,

Mười trăng chưa đủ, phải chờ mới nên.
1035.- Vợ người chuyển bụng đau rên,
Mụ bà chẳng hỏi nhớ, quên, tháng ngày.

Lên giường vội vã ra tay,
Rằng: Ta sửa bụng cho quày đầu ra.
Vài giờ chưa thấy số ra,
Thọc tay lỗ đẽ, sờ mà thăm coi.
Coi rồi chẳng thấy lỗ mòi,
Khiến xui hốt thuốc giục đòi cho mau,
Dối rằng: gần lỗ mào cau,
Bảo người rán rạn làm nao đẽ đũa.

1040.- Hai tay bóp bụng đẩy xua,
Thấy lâu rồi lại thăm vô cửa mình.
Chúc nguyện bà chúa thai sanh,
Đức thầy, đức mụ, thần linh giúp cùng,
Làm tuồng chộn rộn sợ lung,
Chủ nhà van vái tứ tung bình tàng,
Khiến con trong bụng chẳng an,
Ngặt mình nên phải tìm đàn chun ra.

Chôi, quày, chưa kịp hạ sa,
Mụ bà tay chận, kéo ra vội vàng,
1045.- Những đồ đi ngược đi ngang,
Cũng vì tay mụ, lòng toan sanh cầm.
Dân ngu chẳng biết lỗi lầm,
Vì ai khuấy rối lẽ trời
Khiến nên èo uột, ra vời chẳng lâu?
Người khôn cũng mắc rầm rầm nhiều nơi.
Lẽ thời tội đáng chém đầu,
Thứ dung cho nó xuống cầu một cây.

*

* *

Mậu rằng: Nhờ có sự này,

Đẻ đừng kêu mụ, rước thầy được chăng?

1050.- Tạo Y quỉ sứ đáp rằng:

Coi trong sách thuốc có bằng luận minh.

Tiếp sanh lại với thân sanh,

Tiếp, thân, hai chữ, là danh mụ bà.

Chờ con trong bụng số ra,

Ấm bông, lau rửa, ấy là phận ta.

Xưa nay làm phận đàn bà,

Tới ngày sanh đẻ, như hoa trên cành.

Hoa kia nở nhụy có chùng,

Đàn bà chữa nghén thời đừng sợ chi,

1055.- Thú cầm là loại vô tri,

Tới chùng chuyển bụng, mụ gì sửa cho?

Làm người chẳng biết so đo,

Cứ toan theo mụ, rủi ro cho mình,

Gẫm vật hóa hóa sinh sinh,

Máy trời có sẵn trong mình người ta.

No ngày, khảm thảng đẻ ra,

Mẹ con mạnh khoẻ, thầy bà làm chi?

Miễn cho giữ nết đứng đi,

Theo bề ăn ở, đừng khi thánh thần,

1060.- Dầu cho đẻ mấy mươi lần,

Để hơn súc vật muôn phần, nào lo?

*

* *

Đây đà dứt việc hỏi phô,

Dem nhau tới chốn Phong đô tách vời.

Ra đi tới cửa thứ mười,

Lại gặp ba người quân dẫn đi xin.

Họ Hà dừng bước đứng nhìn,

Một người hình dạng thật in ông mình.

Hà Năng chợt thấy hải kinh,

Vừa mừng vừa khóc thình lình nói ra:

1065.- Hỏi rằng: Hà Mậu cháu ta,...

(Lược)

1069.- Cho hay sự dĩ đáo đầu ;
Chưa về cõi thọ ai hầu biết khôn.

(Lược)

1073.- Bấy lâu cầm ở ngục hình,
Một mình chịu khổ, sự tình xiết bao,
Đã không tiền bạc theo tao,
Cũng không dòng họ người nào ở đây,

*

* *

1075.- Gặp nhau chưa hết tình bày,
Tạo Y quỉ sứ kéo ngay ra về.
Rằng: Mười giờ hết phải về,
Dùng dằng đây nữa khó bề hồi dương,
Nói thôi trở gót vội vàng,
Họ Hà, Ông, cháu, hai đảng phân ly,
1078.- Năng rằng: Cháu hãy về đi!

(Lược)

1081.- Nói thôi hối cháu trở lên,
Cám thương Hà Mậu chẳng quên mọi lời.

*

* *

Thứ này đến chuyện trên đời,
Dương Từ, Hà Mậu, về nơi Tiên đài.
Lão Nhan ở núi Thiên thai,
Ngồi chùa Linh diệu, hôm mai đợi chờ.

1084.- Đánh tay đã đủ mười giờ,
Đốt phù làm phép, như xưa hoàn hồn,

(Lược)

1087.- Thầy rằng: Đã thấy rõ ràng.

Ta phân gốc ngọn hai chằng đặng hay,
(Lược)

1109.- Họ Hà nghe nói rõ ràng,
Chạnh thương đời trước, hai hàng lụy rơi.

1110.- Họ Dương quì lạy buông lời,
Hỏi rằng: Đạo Phật ở đời tin chẳng?

Tôn sư chúm chím cười rằng Thối đời những mắc đạo xăng đua bơi,

Từ xưa trời tách ra đời,

Ba vua, năm đế, nổi đời rất lâu.

Từ ngày có Phật đến sau,

Đến đời ngũ Quí hại nhau bởi bởi,

Nên hư , gương ở các đời,

Coi vào thời thấy, phải lời bàn chi?

*

* * 1115.- Dương , Hà, hai gã liền quì,

Hỏi rằng: Nho đạo dám bì tiên chẳng?

Tôn sư thông thả đáp rằng:

Đạo tiên cũng ở trong häng đạo nho.

Đạo tiên theo việc nhàn du,

Đạo chơi non nước, chẳng cầu công danh.

Đạo nho lo việc kinh dinh,

Giúp trong nhà nước cho minh cương thường

Tiên xưa ở chốn thơ đường,

Một câu nho giáo, lòng càng chẳng quên,

1120.- Muốn theo tiên đạo cho bền,

Phải tòng nho đạo mới nên phận mình,

Hai người đều khá hồi trình,

Đạo nào làm phải mặc tình rập theo,

*

* *

Thưa rằng chút phận cheo leo,

Non xanh, nước biếc, xin theo đạo thầy,

Thầy rằng một cõi tiên này,
Tiền duyên chưa dứt ở đây khó bề.
Sao sao cũng phải trở về,
Sửa sang nhà cửa trọn bề sẽ hay.
1125.- Hai người đồng tiếng thưa thầy,
Rằng: Xin ở lại vài ngày cõi tiên.
Tôn sư hồi Lý tri Niên,
Dạy đem hai gã đạo miền Thiên Thai,
Trải qua mấy chốn lâu đài,
Coi thơ tiên cảnh tám bài, thú xưa,

I.- Vịnh Sĩ Thú

*Long gồm kinh sử mấy mươi pho,
Vàng ngọc nào hơn báu học trò?
Cây trái rừng nho ra sức hái,
Lổ gành biển thánh ráng công mò,
Cắm văn thêu dệt đời đời chuộng,
Đạo vị trau giồi bữa bữa no,
Gặp thuở mày xanh ngời đọc sách
Một nhà đều hưởng lộc trời cho.*

II.-Vịnh Nông Thú

*Trải khi nắng hạ, lúc mưa thu,
Cày cấy ghe phen sức dãi dầu,
Cúi ngửa nương theo vài đám ruộng,
Làm ăn giữ vốn mấy con trâu.
Theo nghề [Hậu tặc](#) nhà không đói,
Chuyên việc [Mân phong](#) nước chẳng sâu,
Nhờ gặp mùa màng trời đất thuận,
Năm trăm giống thóc một tay trâu.*

III.-Vịnh Y thú

Một túi linh đan chẳng ráo hơi,

*Trong tay thường cứu mạng người đời.
Năm mùi tánh được ngày xem xét,
Trăm trứng thang danh bữa đổi đời.
Bịnh tới, chẳng câu người khó đói, Mạch coi, liền ngán kẻ ăn chơi
Xưa lời quốc thủ khen rằng phải,
Giúp sống dân ta trọn lẽ trời.*

IV.-Vịnh Bốc Thú

*Trải đời thường chuộng báu thi qui,
Phưởng phất mùi hương chúa Phục hy,
Tám quẻ khai ra đường bí yếu,
Sáu hào xây để máy u vi.
Cát, hung, muôn việc vài lời đoán,
Thời vận ngàn năm một lẽ suy.
Bày vẽ tháp trời, hang đất đó,
Những con mắt tục mấy người tri,*

V.-Vịnh Công Thú

*Hóa công máy móc ở đâu nà,
Trăm thợ nhân gian mọc nảy ra,
Sáu phủ đua làm nghề khéo léo,
Năm hành sắm đủ của xây xa.
Màu tuồng đơn kép theo hình vật,
Mọi việc lâu mau mặc ý ta.
Máy tạo trong tay nào có vụng,
Chí lăm nên giống nước cùng nhà.*

VI.-Vịnh Thương Phú

*Một câu thế lợi mở muôn nguồn,
Giàu khó theo người việc bán buôn
Các chợ sanh tài trăm họ nhóm,
Mấy ghe hóa trị bốn phương ruộng.
Trái cân Yến Tử còn roi dẫu,
Quyển số Đào Công chẳng mất tuồng,
Chờ giá một mai may gặp vận,*

Ra vào biết mấy của ngàn muôn.

VII.-Vịnh Ngư Thú

Ai nói rằng nghề hạ bạc hư?

Chớ chê chài lưới thói bần xừ,

Biếng theo ông Lữ câu danh lợi, Sánh với thầy Viên bói thủy ngư,

Gánh cá giang hồ trăm chợ đủ,

Chiếc thuyền phong nguyệt bốn mùa dư.

Trọn nhờ lộc nước vui ngày tháng,

Giềng mối trong tay giữ chặt khư.

VIII.-Vịnh Tiều Thú

Thánh nhân còn gọi kẻ sô nghiêu,

Người chớ nên khinh thói lão tiều,

Ngày tháng nghinh ngang vài gánh củi,

Núi non dọn vén một tay rìu,

Lộc rừng cũng đủ bề hôm sớm,

Nghề cũ nào lo vốn ít nhiều.

Theo vận vui trời, nhờ cán búa,

Mặc đời Kiệt, Trụ, mặc đời Nghiêu.

Coi rồi tám thú thơ hay,

Họ Hà ngẫm nghĩ bèn day hỏi liền,

Hỏi rằng: Đây vốn cảnh tiên,

Cớ sao chuộng thói theo miền phàm dân?

1130.- Niên rằng: Một gốc thiên dân,

Người tiên sánh với phàm trần đâu xa.

Từ trong tám thú trở ra,

Việc đời rồi rảnh ấy là thần tiên,

*

* * Hai người theo Lý Tri Niên

Ở Trong Vân động kết nguyên đồng tâm,

Ngày ngày thông thả ca ngâm,

Cùng nhau vui thú quỳnh lâm, dao trì,

*

* *

Lối này tới lối Châu Kỳ,
Chạnh lòng nhớ bạn cố tri họ Hà,
1135.- Liền năm liền tháng tới nhà,
Hỏi thăm tin tức, lâu đà thon von.

Liễu nương ở với hai con,
Mượn người tìm khắp nước non mọi đàng.

Long môn từ vắng mặt chàng,
Tình nhà man mác, lòng nàng héo don.

Lìa nhau đã tám năm tròn,
Trông chồng đã mới, thấy con thêm sầu,

Tuổi già mà lại hay đau,
Tắt hơi khó nổi ngồi lâu chờ chồng,
1140.- Châu Kỳ thang thuốc giúp công,
Số trời khôn cải, hết lòng thời thôi.

*

* *

Liễu nương từ thuở thác rồi,
Hai con tám tuổi, mồ côi nhà nghèo.
Cậu, cô, ép uống khiến theo,
Đọc kinh xem lễ giữ lèo lái xưa.
Tuyết, Băng, lòng vốn chẳng ưa,
Chị em giữ phận đẩy đưa tiếng người,
Nói rằng: Theo đạo năm đời,
Trong khi nào thấy có lời chi hay,
1145.- Cha già đi mất lâu nay

(Lược)

1146.-Đọc kinh xem lễ làm gì?
Ởn cha chẳng đoái, còn ghi đạo nào?

*

* *

Cậu, cô, ghét tiếng cầu cao,

Bỏ điều đói rách, lẽ nào trời thây!
Chị em hăm hút qua ngày,
Trời sanh trời dưỡng, xày xày cũng xong.
Châu Kỳ thấy cũng động lòng,
Liên cho tiền gạo để phòng nuôi nhau.
1150.- Chị em bàn luận cùng nhau,
[Việc cha thuở trước họ Châu nói liền.](#)

Rằng: Cha theo Lý Tri Niên,
Đem đi tìm đạo cảnh tiên non Bồng.
Vả đây lên chốn non Tùng,
Đường đi hiểm trở, hầu mong cũng gần,
Muốn cho đặt chữ "hiến thân",
Phải đi lên đó một lần cho hay.
Tìm cha thời phải hỏi thầy,
Mất còn cho hẳn, lòng này mới an,

*

* *

Chị em cơm nước sửa sang,
Nhằm chừng Tùng lãnh băng ngàn phăng phăng.
Cám thương Xuân Tuyết, Thu Băng,
Tuổi còn thơ ấu, nhọc nhằn xiết bao!
Tìm cha nên chốn non cao,
Kể nào thú dữ, màng nào thánh thơ.
Chị em đi quá nửa ngày,
Hỏi thăm chẳng thấy, trở quày lộn ra,
Hai bên cây đá giao hoà,
Trong non nào thấy cửa nhà chi đâu,
1160.- Đường chim dấu thỏ, luôn nhau,
Chị em ngờ ngẩn khôn cầu đường ra,
Non đoài bóng ác hầu tà,
Cùng nhau lần bước đi qua Thạch bàn.
Thạch bàn lại có khe ngang,

Mở cơm ăn uống, rồi toan hỏi người.
Dưới chân đau mỏi khôn đời,
Cùng nhau lẩn thân, phút trời hoàng hôn.
Khóc than tiếng dậy như cồn,
Kêu rằng: Cha hỡi! linh hồn ở đâu?
1165.- Chứa chan muôn thảm ngàn sầu,
Hai con sống thác, ai hầu biết cho?
Dắt nhau lên đá năm co,
Khóc rồi lại ngủ, biết lo phương gì.

*

* *

Non cao cây cối rậm rì,
Năm queo lại ngủ, gặp kỳ đêm đông.
Thương thay! Sương tuyết lạnh lòng,
Năm canh đá gối, sương mù, xiết bao!
Bóng trắng vừa thấy lên cao,
Một bầy thỏ bạch nhảy vào mừng vui.
1170.- Năm khoanh trên đá nổi đuôi,
Bao nhiêu sương tuyết, lông chùi sạch trơn.
Đêm đông hơi ngáy tợ đờn,
Chị em giấc ngủ nhờ ơn đấng bèn,
Vàng ô vừa ló bóng lên,
Giật mình trực thấy, thỏ bên nhảy liền,
Ngày sau việc ấy sách biên:
Tướng tinh mộng [nguyệt](#) ; kết duyên Dương Hà.
Mặt trời vừa ló sáng ra,
Chị em lòng đói, xót xa phận mình.
1175.- Chim đâu bay tới thành linh,
Xanh lông, đỏ mỏ như hình sơn son.
Đậu trên đầu đá hai con,
Trái đào, mỏ gắp quặng lòn xuống cho.
Chị em cầm ngửi thơm tho,

Nhờ ăn đào ấy, đặng no tấm lòng.
Chưa hay đi đặng cùng không,
Đoạn sau mới biết cùng, thông, mọi đàng.

*

* *

Thứ này tới chuyện Tấn vương,
Sửa sang nhà nước, bốn phương vững vàng.

1180.- Buổi chiều đông mặt bá quan,
Hai bên văn võ đều bàn việc dân.

Có quan Bảo giá họ Tần,
Quy dâng lời sớ ở phần Dự châu.
Tấn vương xem thấy lòng sầu,
Mới hay một trấn Dự châu mất mùa.
Phán rằng: Nghiêu, Thuấn, làm vua,
Chín năm nước lụt mà mùa chẳng hур;
Vì lòng lo sợ có dư,

Phải toan chữ "đức" đặng trừ chữ "tai".

1185.- Ngày nay châu Dự cõi ngoài,
Muôn dân đói khó, nào ai đỡ đần!

Tần Khanh trước bệ liền tâu:
Xin đi kinh lược Dự châu một lần.
Trước là [chấn thái](#) muôn dân,
Sau răn quan lại, khỏi phần gian tham.
Tấn vương y tấu cho làm,
Phê rằng: "Thay trăm, đông nam tuần hành".

*

* *

Tần Khanh phụng chỉ triều đình,
Thối triều sắm sửa, giàn binh mã rồi,

1190.- Về dinh tạm nghỉ một hồi,
Phu nhân liền đặt lễ bồi xin đưa.

Thưa rằng: Cám nỗi [dây dưa](#),

Đoái câu "[lân chi](#)", nhà chưa phải nguyên
Nay ông vâng lệnh tuần biên,
Ra ơn, làm phước, cầu duyên phận mình.
Hoặc là trời chút thương tình,
Sớm cho đặt chữ [minh linh](#) nổi dòng.
Miễn là nổi nghiệp cho ông,
Tôi, phần liễu yếu dám trông lẽ gì!

*

* *

1195.- Tần Khanh từ giã ra đi,
Rần rần xe ngựa một khi đăng trình.
Ngưỡng chiêm kỳ, cổ, nghiêm minh:
Trải qua các trấn, sanh linh đều mừng.
Đua nhau rượu thịt đem dâng,
Đốt hương, đội trạng, tưng bừng xã thôn.

*

* *

Mười ngày tới huyện long môn,
Xảy vừa gặp lúc hoàng hôn bóng [vầy](#).
Huyện đường xin rước vào đây,
Truyền quân tạm nghỉ rạng ngày sẽ đi.

1200.- Đêm đông tiếng trống trì tri
Bóng trắng thấp thoáng [trúc ly](#) lối vào
Tần Khanh nằm thấy chiêm bao,
Hai con thỏ bạch nhảy vào trong tay,
Giật mình bèn thức dậy ngay,
Ngồi bàn chưa rõ diềm này cát, hung.
Phút đâu trời đã hừng đông,
Đòi quan Tri huyện, hỏi trong dân tình,
Chỗ nào oan khúc cho mình,

Chỗ nào non nước anh linh cho tường,
1205.- Huyện quan bày vẽ mọi đường,

Rằng: Non Tùng có nhiều phương, thú cầm.

Nghĩ trong điều ấy nghi thâm,

Truyền ra một lệnh: sơn lâm [liệp điền](#).

Huyện quan sắm việc săn liền,

Dem đi lên chốn sơn xuyên giải buồn.

Truyền quân vác lưới, chiêu muông,

Nhắm chừng Tùng lãnh, đi ruộng vào săn.

Non xanh cây mọc giăng giăng,

Hươu nai, dấu đá lấy ngăn chặt đàng.

1210.- Trái qua vừa tới Thạch bàn,

Hai con thỏ bạch bên đàng nháy đi,

Tần Khanh xem thấy lòng nghi,

Truyền quân bốn dấu, lưới vây tư bề.

Tìm theo tới chốn Hoàng khe,

Thấy hai gái trẻ nằm kề ngủ trưa.

Quân hầu chưa kịp lời thưa,

Tần Khanh bước tới thấy vừa lòng thương.

Nói rằng: Điềm mộng mơ màng,

Thật trời cho lão gặp đàng minh linh.

1215.- Giã ơn non nước thần linh,

Đi săn không thú, đã đành gặp con.

Bèn kêu thức dậy hỏi đon,

Việc chi dám tới núi non chốn này?

Tuyết, Băng thức dậy mới hay,

Cúi đầu bèn lạy, tỏ bày đầu đuôi.

Thưa rằng lỡ bước tới, lui,

Đói lòng nhờ có chim nuôi ba ngày,

Tần Khanh nghe rất mừng thay,

Con ai khéo đẻ, mặt mày tốt tươi.

1220.- Lệnh truyền bãi việc săn chơi,

Dem hai gái ấy về nơi huyện đường.

*

* *

Tần Khanh ngồi giữa huyện đường,
Đòi ra han hỏi họ đương việc nhà.

Hỏi rằng hai trẻ tìm cha,

Rằng ai vẽ ngõ chỉ nhà cho đi?

Mới thưa rằng: Có danh y,

Bạn cùng thân phụ, Châu Kỳ là tên.

Tần Khanh đòi họ Châu liền,

Cùng là cô bác ở bên họ Hà.

1225.- Tần Khanh hỏi việc họ Hà,
Châu Kỳ gốc ngọn thưa qua rõ ràng.

Tần Khanh mới rõ lòng vàng,

Khen rằng: Bỏ đạo Hòa lan phải rồi.

Cho hay gà, hạc, khác ngôi,

Cây hiên, trái báu, biết mùi, mấy ai?

Bà con nội ngoại vừa hai,

Chớ rằng ai dại, trách tay các người!

Tuyết, Băng là gái thờ Trời,

Ta xin nuôi lấy, cải đời theo ta,

1230.- Châu Kỳ quì lạy trở ra,

Họ hàng nghe nói, trẻ già đều ưng.

*

* *

Tuyết, Băng, thay áo, đổi quần.

Phận làm dưỡng tử, lễ dâng lạy rồi.

Tần Khanh sai kẻ tổng hồi,

Phu nhân mừng đặng con nuôi trong nhà,

Ấp yêu như ngọc, như ngà,

Dạy bề đức hạnh, nét na thêm nhuần,

Xuê xang cốt cách mười phần,

Họ Hà cải lại họ Tần, rất vinh.

Chú thích:

cất mười : đếm ăn gian từng chục. Như mua đồ đếm đến con số một trăm tám chục, mà rồi số đếm: một trăm bảy mốt.

xàng xàng: hoài hoài, không thôi.

đại thơ: viết thế cho, viết giùm cho.

thế y: thầy thuốc cha truyền con nối,

Trống xây: Điệu bóng đánh trống rồi, vừa đánh vừa xây cái trống trong tay,

u đồ: đường tối,

Chôi, quày: Đông y xưa tin rằng thai trở đầu lên, chừng đẻ mới quay đầu xuống.

Hậu tặc: nói về việc canh nông. Hậu Tắc là chức quan coi về việc canh nông đời xưa. Thi tổ nhà Châu làm chức Hậu Tắc.

Mân phong: Mân phong là một thi

Việc cha thuở trước họ Châu nói liền:

nguyệt: bạch thỏ

chấn thái: giúp và cho vay

dây dưa: dòng dõi. Lấy điển câu "miên miên qua điệt" trong kinh Thi

lân chi: gót lân, có con nổi dòng, chữ lấy ở kinh Thi

minh linh: con nuôi

vây: nguyên chữ "vi" bao phủ

trúc ly: đậu trúc

liệp điền: đi săn

Nguyễn Đình Chiểu

Dương Từ Hà Mậu

Tiếp Theo

1235.- Tuyết, Băng nay đã yên mình,
Ở nơi công phủ, theo tình phu nhân.

Tần Khanh xe ngựa rần rần,
Từ nơi huyện ấy, trông chừng Dự châu.
Các quan lại, tới bữa hầu,
Tờ chương, tờ biểu, bày tâu nhộn nhàng.

Tần Khanh khiến mở cho tường,
Đặng cho lúa gạo, cứu hoang muôn nhà.
Nhớ ơn chần thả chư gia,
Một châu trăm họ, trẻ, già, đều vui.

*

* *

1240.- Sửa sang sáu tháng yên rồi,
Giã từ châu Dự, phản hồi Tấn kinh.

Tần Khanh bá yết triều đình,
Tấn vương phán hỏi dân tình khắp nơi.
Phán rằng: Ta nối ngôi trời,
Gãm mình ít đức, trị đời chẳng an.
Dự châu trời xuống tai nàn.
Cứu dân một cõi, nhờ chàng Tần Khanh.
. Công cao quyền trọng, đã đành.
Chức quan Tổng trấn sẵn đành phong người.

1245.- Hà đông là cõi tốt tươi,
Bảy châu, chín quận, nhiều người ăn chơi.
Nấy người thay mặt đổi lời,
Ra ngòi Trấn ấy, trị đời chẵn dân.

*

* *

Tấn vương lòng rất ân cần,

Yến diên thết đãi, quân thần đưa nhau,
Tần Khanh xuống bộ khẩn đầu,
Tạ vua, lãnh chỉ, thối châu sửa sang.
Về dinh sắm sửa hành trang,
Đều đem nha lệ lên đàng Hà đông.

*

* *

1250.- Mười ngày tới huyện Hà Đông,
Các quan, xa giá, hội đồng tiếp nghinh.
Rước ông Tổng trấn vào thành,
Muôn dân nườm nượp đều tranh tới mừng.
Long môn huyện ấy ở gần,
Nam khang huyện ấy ở gần Hà đông.
Tần Khanh trấn thủ ai đồng,
[Chánh](#) ra bủa khắp, ngoài trong vững vàng.
Mấy câu gia huấn rõ ràng,
Nuôi con gái ngọc, dung nhan khác thường.

1255.- Phu nhân lòng rất yêu đương,
Lại cho học chữ cho tường xưa nay.
Tuyệt, Băng hai gái xinh thay!
Đã thông kinh sử liền ngày ngâm nga.
Tiếng thơm ngày một đồn xa,
Chúng đều khen ngợi họ Hà phước to,
Tuy là hoa có thơm tho,
Vườn xuân còn đóng, chưa lò gió đông.

*

* *

Nói rồi việc ở cửa công,
Đây bèn kể chuyện vợ chồng họ Dương.
1260.- Dương Từ, từ thuở ly hương,
Một mình Đỗ thị nấu nướng quê nhà.
Nuôi hai con thuở lên ba,

Đến nay năm tuổi, trong nhà nghèo thêm.

Đỗ nương canh cửi nghề, êm.

Bữa đi gặt mướn còn hèm thiếu ăn.

Dương Trân, Dương Bửu hai thằng,

Tuổi còn thơ ấu, nhọc nhằn xiết bao.

Bà con bên nội lãng xao,

Đồng tiền bát gạo, thấy nào giúp đâu.

1265.- Anh em nay vững, mai bà,

Hái rau bắt ốc, nuôi nhau năm dài.

Đỗ nương có một em trai,

Tên là Đỗ Khoái, tuổi ngoài năm mươi.

Cũng trang tiểu phú trong đời,

Nhà nuôi lục súc chuộng lời, bán buôn,

Ngày nay rảnh việc ngồi buồn,

Chạnh lòng nhớ chị, bỗng tuôn lệ đầm

Nhớ thôi nghĩ lại tủi thầm,

Chị ta nào khác đàn cầm đứt dây.

1270.- Cám thương hai cháu thơ ngây,

Trong nhà bần bạc buổi này nhờ ai?

Anh đà theo Phật Như Lai,

Gia đình ấm, lạnh, đoái hoài chi đâu.

Nói thôi chẳng xiết dạ sâu,

Đi qua nhà chị ngõ hầu viếng thăm.

Đỗ nương mừng thấy em thăm.

Mừng rồi lại khóc đầm đầm lệ sa.

Em dầu đoái tấm thân ta,

Ruộng hoang vườn rậm, cửa nhà quạnh hiu.

1275.- Ruột gan khô héo mấy chiều,

Nỗi duyên, nỗi phận, nghĩ nhiều bề đau,

Vợ chồng kết tóc cùng nhau,

Trăm năm một hội, nghèo giàu cùng theo.

Hay đây tuổi phận bọt bèo,

Lại mang lấy tiếng ở lều vọng phu.
Quản bao một chiếc bách châu,
Linh đình trong vực, mặc dầu gió mưa.
Cám thương hai trẻ dây dưa,
Tuổi còn thơ ấu, vóc chưa nên người.
1280.- Cú quen theo thói ăn chơi,
Những điều khôn dại ở đời cậy ai.

*

* *

Nghe thôi Đỗ Khoái than dài,
Nói rằng: Chị chớ trông hoài uổng công.
Chị thời mang tiếng có chồng,
Gặp khi mưa nắng cậy cùng người ta.
Cháu thời mang tiếng có cha,
Hôm mai lo liệu như gà mờ côi.
Oan gia anh trốn nợ rồi,
Chị già, cháu dại, còn ngồi trông chi?
1285.- Ở đây ít kẻ yêu vì,
Hãy theo bên ngoại đỡ khi nghiêng nghèo.

*

* *

Đỗ nương lo việc nghiêng nghèo,
Mẹ con sửa soạn ngỏ theo đặng nhờ.
Hai thằng Trân, Bửu còn khờ,
Ăn rồi tìm chốn bụi bờ đi chơi.
Ở vừa đặng nửa năm trời,
Đỗ nương thấy vậy, buông lời nói ra:
Heo, dê, gà, vịt, trong nhà,
Coi dùm cho cậu, hơn là chơi không.
1290.- Khoái rằng: Chị đã có lòng,
Dạy con biết việc để phòng đỡ thân.
Xưa nay người ở trong trần,

Nhỏ phần việc nhỏ, lớn phần việc to.
Làm ăn lớn nhỏ đều lo,
Trước ra sức nhọc, sau lo bụng mình,

*

* *

Đỗ nương phận khó đã đành,
Hai con no đói rách lành có em,
Một bề ăn ở đặng êm,
Trong nhà dê, ngỗng, càng thêm đẻ lời.
1295.- Anh em Trăn, bừ hết chơi,
Em thời chẵn ngỗng, anh thời chẵn dê,
Sớm đi thời tối lại về,
Bầy nào theo nấy, chớ hề lộn nhau,
Đỗ nương ngó thấy thêm sầu,
Chạnh lòng nhớ bạn, giòng châu đượm nhuần.
Than rằng: chàng hời Dương quân!
Muốn tu còn nổi gót lân làm gì?
Dầu cho nên Phật từ bi,
Nữ nào ngồi ngó hài nhi nổi này!
1300.- Phải chi con có cha đây,
Sắm cho ăn học, theo thầy văn chương.

*

* *

Người nhà nghe nói liền thương,
Thưa cùng Đỗ Khoái đặng tường cơ quan.
Khoái rằng: Chị chớ thở than,
Lòng em cũng đã thăm toan việc đời.
Ngỗng, dê, đặng mấy mươi lời?
Một cây hoa bút dưới trời, vinh hơn.
Chí nguyện nuôi cháu làm ơn,
Giúp nên cho chị, chẳng sờn lòng đâu,
1305.- Cháu nay mới sáu tuổi đầu,

Chờ nên tám tuổi sẽ âu học hành.
Từ đây hai gã tiểu sanh,
Theo bề dê, ngỗng, phận đàn nuôi chăn,
Sớm trưa tìm chỗ cho ăn,
Rủ con nít lại nhiều thằng, xúm chơi.
Châu Khê là cảnh tốt tươi,
Ở vùng non nước nhiều nơi linh thần,
Thuở xưa lập miếu Hà phần,
Thờ ông giáo thọ ở gần châu Khê.
1310.- Trời chiều hai gã đi về,
Nghe ai đọc sách, tiếng kè miếu môn,
Hai thằng tuy nhỏ mà khôn.
Tìm vào trong miếu thấy tôn sư ngồi.
Vội vàng quì gối lạy rồi,
Thưa rằng: Xin dạy hai tôi học hành,
Tôn sư khi ấy hiện hình,
Trao cho quyển sách Văn minh vỡ lòng
Dạy rằng hai gã coi chung,
Việc trong kim cổ sẵn dùng nhiều nơi,
1315.- Thánh xưa hiền trước để lời,
Phò vua, giúp nước, sửa đời, dạy dân.
Học cho biết lẽ quân thần,
Biết phần phụ tử, biết phần hiếu trung.
Dặn dò tua khá [thìn lòng](#),
Chớ tham [của hoạn](#), đừng mong thói tà.
Nhiều người theo đạo nho ta,
Tiếng đồn hay chữ, vậy mà làm nhăng.
Bởi vì không xét lòng hăng,
[Bỏ quên gốc cội, theo phẫn ngọn ngành](#),
1320.- Giàu nghèo có số trời sanh,
Trau mình giữ thẳng làm lành mới nên.
Hai con [chữ dạ](#) cho bền,

Một câu "[minh đức](#)" chớ quên thơ này.

Minh Đức Thi:

*Trên là quan trưởng dưới là dân,
Giữ tấm lòng lành, rảnh thắm thân.*

*Đi học phải toan tìm cội đức,
Đặng thời chớ khá dứt nguồn ân,
Bốn mùa đông rặng đều theo số,
Trăm họ giàu nghèo cũng có phần.
Xin giữ lòng hằng, dè việc quấy,
Một câu phúc họa, để trời cân.*

1322.- Dương Trân, Dương Bửu từ đây,

Chịu thầy cho sách, liền xây trở về.

Bữa đi chặn ngõng chặn dê,

Sách đem theo học, chẳng hề chơi hoang.

Thường ra sơn cốc bên đường,

Bẻ cây tập viết [bốn đường chữ](#) xưa,

1325.- Ngày liền vào miếu hỏi thưa,

Mấy câu chữ mắc, lý chưa đặng rành.

Học hành mình biết cho mình,

Mẹ già cùng cậu sự tình nào hay.

*

* *

Phút đâu hơn một năm chầy,

Tôn sư điển ấy hết bày vẽ chi,

Lần hồi ngày tháng qua đi,

Vừa nên tám tuổi, gặp kỳ trùng dương,

Người xưa gặp tiết [trùng dương](#),

Đều [lên kiếm núi](#), [lánh đường họa tai](#).

1330.- Có thầy dạy học cao tài,

Tên là Trình Kiệt ở ngoài Hạc lâu.

Làm người ở ẩn khôn cầu,

Gió trắng vui thú, công hầu mặc ai.

Thường đi non nước chơi hoài,
Đôi ba chén rượu, một vài câu thi.

Thơ Răng:

*Cảnh xuân cho mát mấy mươi đều.
Gấm nhiều văn người phải gắng theo.
Luôn tháng ngày Châu tin phụng gáy,
Buồn non nước Tống tiếng quyên kêu,
Nhà nho leo lét công đèn lửa,
Biển thánh linh đình phận bọt bèo.
Ôm đạo một lòng trời đất thấy,
Luống vì bầy trẻ dựng làm nêu.
Than rằng: Sanh chẳng gặp thì,
phải cam ở dưới cán kỳ tư vãn.*

Một lòng giữ mối đạo hằng.

Trau lời thế giáo, cầm [dẫn](#) nhân luân.

1335.- Phút đầu gặp bữa [thanh thần](#),
Thật ngày trùng cửu, là phần cuối thu.

Đem bày trò nhỏ ngao du,

Tới non Cấm thạch, ở đầu châu Khê.

Nghỉ xem phong cảnh ra đề,

Thấy hai ông lão ngồi kề trên non.

Lại xem bên bến [suối Sơn](#),

Thấy bầy hươu chạy như tuồng binh đi.

Ra hai câu đối nên kỳ,

Các trò ngơ ngáo, đáp chi xong lời.

1340.- Xúm nhau đương nghĩ đối chơi,
Phút đầu Trân, Bửu, đến nơi xem tường.

Trân rằng: Câu đối cũng thường,

Tôi xin đáp lại coi dường sức nao.

Tôn Sư Xuất Đối Đề:

Chữ "mao", chữ "điệt".

Hai ông lão tử ngồi trên.

Dương Trân Đáp Đối Đề:

Đàn sắt, đàn cầm.

Bốn kẻ vương tôn đứng trước,

Dương Trân đối một câu rồi,

Lại thêm Dương Bửu đối bồi một câu,

Tôn Sư Xuất Đối Đề:

Hùng hổ tỳ hưu,

Nhà tướng rǎng muôn đội.

Dương Bửu Đáp Đối Đề:

Long lân qui phụng,

Nước vua gọi là bốn linh.

1342.- Thầy Trình thấy đối nên kinh,

Khen cho hai gã tiểu sinh thần đồng.

Thầy bèn gạn hỏi thủy chung,

Liên theo hai gã thẳng xông về nhà.

*

* *

Anh em Trân, Bửu về nhà,

Thưa cùng cậu, mẹ, đều ra mừng thầy,

1345.- Cùng nhau chuyện văn tỏ bày,

Rượu cơm thiết đãi, trọn ngày vầy vui.

Người trong làng xóm tới lui,

Mới hay họ Đỗ có nuôi thần đồng,

Thầy rằng: Nay dám bày lòng,

Xin nuôi hai trẻ theo dòng nho gia,

Hạc lâu về ở cùng ta,

Học cho biết đạo ngỏ ra giúp đời

Đỗ nương, Đỗ Khoái vâng lời,

Đành cho hai trẻ theo nơi Hạc lâu.

*

* *

1350.- Hạc lâu là chốn nho lưu,

Ra công mài ngọc lưu cầu vẽ vắn,
Anh em Trân, Bửu hai thẳng,
Nay đã khỏi việc nhọc nhằn ngỗng, dề.
Theo thầy Trình Kiệt ra về,
Đua nhau gắng sức học nghề văn chương,
Hôm mai ở chốn thơ đường,
Bao nhiêu sĩ tử đều nhường ngôi trên.
Nói ra thơ phú liền nên,
Sách coi qua mắt, chẳng quên câu nào.
1355.- Cho hay tuổi nhỏ tài cao,
Thông minh hẳn có trời trao tánh tình,
Đến khi đọc sách Thi Kinh,
"[Lục Nga](#)" thơ ấy động tình xiết bao.
Nhớ câu chín chữ cù lao,
Công ơn cha mẹ no nao đặng đền.
Chạnh lòng buồn tiếng khóc lên.
Giòng châu lai láng thấm trên đất dày.

*

* *

Anh em bái tạ ơn thầy,
Trở về giếng mẹ chầy ngày cách xa.
1360.- Nàng rằng: Mừng thấy con ta,
Bấy lâu thương nhớ mình già thêm suy,
Kể từ hai trẻ ra đi,
Ba năm học đạo, biết gì cùng không?
Mẹ già mòn mỏi lòng trông,
Nương lều, dựa cửa, bỏ công tháng ngày.
Thơ rằng: Đạo thánh kể bày:
Làm con thảo thuận tiếng hay xa đồn.
Thường xem trong sách thánh môn,
[Hai mươi bốn thảo](#) mới tròn người hay.
1365.- Ngưỡng trông trời rộng đất dày,

Ơn cha, nghĩa mẹ, sánh tày lưỡng nghi.

Ấu thơ còn chưa biết gì,

Lớn khôn lòng rất yêu vì hai thân,

Ngày xưa trong miếu Hà phần,

Hai con hỏi việc phụ thân đã rồi.

Hiềm vì non nước xa xôi,

Phận nhà khó đói ngủ ngủ khôn đi.

Bây giờ nhờ có cậu đây,

Con xin lên chốn am mây hỏi tìm.

1370.- Đổ nường nghe mấy lời êm,

Mây châu, mặt ủ, lại thêm buồn lòng.

Than rằng mình những luống trông,

Thấy con mà lại thấy chồng ở đâu!

Am mây dấu tích đã lâu,

Mất còn hai lẽ ai hầu thông tin!

Hai con dạ đã lâm đèn,

Biết bao giờ đặng mặt nhìn thấy cha.

Nói thôi nước mắt nhỏ sa,

Anh em Trân, Bửu, đều hoà khóc than!

1375.- Thừa rằng: Mẹ hãy tạm an,

Hai con mai sẽ lên đàng am mây.

Đổ nường lòng cũng ưng vầy,

Sắm ăn cho trẻ phen này tầm cha.

*

* *

Am vân đường sá cách xa,

Cảnh chùa thầy Lộc, tên va Sãi mammals.

Anh em Trân, Bửu tới tầm,

Hỏi thăm tên họ, Sãi mammals chỉ ngay:

Nói rằng: Là tám năm nay,

Thiện Trai thầy ấy chơi mây quên về.

1380.- Thuở đi có chuỗi bồ đề

Lâu nay chẳng biết cầm về tay ai.

Hỏi rằng: Hòa thượng là ai?

Đáp rằng: Cũng đã theo ngoài phương tây.

Hỏi: Ai thầy cả ở đây?

Đáp rằng: Vốn thật mồm này chớ ai

Bây là con nít nhà ai?

Khéo đem chuyện cũ hỏi hoài chẳng thôi.

Chùa này không chuối không xôi,

Không mang dầu cúng, còn rồi nói chi!

1385.- Anh em khôn xiết sâu bi,

Dạo coi bàn Phật một khi khuây lòng.

Thấy chùa thờ bức tượng Ông,

Nhện giăng, bụi đóng, kệ không hương đèn.

Anh em thấy tượng liền khen,

Khen rồi lại cảm, hiệp bèn làm thơ,

Cùng nhau xướng hoạ một giờ,

Tặng ông Quan Đế bài thơ khen rằng:

Tặng Quan Đế:

Tấm lòng ngay chúa thấu trời cao,

Năm ải khôn ngừa một lưỡi đao.

Núi đất ba lời gìn nghĩa Hán,

Sông vàng hai trận trả ơn Tào.

Quyển kinh bát loạn tay nào mới,

Ngộ đước phò nguy gió chẳng xao.

Phải thuở Kinh châu ngòi giữ chặt,

Nguy, Ngô hai nước biết nài sao?

Ngâm rồi bèn lấy cục than,

[Viết vào tấm vách rõ ràng tám câu](#)

1390.- Anh em trước án khấu đầu,

Lạy ông Quan hầu, lui gót trở ra.

Đem nhau vội vã về nhà,

Thưa với mẹ già, đặt rõ nguồn cơn

Nàng rằng: tắc dạ keo sơn,
Thấy con lại nhớ công ơn của chồng.
Tưởng là tách dặm non sông,
Am vân hôm sớm ra công tu hành,
Hay đâu còn nỗi Lưu linh.
Trời dài đất rộng, một mình bơ vơ.
1395.- Xiết bao khe suối, bụi bờ,
Năm xương già rụi, biết nhờ [ai hang](#)?
Khóc thôi dùng lễ để tang,
Mẹ con chịu phục cho chàng họ Dương.

*

* *

Lần hồi ở chốn quê hương,
Anh em Trân, Bửu theo phương học hành.
Tiếng hay đâu cũng biết danh,
Tuổi vừa hai tám, tài anh khác thường.
Xảy nghe trên huyện Nam khương,
Tờ đòi sĩ tử tựu trường phú thi.
1400.- Bao nhiêu chúng bạn đều đi,
Anh em giành thứ nhất nhì đậu cao.
Về nhà sắm sửa níp, bao,
Lên Hà đông trấn đăng vào [thu vi](#),
Hai chàng cất gánh ra đi,
Nửa đường xảy gặp trò thi trở về.
Nói rằng có bản treo đề,
Rao cho sĩ tử trở về khoa sau
Ngày nay có giặc Tây châu,
Lịnh sai quân trấn, lo âu giệp loạn,
1405.- Học trò ai nấy đều than:
Ba năm một hội, lờ làng công phu,

*

* *

Xây về đường lúc sơ thu,
Đi đường thấy cảnh dạ sầu nào nguôi!
Khắp nơi bờ cõi ngậm ngùi,
Gió tây dìu dặt mấy mùi kỳ hoa.
Lá cây vàng rụng giơ chà,
Chim kêu dáo dạt người xa thêm sầu,
Hai chàng nghĩ việc trước sau,
Về đường phân nói cùng nhau mấy lời,
1410.- Trân rằng: Hồ đứng dưới trời,
Phận làm nhân tử ở đời chẳng may,
Cha thời sống thác nào hay,
Mẹ thời già yếu, liền ngày ngồi trông.
Tưởng là đèn sách nên công,
Sớm cho gặp hội mây rồng hiển [vang](#).
Hay đâu gặp buổi ly loạn,
Lỡ bề báo hiếu, lỡ đàng lập thân,
Luận theo trong cõi phạm trần,
Ngọc lành chờ giá, biết phần ai mua?
1415.- Sau đầu đặng lộc nhà vua,
Xuân huyên chéch mác, se sua ai nhờ?
Bửu rằng: Danh lợi phỉnh phờ,
Ví như hình vẽ khó đo lòng trời,
[Trời tây khó nổi vị lòng](#)
Ngày xuân nhật thúc như vòng én mau,
Thương thay mẹ đã bạc đầu!
Chưa hay bóng xế nhành dâu buổi nào!
Không nhà, không cửa, [nài sao?](#)
Chịu ơn nghĩa cậu biết bao giờ rồi.
1420.- Tình người ở bạc như vôi,
Mấy ai biết đạo tài bồi lấy nhau,
Ta dầu tốt báu như châu,
Về nơi đáy biển, ai hầu biết cho!

*

* *

Anh em tỏ tấm lòng lo,
Xảy đà gần đến bến đò sông Tương,
Thấy toà cổ miếu bên đường,
Cây cao, bóng mát, vách tường phấn tô,
Cùng nhau tránh nắng bước vô,
Trước sân thấy có một hồ hoa sen,
1425.- Một hồ sen nở loã bè,
Đóa đua nở nhụy, đóa chen ngậm cười.
Trần rằng: Cảnh khéo trêu người,
Gắm hoa sen nọ giống người tài hoa,
Ta nghe sen nở bông ra,
Sớm: là mùa hạ; muộn: là mùa thu,
Hỡi ôi! sen chẳng [gặp châu](#)
Muộn, dầu trở tốt, ai hầu khen chi?
Hai chàng làm một bài thi,
Vịnh hoa sen muộn, ngụ suy việc mình,
Vịnh Thu Liên:

*Sen hời là sen! tiếng chẳng hèn
Thấy sen lỡ vận tiếc cho sen
Ngậm cười trước hạ: hèn cũng thường,
Đua nở mùa thu: tốt mấy khen?
Gương mặt bất phàm đâu biết đặng,
Bèo tai vô dụng gọi rằng quen.
Phải mà sanh gặp nơi tiên cảnh,
Lá rộng cao che khắp các bèn.*

1430.- Anh em họa sướng thơ rồi,
Viết vô trong vách tô vôi rõ ràng.
Sau thơ, [lạc khoản](#) hai hàng,
Một hàng quê quán, một hàng tánh danh.

Đem nhau trở lại gia đình,
Nhờ cậu nuôi mình, chờ đợi khoa sau,

*

* *

Lối này tới chuyện tây châu,
Có người Vương Phục lòng âu phản thần.

Riêng cầu bên nước [Nữ Chân](#),

Đem quân mọi rợ đánh phần Hà đông.

1435.- Tần khanh làm chức Nguyên hung.

Ra ngăn Vương Phục, đánh cùng Nữ chân.

Giặc hung, oai thế lẫy lừng,

Nguyên hung đánh giệp đã gần hai đông,

Đánh rồi lũ kiến, chòm ong,

Tây châu một cõi lặng trong như tờ,

Ái lang vắng khói như xưa,

Nguyên hung binh mã về bờ cõi châu.

Quân đi tới rừng Tương châu,

Tới toà cổ miếu gặp chiều mưa đông.

1440.- Đóng quân vào nghỉ miếu trung,

Chờ trời tạnh ráo sẽ mong kéo về.

*

* *

Tần Khanh ngồi ngó tư bề,

Thấy trên vách phấn có đề "thơ sen".

Xem qua thơ ấy liền khen,

Khiến đem bút mực, đọc bèn sao qua.

Nói rằng: Trời đất khiến ta,

Gặp trang tài sĩ sớm hoà nghĩa thân,

Nhớ nay Xuân Tuyết, Thu Băng,

Tuổi vừa hai bảy, vừa chùng đào yêu,

1445.- Đà nên lập lớp [thước kẻ](#),

[Giàn binh xạ tước](#), ngỏ chiêu anh tài.

Sao cho xứng gái, xứng trai,
Chữ tài, chữ sắc, sánh hai đôi lành.

*

* *

Nói rồi, lệnh dạy kéo binh,
Xếp thơ bỏ hộp, về thành Hà đông.
Đãi đẳng tướng sĩ đã xong,
Về dinh ngồi nghĩ lại trong việc nhà.
Tây châu từ thuở kéo ra,
Phu nhân có ghen đặng ba tháng rồi.

1450.- Nay về con đã biết ngồi,
Thật trời thân phước còn roi họ Tần,
Bèn đem chuyện ở miếu thần,
Cùng "thơ sen" ấy tố Trần Phu nhân,
Nói rằng: Hai gái Tuyết, Băng ;
Đã thông chữ nghĩa, lại nhuần nết na,
Người xưa muốn tính việc nhà,
Thấy người văn học, mới là xứng đôi,
Bấy lâu giặc già chưa rồi,

Những lo sĩ tử bỏ nơi học trường
1455.- Ai dè bên huyện Nam khương,
Có hai sĩ tử họ Dương tài tình.
Muốn cho nên việc con mình,
Phải đòi phủ huyện, hỏi minh việc chàng,

*

* *

May đâu có huyện Nam khương,
Tên Trần Đoan, tới dân chương mừng hầu,
Mừng cho chín huyện, bảy châu,
Ở an lạc nghiệp đọc câu thặng bình,
Tần Khanh ngồi chốn hậu dinh,
Đòi vào han hỏi sự tình họ Dương.

1460.- Trần Đoàn thừa chuyện họ Dương,
Mẹ con, nhà cửa, tỏ tường đầu đuôi,
Tần Khanh nghe rất mừng vui,
Cười rằng: Máy tạo khéo xui hiệp hòa.
Họ Dương sánh với họ Hà,
Song sanh điềm ấy, đôi đà xứng hai,
Nấy cho quan Huyện làm mai,
Xe dây Nguyệt Lão đặt hài lương duyên,

*

* *

Trần Đoàn vâng linh về liền,
Trở về tổng bảng, tờ truyền theo sau,
1465.- Rằng: Nay yên giấc Tây châu,
Tấn vương bệ ngọc mở châu ân khoa.
Huyện quan viết bảng treo ra,
Rao cho sĩ tử gần xa đặt tường.
Anh em Trần bửu hai chàng,
Đem nhau tới chốn huyện đang ứng thi.
Anh em cùng đậu nhất nhì,
Trở về sắm sửa cùng đi tựu trường.
Trần Đoàn ngồi chốn hậu đường,
Đòi lại hai chàng, nói chuyện cầu hôn.
1470.- Dạy về thừa với gia tôn,
Đều dùng sáu lễ nghinh hôn một lần,
Trước lo kết nghĩa châu trần,
Sau là một nổi lập thân khoa này,
Hai chàng ngẫm nghĩ một giây,
Thừa rằng: Công học bấy chầy ra chi!
Ân vua đã mở khoa thi,
Để cho thử sức một kỳ sẽ hay,
May mà cánh nhận cao bay,
Trấn quan khỏi tiếng bằng nay tư tình.

1475.- Chẳng may bảng hổ vô danh,
Huyện quan cũng khỏi nho sanh chê cười,
Trần Đoàn nghe thắm mấy lời,
Dạy về lo liệu tới nơi khoa trường,

Chú thích:

Chánh : Chánh trị.

thìn lòng: chủ được lòng mình.

của hoạnh: Hoạnh tài : của nhờ thế lực mà được, không hợp lý,

Bỏ quên gốc cội, theo phẫn ngọn ngành: Đây giải lời sách Đại học : nói bản mạt tu thân vi bản.

chữ dạ: ghi nhớ sâu sắc.

minh đức: là gốc, theo sách Đại học.

bốn đường chữ: bốn lối viết chữ tàu : triện, lệ, chánh, thảo.

trùng dương: mồng chín tháng chín.

lên kiếm núi, lánh đường họa tai: ngày trùng dương, nhiều người xưa bắt chước Đào Hoảng cảnh lên núi lánh tai họa,

dẫn: cái để chặn cho vật được vững,

thanh thần: thời buổi trong trẻo.

suối Sơn: dịch chữ châu Khê.

Đàn sắt, đàn cầm: Chữ mao chữ diệt đều có chữ chữ lão ở trên ; chữ sắt chữ cầm gồm có bốn chữ vương ở trên.

Lục Nga: Thơ Lục nga trong kinh Thi : kể công ơn cha mẹ sanh ta rất cù lao.

Hai mươi bốn thảo: Chỗ này lẫn thì - Nhị thập Tứ hiếu do người đời nguyên tên quách cư Nghiệp biên kể ; vả lại trong Nhị thập Tứ hiếu có hoàng Sơn Cốc ở đời Tống Nguyên Hựu, sau đời Hậu tấn cả trăm năm.

Viết vào tấm vách rõ ràng tám câu: Ngày xưa dạo chơi non nước, văn nhân mặc khách hay đề vịnh như thế. Những câu văn dõ làm bản cả chốn đẹp.

ai hang: Hang là huyệt. Ai chôn giùm ?

thu vi: Vòng mùa thu. Vào mùa thu, mở trường thi hương, lấy gai rấp

chung quanh, nên gọi thi hương là thu vi.

vang: giọng Nam nói trại chữ vinh.

Trời tây khó nổi vị lòng: Chỗ này mất vần, không rõ người sao chữ nôm có nháy câu nào chẳng ?

nài sao: dịch chữ nại hà.

gặp châu: thi buổi.

lạc khoản: câu chữ đề tên họ, ngày tháng, chỗ ở rồi bức họa, hay câu văn đã làm xong.

Nữ Chân: một giống rợ, gốc Hắc thủy, thuộc Liêu.

thước kiều: cầu qua. truyền rằng ngày mồng bảy tháng bảy quạ bắt đầu qua Ngân hà cho Ngưu Lang, Chức Nữ gặp nhau.

Giàn bình xạ tước: Đậ công có gái quý, kén rể quý; mới vẽ hai con chim không tước nơi bình phjong, hứa thề hễ ai bắn trúng mắt chim vẽ thì gả con cho. Sau Lý uyên bắn hai phát, trúng hai con mắt, Đậ Công gả con cho Lý Uyên, tức là vua Cao Tổ nhà Đường. Con Đậ Công sau lên ngôi hậu - Giàn bình xạ tước : nghĩa là kén rể.

Nguyễn Đình Chiểu

Dương Từ Hà Mậu

Tiếp Theo

Hai chàng về lạy gia nương,
Cùng nhau bàn luận mọi đường gần xa.
Nàng rằng: Chút phận không nhà,
Mặc con toan liệu, mẹ già cũng ưng,
Chớ lo dây đỏ vấn chun,
Lo công nghiệp buổi thanh xuân cho tròn.
1480.- Sau dầu danh tạc bia son,
Trời dành trong sách có con gái hiền.
Hai chàng thâm tạ nhà huyên,
Mang đồ tứ bửu lên miền Hà đông.

*

* *

Mười ngày lên tới Hà đông,
Tìm nơi lánh ở, mình không dạo đường,
Cùng nhau vô đủ ba trường,
Còn chờ treo bảng, chưa tường đỗ không,
Trần Đoàn lãnh việc mai dong,
Phải đi lên trấn, theo cùng họ Dương.
1485.- Mắc di chuyển vẫn dọc đường,
Tới nơi nghe chúng vào trường mới xong.
Hỏi tìm khắp hết tây đông,
Anh em Trần Bửu, đều không gặp rồi,
Bảy ngày kiếm ngược, kiếm xuôi,
Tới lui hai lẽ, [thăng dù](#) khôn toan,
Muốn về ra mắt Trấn quan,
Sợ e người hỏi hai chàng huyên ta.
May vừa cửa bảng xướng ra:
Dương Trần tên họ, Thủ khoa chánh vì.
1490.- Cử nhân Dương Bửu thứ nhì,

Ba ngàn sĩ tử một khi khen giỏi,

*

* *

Yến diên, áo mào, ban rồi,
Trần Đoàn đóng cửa rước lui hai chàng,
Đem ngay vào chốn công đàn,
Lễ dâng bốn lạy, rõ ràng nam nhi,
Trần Đoàn bèn lấy quyển thi,
Dâng lên trước [án](#) một khi khen liền
-Dạy rằng: Hai gã thiếu niên,
Chữ danh đã toại, chữ duyên thêm nồng.
1595.- Vàng dòng ta cũng chẳng dùng,
Muốn cho ngọc nhuận, sánh cùng băng thanh.
Lửa đôi có số thiên thành,
Chờ khi tháng tốt, ngày lành sẽ toan,
Nói rồi vào chốn hậu đàn,
Khiến đem hai chàng, ra mắt phu nhân.

*

* *

Phu nhân xem thấy rất mừng,
Rằng: Ổn trời khéo nhằm chừng định đôi,
Trai tài, gái sắc, phải rồi,
Nhà loan cửa phụng sánh ngôi, vui vầy,
1500.- Sai người [rước me](#) qua đây ,
Chủ hôn cho trẻ kết dây sắt cầm,
Dương Trân, Dương Bửu đồng tâm,
Thưa rằng con nợ thanh khâm chưa rồi.
Trên đà thương cảm hai tôi,
Xin cho thỏa dạ rạng rồi công danh.
[Tiểu khoa](#) sau lại phỉ tình bách niên.
Công rằng: Lời nói rất [miêng](#)
Chữ quyền cùng với chữ duyên đi liền,

1505.- Thi hương sớm đã gặp duyên,
Chờ cho thi hội phải nguyên mới nên.

Nay đà làm lễ hỏi tên

Keo sơn chữ dạ cho bền ngày sau.

Hai con qua chốn thơ lâu,

Ở chơi vài bữa sẽ âu về làng.

Trần Khanh lại dạy Trần Đoàn

Khá tua bậu bạn hai chàng đi chơi.

Huyện quan trước án vâng lời,

Phải theo Trần, Bửu, chơi nơi thơ lâu,

*

* *

1510.- Tuyết, Băng hai gái riêng sầu,
Ngồi nơi hoa viện lo âu việc mình.

Tuyết, Băng cảm chữ minh linh,

Vò vò nuôi nhện công trình biết bao.

Riêng than chút phận má đào,

Gặp xuân chưa biết ngày nào đến ân.

Băng rằng nghe việc hòa thân,

Gẫm trong mình lại muôn phần xót xa.

Có cha mẹ mới có ta,

Có ta, mới có cửa nhà giàu sang.

1515.- Mẹ kia đã xuống tuổi vàng,

Cha xưa non nước khôn toan mất còn.

Hai bên nội ngoại bà con,

Đều người về đạo lại lòn cửa quan.

Từ ta nương dựa cửa sang,

Nào ai lui tới hỏi han thăm tình.

Dầu không gặp nghĩa minh linh,

Cội cây nguồn nước ở mình còn chi,

Mai sau đặt chữ vu qui,

Đã đành phận gái phải đi theo chồng.

1520.- Trăm năm sống thác nhờ chồng,
Một môn dòng họ đều không nhìn rồi.

May còn chút tiếng con nuôi,
Ví như trà dở ướp mùi bông hoa,
Nay nghe hai gã tân khoa,
Cha đi tu mất, mẹ già khó khăn.
Vốn không nhà cửa nghiệp hằng,
Nhờ theo họ ngoại ở ăn học hành.

Tiếc rằng trời đất thành linh,
Khéo xe duyên phận cho mình quá ngang!

1525.- Cha xưa về đạo Hòa lan,
Chẳng ưa đạo Phật, không màng đạo nho,
Cha nuôi nay chuộng đạo nho,
Gả chồng cũng lựa học trò bậc cao.

Cho hay duyên nợ buổi nào,
Con Trời, con Phật, đều vào theo nhu (nho)

Tuyệt rằng: Ta học đạo nhu,
Đến nay mới biết công phu thánh hiền,
Sửa sang ba mỗi, năm giềng,
Dạy người thiên hạ vẹn tuyền tánh xưa,

1530.- Đặt làm sáu bản đờn xưa,
Có thi vận để tiếng đưa tơ đồng,

Ta nay rảnh việc nữ công,
Hòa đờn một tiệc giải lòng buồn ngâm.
Chị đờn sắt ,em đờn cầm,
Tay đờn, miệng đọc, thâm trầm nghe hay.

Xuân Tuyệt Đàn Ngâm:

*Trời che đất chở đức cao dày,
Cha mẹ sanh con khó sánh tày.*

Vậy có người hiền lo báo bổ,

Hai mươi bốn thảo dấu còn nay.

Thu Băng Đàn Ngâm:

Cha phải cha, con phải đạo con,
Rằng lành, rằng thảo, tiếng hay còn.
cây kiêu, cây tử, đời thường ví,
Chẳng trái lòng nhau mới đặng tròn,

Xuân Tuyết Đàn Ngâm:

Vua phải vua, tôi phải đạo tôi,
Sửa sang giếng mối mới lên ngôi
Minh lương hai chữ vầy trên dưới,
Nước trị nhà an, bốn biển vui,

Thu Bãng Đàn Ngâm:

Vợ phải vợ, chồng phải đạo chồng,
Vợ chồng là đạo đất trời thông.
Khó nghèo đều chịu giàu đều hưởng,
Kết tóc trăm năm trọn một lòng,

Xuân Tuyết Đàn Ngâm:

Anh phải anh, em phải đạo em,
Huân trì hai ống thổi nghe êm
Sang đồng một cội, là xương thịt,
Sống thác nương nhau ở dụi niêm.

Thu Bãng Đàn Ngâm:

Làm người bậu bạn muốn nên danh,
Lời thẳng khuyên nhau ở lấy lành,
Giao mặt xưa răng vàng ngọc báu,
Giúp lòng nhân nghĩa, lại thêm xanh,

*

* *

Anh em Trân, Bửu, ngồi buồn,
Lén qua hoa viện đi lườn xem chơi,
Anh em vừa bước tới nơi,
Phút nghe trong viện có lời đồn ngâm,
1535.- Máy dây cầm sắt hòa thâm,
Đồn ngâm tiệp với thơ ngâm ai hoài.

Hai chàng dừng bước vách ngoài,
Rõ ràng nghe đặng sáu bài thơ xưa.
Trời thu đương lúc nắng trưa,
Chị em ngồi nức, vừa ưa bông đờn.
Hai chàng ngoài vách mau chơn,
Bước vào trong viện coi đờn những ai,
Hay đâu hiệp mặt gái trai,
Mày qua mắt lại, hoà hai ngõ ngang.
1540.- Tuyết, Băng mắc cỡ vội vàng,
Cúi đầu che mặt, hậu đàng trở vô.
Hai con thể nữ hầu cô,
Cất đờn, bưng hộp, nói phô đều cười.
Bửu, Trân, thấy cũng nức cười,
Bước vô trong viện kiếm lời hỏi qua.
Cho hay con tạo khéo ngoa,
Dạo tầm hoa, lại bỗng ra thấy người,

*

* *

Trần Đoan bạn với hai người,
Ở nơi hoa viện đã mười ngày rồi,
1545.- Thưa cùng quan trấn kíp hồi,
Tần công bèn dựng lễ bồi đưa ra,
Ban cho năm vóc vân sa.
Sâm nhung, Thanh quế để già dưỡng thân,
Lại cho vàng bạc hai cân,
Của đưa chàng rể sắm phần ra đi.

*

* *

Mười ngày về tới châu Khê,
Người làng đón rước bọn bề lễ nghi,
Tiếng hay, đâu cũng yêu vì,
Hai thầy cử nhỏ đậu thi trở về.

1550.- Ai dè chẵn ngỗng, chẵn dê,
Vận trời ngó lại ra bề người sang,
Bà con họ nội xa đàng,
Võng dù xin rước về làng thuở xưa.
Đỗ nương, Đỗ Khoái đãi, đưa,
Tiệc bồi năm bữa, mới vừa rảng rang.

*

* *

Dương Trân, Dương Bửu, hai chàng,
Thừa cùng cậu, mẹ, hiệp bàn việc hôn.
Nàng rằng: Nhờ của công môn,
Ban cho vật quý, mình khôn chối từ.
1555.- Chưa hay hai gái hoa tươi,
Đứng trong đào liễu đua cười mấy xuân ?
Hai chàng đem việc [họ Tân](#)
Đờn nơi hoa viện đều phân tỏ tường,
Nàng rằng: Nhờ phước tổ đường.
Cho con gặp thuở khoa trường nên danh.
Nhờ trời phước đặng chữ vinh,
Sau rồi sẽ liệụ gia đình mới xong.
Hai con vào chốn thơ phòng,
Ôn nhuần kinh sử lo vòng [thi xuân](#).

*

* *

1560.- Lần hồi ngày tháng tới gần,
Dem nhau cất gánh trông chừng Tràng an.
Hai chàng đi tới Tấn bang,
Vào trường thi hội, bảng vàng đỗ cao.
Trước đèn đứng lạng đầu ngao,
Dương Trân Bảng Nhãn, Bửu vào Thám hoa.
Tuy không dành Trạng nguyên khoa,
Cung thiềm, tháp nhạn cũng là [á khôi](#).

Hốt hoa, bào gấm ban rồi,
Quỳnh lâm mở tiệc, chúa tôi phi lòng.
1565.- Tờ truyền tới trấn Hà đông,
Tần Khanh văn tín vợ chồng đều vui.
Truyền quân lập tức trống hồi,
Tới Nam khang huyện dọn ngôi công đàn.
Cứ theo Trà thạch các làng,
Cất làm nhà cửa nghiêm trang một tòa,
Giấy nêu rường cột nguy nga,
Nam khang một huyện ít nhà dám đàng,
Dọn rồi án kỷ rõ ràng,
Xây vừa tới lúc hai chàng vinh qui,

*

* *

1570.- Bàng vàng tán đỏ, đều đi,
Ngựa xe võng giá oai nghi chói lòa
Lại thêm áo mào giời ra,
Lịnh ban gấm nhiễu ngọc ngà thiếu chi,
Khắp nơi châu huyện đều vì,
Thối kèn, gióng trống, ra đi rước mừng.
Cho hay đỏ tía sắc xuân,
Để dành trong sách giời thân học trò.

Thật nhờ họ Đỗ ơn to,
Lúc này mới dựng trời cho sang giàu.
1575.- Châu Khê đùm đậ bấy lâu,
Đền ơn nhờ cậu, trước sau phi tình,
Hạc lâu là chỗ dương danh,
Anh em trả nghĩa sư sanh cũng tròn.
Nay đà đẹp mặt mẹ con,
Ở nơi Trà thạch ăn ngon, mặc lành,
Nhờ vua hai chữ hiển vinh,
Một môn dòng họ linh đình tới lui,

*

* *

Anh em Trân, Bửu chẳng vui,
Nhớ cha đi mất, ngùi ngùi thở than.
1580.- Dọn ra trước chốn công đàn,
Đặt làm hương án, một bàn vọng lên,
Họ tên bài vị rõ biên,
Ăn chay năm đất chúc nguyên vong linh,
Theo nho dùng lễ tam sinh,
Đọc bài văn tế phi tình cha con.

Văn Tế Răng:

Hỡi ôi!

1.- Trăng xế bóng xuân;
Mây giăng lâu Hạc.

2.- Thấy chữ "mặc liên" thơ cũ,
Chi tiết nào nùng;

Nghĩ câu "phong mộc" người xưa,
Càng thêm bát ngát.

Nhớ linh xưa:

3.- Kinh sử đều thông;
Vận thời chẳng đạt,

4.- Công, danh, hai chữ,
Mơ màng bên gối hoàng lương;

Sự nghiệp một câu,

Lấp lừng trong gương bạch phát.

5.- Khấp chùa miếu cây hương cầu nòi giống,

Nghĩa cha con, nghĩa đã đặng tròn;

Trùm non sông lời nói để ghi lòng,

Tình chồng vợ, tình dâu ở bạc!

6.- Thừa ưa cặp một gậy thiền;

Bồng chốc bẻ hai gương nhạc,

7.- Xiết bao đường sá xa xôi;

Thêm nổi cửa nhà man mác!
8.- Đau đớn thay! một cụm tàn huyên;
 Ủ ê bấy! hai cành hoa ngọc,
9.- Ngoài bảy chục xuân thu,
Còn thêm nữa: vó câu qua cửa,
 Khôn rõ nổi xa gần;
 Trong ba ngàn thế giới,
Biết bao nhiêu dấu thỏ lên đèo,
 Khó lường nơi sống thác,
10.- Tu gặp chùa nghèo;
 Chơi lăm cảnh khác.
11.- Sớm hôm chuông mõ,
Xưa am mây đã chót nhọc nhằn;
 Ngày tháng tương đưa,
 Nay rừng bụi ai cùng mận lạt ?
12.- Làng Trà thạch, đá buông lời nói khống,
 Biết đâu tìm dấu Như Lai;
Đất châu Khê, hoa chảy nước mắt đầm,
 Khó nổi hỏi tin Bồ Tát.
13.- Phải gặp thuở qua miền Đông độ,
 Rước cha trở lại,
 Trong nhà cũng có thích Già;
 Nào ai biết tới cõi tây phương,
 Xin cha lộn về,
 Ở nước há không Di Lặc ?
14.- Hộ; là cây, mất cha nào cây,
 Muốn hỏi han mà cửa Phật vắng hiu;
 Ai; là thương, thấy mẹ thêm thương,
 Luống trong nhớ, mà tuổi trời nặng vác.
 Hỡi ôi!
15.- Sang giàu một giắc,
 Mây nổi hoa tàn;

Sự nghiệp trăm năm,

Nước xao, bèo dạt!

16.- Đã biết: cha nghề nào, con nghề nấy,

Mới phải nhân tình;

Há ngờ cha đường nọ, con đường này,

Cũng vì [thiên các](#)...

17.- Vái Phật mở câu giới cấm,

Hưởng cô nhi mấy tiệc cỗ bàn;

Nhờ vua đặt chữ vinh qui;

Xin [hiển khảo](#) dùng thoi vàng bạc.

Đọc rồi văn tế linh cha,

Một môn già trẻ, đều hoà khóc than,

Vô, ra, dù, vông, nhộn nhàng,

Đãi đàn trên dưới cỗ bàn, no say.

1585.- Tiệc mừng vừa đủ mười ngày,

Tần khanh sai kẻ lễ bầy đình duyên.

Mừng cho hai rể đặt tiên

Ngàn năm tiếng rạng, danh biên thẻ ngà.

Hai chàng Bàng nhỡ, Thám hoa,

Khiến người lên tạ nhạc gia ơn, rồi.

Lương duyên hai chữ thêm giồi,

Trần Ddoan vừa tới lo bồi nghinh hôn.

Đỗ nương vâng lệnh công môn,

Chờ ngày giờ tốt nghinh hôn đem về.

1590.- Sửa sang sáu lễ nên xuê,

Họ hàng mới nhóm, toan về phụng chiêm.

*

* *

Hay đâu trăng tỏ mây êm,

Hằng ga núp bóng cung Thiềm bạc sao!

Hỏi đôi chén ngọc chờ trao,

Dương Trân nhuộm bệnh liền đau thương hàn,

Trong nhà lo việc thuốc thang,
Rước thầy hay trị, ngày càng ốm hư,
Tần Khê có dạ ưu tư,
Ra tờ khắp chốn cầu sư tới liền.

*

* *

1595.- lối này tới cảnh người tiên,
Nơi chùa Linh diệu ở miền Thiên thai.
Dương Từ, Hà Mậu hoà hai,
Bấy lâu ở chốn Quỳnh đài dạo chơi,
Theo tiên hầu nửa tháng trời,
tắm lòng rửa sạch, việc đời lãng xao.
Lão Nhan coi số Thiên tào,
Đòi hai người vào, nói chuyện trần duyên.

Rằng: Hai họ có căn duyên,
Trời đã trước định, kết nguyên thân gia.

1600.- Rày nên sum hiệp một nhà,
Con trai, con gái, thầy đà thành thân.
Họ Hà nghe nói hỏi phăng,
Rằng tôi đi khỏi mới gần nửa trăng.
Trong nhà hai gái còn măng,
Tuổi trời chưa mấy, sao rằng thành thân ?

Đáp rằng trên dưới có phần,
Non tiên một bữa, cõi trần một năm,
Toán theo giáp tý thời lành,
Tuyết, Băng nay đã mười lăm tuổi rồi.

1605Đạo trời đã biết thời thôi,
Hai người khá kíp phản hồi cố hương,
Lão Nhan làm phép thâu đường,
Cho hai hoàn thuốc cứu chàng Duiương Trân,
Hai người về cõi hồng trần,
Sang giàu chung hưởng nhờ phần lộc con,

Lộc con là lộc trời còn,
Nhân luân hai chữ vuông tròn mới an.

*

* *

Hai người từ biệt Lão Nhan,
Ra nơi Vân động, theo đàng ngày xưa.
1610.- Tri Niên họ lý theo đưa,
Dùng dằng cửa động còn chưa chỉ đường,
Rót ra hai chén quỳnh tương,
Rằng xin gượng uống về đường cho an,
Từ đây xuống chốn dương gian,
Non tiên xa cách khôn đàng trở lên.
Gặp nhau biết lấy chi đền,
Chút duyên bèo nước nào quên tình này,
Ngàn năm bóng gió ở đây,
Riêng than chim nhạn rẽ bầy kêu xa,
1615.- Vội vàng nào kịp hái hoa,
Dương quan cảnh liễu gọi là đưa nhau,
Của đưa nào báu chi đâu,
Sao bằng mùi đạo tám câu năm vắn.
Ta xin bắt chước cổ nhân,
gọi thơ đưa bạn dương trần ngày nay.
Thơ Đưa Hà mậu Long môn chốn cũ lại bên ba,
Non nước băng khuâng cảm họ Hà.
Nước Thánh năm đời lòa mắt tục,
Rượu tiên một thưở rửa lòng tà,
Đào nguyên khó hẹn tin bèo nhóm,
Vân động riêng buồn tiếng hạc xa,
Khôn, đại, sự đời người đã thấy,
Nên mình rồi phải giúp người ta,
Thơ Đưa Duiương Từ Thiên thai xa cách cõi Nam khương,
Hoa cỏ ngùi ngùi cảm họ Dương,

Chùa Phật khôn cầm cây lão mại,
Động tiên xin chuốc chén quỳnh tương.
Chút tình bóng gió riêng cứu bạn,
Mấy dặm non sông vôi tách đường.
Đói lạnh dầu xưa ai cũng biết,
Ngươi về, nhà, nước, hiếm người thương
Dương Từ, Hà Mas65u nghe thơ,
Than rằng: Nào biết bao giờ gặp nhau!
Cuộc đời là cuộc bể dâu,
Nước về doanh thăm, khôn cầu nguồn xưa.
1620.- Nói thôi nước mắt như mưa, tri Niên chỉ nẻo quê xưa đành rành,

*

* *

Thâu đàn nhờ có phép linh
Một ngày một ngộ, hồi trình chẳng xa
Dương Từ về đến quê nhà,
Đoái nhìn cảnh vật thấy ra lạ lùng.
Ngấn ngơ đứng trước bình phong,
Minh nghi chưa dám vào trong công đường.
May đâu lại có Đỗ nương,
Dạo chơi ra cửa nhìn tường phu quân.
1625.- Hai hàng nước mắt rưng rưng,
Nửa thương việc trước, nửa mừng ngày nay,
Dương Từ lấy thuốc tiên hay,
Cho Dương Trân uống, kịp ngày lành mau.
Cha con chồng vợ gặp nhau,
Hỏi, phô, chuyện vãn, trước sau tỏ tình.
Gần xa đều tới thăm mình,
Coi đi tu đã nên hình Phật chi ?
Mười lăm năm bỏ nhà đi,
Nợ oan gia lại khéo ghì vào đây.
1630.- Nàng rằng : Từ ấy những nay,

Nghĩ trong phận thiệp liền ngày lụy tuôn.

Xiết bao gió chớp mưa lũn,
Chất sần làm gối, nấu buồn làm cơm.

May nhờ hai trẻ danh thơm,
So bề nhà cửa đặng nờm nở ra,
Phải con chơi vọt theo cha,
Ôi thôi ! thân mẹ cũng ra ăn mày,
Cho hay một trả một vay,
Am mây đã trốn còn đày đi xa,
1635.-Đói thời phổ khuyến người ta,
Tương chua, cơm hẩm, gọi là ăn chay,
Coi chim quành quạch thời hay,
Theo cây trái chín ăn chay đời đời.

Bay đâu cho khỏi dưới trời,
Tiếng kêu quành quạch già đời ra chi ?
Chín rằng vận có thanh suy,
Người đời sao khỏi hiệp ly lẽ thường.

Bằng nay sum hiệp nhất đường,
Hai con dâng lễ thọ trường cho vui,
Trong nhà quan khách tới lui bộn bề.

* * * Đoạn này Hà Mậu ra về,
Long môn đất ấy, quán quê xưa rồi.

Trạc nhìn nhà cửa hỡi ôi !
Ngói chài, nóc sập, vách vôi gạch nhào,
Ổ vò lưới nhện lao xao,
Trước sân cỏ lán, ngoài rào ngả xiêu.

Vợ con dẫu trước vắng hiu,
Bếp còn ốc đẽ, thêm nhiều đế ngâm,
1645.-Họ Hà thấy vậy động tâm.

Hai hàng nước mắt ra đầm chéo khăn,
Chưa hay duyên cố sao rằng,
Tới nhà em gái hỏi phăng sự tình.

Mới hay rằng việc bất bình,
Liễu thơ trước đã bỏ mình về quê,
Tuyết, Băng, hai gái đương xuê,
Ở cùng quan Trấn, bỏ nghề gia tô.
Mậu rằng : Hai trẻ cải đồ,
Thật trời xui khiến còn mồ mả sau.
1650.-Cám thương họ Liễu thác mau,
Vợ chồng chẳng gặp theo nhau buổi này,
Phải chi đặng sống lại đây,
(lược) 1652.-Bà con dòng họ một phần,
Nghe lời nói lạ, tới đồn hỏi xăng.
Mậu rằng : Nói việc Hà Năng,
Cho con cháu biết, kéo rằng đạo hay
Đốt nhiều vàng bạc thời may.
Vái ông khỏi mắc ăn mày âm cung,
1655.-Ai ai nghe cũng nã nùng,
Đều lau nước mắt khôn cùng thở than.
* * * Tiếng đồn ra khắp các làng,
Châu Kỳ tới viếng, hỏi han việc đời,
Kỳ rằng : Muốn thấu đạo trời,
Mười lăm năm trọn nỗi hơi đến giờ,
Đã đành dấu trước bơ vơ,
Đuốc xao vì gió, trăng lờ bởi mây.
1659.-Viai nên có sự này,
(Lược) 1660.-Đội ơn anh có công đi,
Phải, chẳng, đã thấy, còn nghi lẽ nào.
Ví như một giấc a giao,
Mấy nguồn nước đục lòng vào đều tyrong.
1662.-Mậu rằng : Nói lại đợm lòng,
(Lược) 1663.-Nay ta cứ gốc mà phăng,
Theo đường nhân nghĩa, chi bằng đạo nho.
Trời sanh có một đạo nho,

Ngàn nghề muôn nghiệp đều lò ấy ra,
1665.-Cứ theo đơm quảy ông bà,
Quý thần chẳng giận, mồi ma không hờn.
Nay đà rõ đặng nguồn cơn,
Dạy đời con cháu đội ơn thánh hiền,
Từ đây hai họ đều truyền :
Bao nhiêu tả đạo đều nguyên đốt kinh.
* * * Phút đầu quan Trấn hay tình,
Đòi Hà Mậu tới hỏi mình mọi lời.
Tuyết, Băng, hai gái nhờ trời,
Cha con vầy hiệp mọi nơi vuông tròn,
1670.-cho hay người cách nước non,
Thác thời mất dấu, sống còn gặp nhau.
Tần Khanh gạn hỏi đuôi đầu,
Họ Hà thừa việc trước sau tỏ tường,
Liên sai quan huyện Nam khương,
Dạy Trần Đoan rước họ Dương đem về.
Yến diên thết đãi phủ phê,
Cùng nhau bàn luận mọi bề phải chằng.
Việc trong trời đất, mấy tầng,
Thấy đầu nói đó, nào từng có quen.
1675.-Dương từ, Hà Mậu hai tên,
Tần Khanh dâng sớ tâu lên cửu trùng.
Tấn vương xem sớ lạ lùng,
Chỉ đòi nội vụ thầy cùng lai kinh.
Tần Khanh vâng chỉ lai kinh,
Cha con hai họ sửa mình đều đi,
Tấn vương ngự truiướ đan trì,
Cho vào ra mắt một khi xem tường,
Tả biên quì tấu họ Dương,
Anh em Trân, Bửu, hai chàng tân khoa
1680.-Hữu biên quì tấu họ Hà,

Chị em Băng, Tuyết, nét na dịu dàng,
Tấn vương phán trước ngai vàng,
Dương Từ, Hà Mậu có công,
Chín Trời, mười Đất, đi thông,
Tìm ra mỗi đạo, trong lòng mới an.
bấy lâu chuộng thói dị đoan,
Đến nay mới biết lầm đường đi xa,
Có lòng qui chánh, cải tà,
Trời liền cho phước, sanh ra con hiền.
1685.-Thêm giỏi hai chữ lương duyên,
Song sanh đôi tốt, phỉ nguyên giải sang,
Việc này giao lại Trấn quan,
Chủ hôn hai họ, ch an việc nhà,
Con hiền là báu nước nhà,
Đáng biên vào sử để ra khuyên đời.
Tấn vương dụ xuống khắp nơi,
Cấm theo đạo Phật, đạo trời, chẳng nên.
Dụ rằng : "Đất dưới, Trời trên,
"Giữa là kẻ thế, bốn bên Mọi, Lào,
1690.-"xưa nay chẳng đặng hỗn hào,
"Xứ ai nấy ở, loại nào nấy theo,
"Coi công : lưỡng quốc tương triều,
"Đường đi cách trở, hãy nhiều non sông.
"Cớ sao mình ở nước Trung,
"Lòng theo nước ngoại, còn mong đợi gì.
"ông bà mồ mả bỏ đi,
"Gốc mình chẳng kính, lại vì gốc ai ?
1694.-"Cửa nhà làng xóm cách ngoài,
"Phận gần chẳng đoái, đoái hoài phận xa,
(Lược) 1699.-"Cứ theo một đạo nho ta,
"Giữ câu lễ nghĩa, muôn nhà an vui."
* * * 1700.-Tấn vương dụ xuống cấm rồi,

Tần Khanh dâng sớ xi hồi Hà đông.
Tấn vương ngự đến đền rồng,
Bạc vàng gấm vóc thưởng công Dương, Hà,
Làm thơ ngự chế ban ra,
Tặng cho hai họ vinh hoa một đời.
Thơ Tặng Dương Từ Chùa sãi nào hơn gã họ Dương,
Đi tu mà biết lẽ du phương,
Gậy thiền dầu tránh nơi tiên động,
Rượu lão đâu say chỗ Phật đường.
Thế tục lắm người con mắt thịt,
Phong trần mấy kẻ tấm lòng gương,
Việc trong trời đất : nên, hư, thấy,
Nào để dân ngu phải lỗi đường.
Thơ Tặng Hà Mậu Qua bếp nên khen gã họ Hà,
Năm đời còn biết lẽ ngay tà,
Ra đi chẳng nại đường trời đất,
Chớ lỗi câu nào việc mẹ cha.
Dối thói man di vì nổi trẻ,
Nghĩ ơn thủy thổ cảm cho già,
Một người tìm đạo, muôn người thấy,
Bia để ngàn năm tiếng nước nhà,
Khiến nêu thơ ấy; hai người,
Có công giúp nước, để đời xem trông,
Hai người dựng biểu đền rồng,
Đem nhau về trấn hà đông rõ ràng,
1705.-Tần Khanh về kíp sai quan,
Ra Long môn quận sửa sang cửa nhà,
Dựng nên lương đồng một tòa,
Ơn vua sửa dựng, nêu ra cột cờ.
Tần Khanh liền luận ngày giờ,
Dương, Hà hai họ viết thơ đính kỳ,
Phu nhân lòng rất yêu vì,

Sắm cho hai gái vinh qui về làng.
Trong mình đã đủ nữ trang,
Lại thêm của báu lệnh ban thiếu gì,
1710.-Cửa nhà rứt rờ ai bì,
Hai con vầy ở, đợi kỳ tổng hôn.
Xui nên một huyện Long môn,
Bà con nội ngoại khen đồn tiếng xa.
Ngẫm xem trong cửa họ Hà,
Người sang khách trọng vô ra dập đầu,
Trời trao lộc tốt làm nêu ở đời.
Tới ngày tháng sáu hai mươi.
Họ Dương sắm lễ, nhóm người nghinh hôn.
* * * Nam khương qua đến Long Môn,
Đường đi mười bữa, cầu hôn xa vời.
Tần Khanh trước đã vâng lời,
Kiệu tân rần rộ đến nơi họ Hà,
Họ Dương lễ cưới họ Hà,
Hai trai hai gái một nhà thành thân.
Sánh đôi : Xuân Tuyết, Dương Trân,
Thu Băng, Dương Bửu, cân phân vợ chồng.
Đuốc hoa chén ngọc song song,
Trướng loan gối phụng động phòng thêm xuân.
1720.-Ba ngày liền mở tiệc mừng,
Khắp nơi châu huyện đều dâng liễn đầy,
Người lui kẻ tới đầy đầy,
Gia tô, thầy sãi cũng vầy coi chơi,
Cùng nhau bàn bạc một lời,
Đã ứng bỏ đạo Phật, Trời, theo nho.
Theo nho trên hưởng phước to,
Phấn vua giời mặt nào lo phận hèn,
1724.-Cho hay công ở sách đèn,
Trải xưa nay cũng tiếng khen còn đời.

= HẾT =

Chú thích:

thẳng dùi : Dùi thẳng : không nhất quyết, không gắt chặt.

án: án của Tần Khanh. Lời ở các câu dưới là lời của Tần Khanh nói.

rước mẹ: Mẹ của dương trần, dương Bửu.

Tiểu khoa: Đại đấng khoa : đi thi ; tiểu đấng khoa : cưới vợ.

miêng: đúng, rõ - giọng Nam đọc chữ mình ra miêng.

Vò vò nuôi nhện: Con vò vò làm ổ xong, để trứng trong đó, rồi tìm con sâu minh linh (hoặc con nhện) bỏ vào ổ, bít ổ lại, để cho khi con nó nở ra, thì ăn con minh linh đó. Vì người ta quan sát lầm, tưởng rằng con vò vò nuôi con minh linh (hau con nhện).

Hai mươi bốn thảo<: Ở đây lẫn thì. Xem lời chú ở trước.

Cha phải cha: Cha phải cha, vua phải vua, vợ phải vợ, anh phải anh : là thích nghĩa câu "quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử" của Khổng tử trong sách Luận Ngữ, thiên Nhan Uyên.

cây kiêu: cây cao cành ngẩng. Từ cây thấp cành rủ, ví cha con. **Minh lương**: Minh quân, lương tế.

Huân trì: hai đồ nhạc khí để thổi.

tiệp: hòa nhau, ăn rập nhau.

họ Tần: Bạng Tuyết theo họ chja nuôi.

thi xuân: Xuân thi Tiến sĩ, thu thi hương.

á khô: đậu bậc nhì dưới Trạng nguyên.

phong mộc: gió cây, cũng nói là phong thọ. Nhân câu nói của Cao Ngự "Cây muốn lặng mà gió chẳng dừng; con muốn nuôi mà cha mẹ chẳng đợi".

tàn huyền: mẹ già.

vó câu qua cửa: bóng mặt trời chạy

dấu thỏ lên đèo: dấu thỏ lên đèo; bóng trăng xây.

thiên các: Thiên các nhất phương.

hiên khảo: tiếng kính xưng cha đã qua đời.

ghì: kéo, níu vào.

gió chớp: gió từng chập, cây động từng hồi như chim chớp cánh.

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vy.

Nguồn: SonVanNguyen

Được bạn: Mọt Sách đưa lên

vào ngày: 2 tháng 2 năm 2004